

Số: **3040** /BC-TCS-KH

Cám Phả, ngày 21 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Tình hình chung

Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV được thành lập ngày 05/8/2020; Mã số doanh nghiệp 5702053837 do sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 06/10/2021. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất công nghiệp khai thác, chế biến và kinh doanh than.

Tại thời điểm 01/01/2022: Lao động tổng số: 3.478 người; Vốn điều lệ: 428,468 tỷ đồng. Trong đó vốn góp của Nhà Nước: 279,098 tỷ đồng = 65,14%.

2. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh, điều kiện khai thác, tình hình tiêu thụ than nhiều biến động.....Song dưới sự chỉ đạo điều hành của HDQT, Đảng ủy, bộ máy điều hành cùng với sự cố gắng của tập thể cán bộ công nhân viên chức người lao động Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch PHKD năm 2021. Một số chỉ tiêu đạt cao so với kế hoạch đầu năm và hoàn thành so với kế hoạch điều chỉnh cụ thể:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2021		Thực hiện 2021	Tỷ lệ %	
			KH theo NQ 01/NQ-TCS-DHĐCĐ	KH ĐC		TH/NQ 01	TH/ĐC
A	B	C	1	2	3	4-3/1	5-3/2
1	Bốc xúc đất đá	m ³	60.400.000	62.050.000	62.056.611	102,7	100,0
2	Than sản xuất tổng số	tấn	6.250.000	6.400.000	6.401.600	102,4	100,0
3	Than tiêu thụ	tấn	6.114.000		6.127.296	100,2	
4	Doanh thu than	Tỷ đồng	8.005		8.442	105,4	
5	Tiền lương	đ/ng/thg	9.853.000		12.166.000	123,5	
6	Lợi nhuận	Tỷ đồng	63,638		135,182	212,4	
7	Cổ tức (dự kiến)	%	≥ 7		15	214,2	

8	Dầu tư XDCB	Tỷ đồng	338	243	233	68,9	95,9
---	-------------	---------	-----	-----	-----	------	------

II. ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT QUẢN LÝ

1. Công tác quản lý các chỉ tiêu kỹ thuật, điều hành sản xuất:

- Công tác điều hành được triển khai nhanh quyết liệt, linh hoạt phù hợp với điều kiện sản xuất: (i) Tiếp tục cải tạo điều kiện khai thác, điều hòa đồ thải hợp lý trong điều kiện bãi thải hạn chế do vướng mắc trong công tác giải phóng được mặt bằng, (ii) Điều chuyển các thiết bị linh hoạt giữa 02 khu Cao Sơn và Khe Chàm II để đảm bảo yêu cầu sản xuất và việc làm cho người lao động (iii) tăng cường thực hiện giao ca ngoài khai trường để tăng năng suất thiết bị và tiết kiệm chi phí (iv) Bố trí các kho than hợp lý đảm bảo cho chế biến, tiêu thụ, chứa than tồn (vi) Điều hành khối lượng thuê ngoài phù hợp, tăng tối đa năng lực tự làm để đảm bảo việc làm, tiền lương cho người lao động.

- Các phương án, kế hoạch khai thác được xây dựng kịp thời, linh hoạt theo điều hành của TKV và phù hợp với điều kiện thực tế (Sản xuất tăng thêm 150.000 tấn than nguyên khai) đảm bảo mục tiêu hiệu quả.

- Điều hành, quản lý các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ theo hướng bám sát kế hoạch TKV giao và công ty điều hành, thực hiện tốt hơn để tăng hiệu quả sản xuất cụ thể:

+ Chỉ tiêu khoan nổ mìn: Xây dựng kế hoạch khoan nổ mìn hàng tuần dựa trên điều kiện sản xuất thực tế đảm bảo các thông số kỹ thuật, quy mô bãi nổ, tỷ lệ thuốc nổ chịu nước, tỷ lệ đất đá nổ mìn

+ Thực hiện công tác phòng chống thiên tai - TKCN theo kế hoạch xây dựng, điều kiện thực tế, chủ động trong công tác phòng chống mưa bão với phương châm phòng ngừa là chính.

+ Tỷ lệ âm đất đá: Phổ biến quán triệt cho người lao động chấp hành nghiêm nội quy, quy định quản lý về sơ đồ chất tải, tổ chức giám sát mô hình chất tải, có chế tài, biện pháp xử lý nghiêm. Kết quả thực hiện năm 2021 tỷ lệ âm đất đá thực hiện đảm bảo mục tiêu điều hành: -1,9% (Mục tiêu giao <2%).

+ Báo cáo TKV thông qua và thực hiện điều hành khối lượng vận chuyển thông qua hệ thống Băng tải vượt công suất thiết kế 2,5 triệu m³ đất đá để điều hòa cung độ vận chuyển đất bằng ô tô bám sát kế hoạch TKV điều chỉnh. Giảm chi phí, giá thành.

2. Công tác quản lý - quản trị chi phí

2.1. Công tác Kế toán - Tài chính - Thống kê:

Mặc dù có thời điểm khó khăn về tiêu thụ, huy động vốn nhưng Công ty thanh toán lương, đóng các loại bảo hiểm đầy đủ, đúng thời gian cho người lao động theo đúng thỏa ước lao động. Nộp đầy đủ các loại thuế, phí vào Ngân sách Nhà nước. Thanh toán với các ngân hàng, tổ chức tín dụng đúng với điều khoản hợp đồng, kế ước vay.

Công ty tổ chức hạch toán kế toán, thống kê theo đúng chế độ của Tập đoàn và Nhà nước, đảm bảo nền tài chính lành mạnh, sử dụng có hiệu quả các nguồn

vốn, chủ động khai thác các nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Lợi nhuận thực hiện 135 tỷ.đ/kế hoạch 64 tỷ.đ, công ty bảo toàn vốn.

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện
1	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,68	3,14
2	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	0,68	0,78
3	Vay ngắn hạn phục vụ sản xuất	Tr.đồng	700.000	678.990

2.2. Công tác Kế hoạch và quản trị chi phí:

- Thực hiện chỉ đạo của TKV về “Năm tiết kiệm”, Công ty đã xây dựng phương án Điều hành sản xuất và tổ chức thực hiện tuy nhiên do hai khai trường cách xa nhau, điều kiện khai thác tiếp tục khó khăn nên nhiều chi phí phát sinh tăng, mặc dù công ty đã triển khai linh hoạt nhiều giải pháp để đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra nhưng giá trị tiết kiệm chưa đạt mong muốn.

- Trong công tác quản trị chi phí: tiếp tục thực hiện giao khoán tối đa, tăng tính tự chủ cho các đơn vị: từ quản lý thiết bị, mua sắm vật tư, điều hành sản xuất, công khai minh bạch chi phí, tiền lương của người lao động. Tất cả khối lượng và các chi phí đều có người quản lý, chủ động cập nhật, kiểm soát số liệu điều hành chi phí linh hoạt giữa các khâu, đơn vị để đảm bảo mục tiêu hiệu quả theo phương án điều hành. Tất cả các phòng đã được Công ty giao quản lý, quản trị các nguồn chi phí đã thực hiện đúng các quy định và phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế của Công ty. Kết quả thực hiện năm 2021 công ty tiết kiệm khoán theo quy chế TKV.

2.3. Công tác Đầu tư - Môi trường:

a) Công tác Đầu tư

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ luôn đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, của TKV và quy chế của Công ty, đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng, sớm đưa các hạng mục đầu tư vào sử dụng khai thác vận hành tốt, đạt hiệu quả cao, góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty hàng năm.

- Các dự án, hạng mục chuyển tiếp đều thực hiện đáp ứng yêu cầu chuẩn bị cho năm tiếp theo.

- Giá trị thực hiện năm 2021: 232.990 tr.đ/243.295 tr.đ đạt 95,76% KH năm 2021 TKV điều chỉnh tại CV số 4804/TKV-ĐT ngày 08/10/2021.

b) Công tác môi trường

- Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất:

+ Thường xuyên tưới nước dập bụi tại các tuyến đường vận tải trong khai trường, xây dựng và lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi tại các xưởng sàng, máng ga, trạm nghiền than, hệ thống Băng tải đá.

+ Xây dựng các công trình để bảo vệ ngăn ngừa, ứng phó sự cố môi trường như các công trình mương kè thoát nước đê đập chân bãi thải...; trồng cây phủ xanh những khu vực đất trống, quanh các nhà xưởng, bãi thải để cải tạo cảnh quan môi trường; Xử lý nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất; Thu gom, phân loại và xử lý triệt để các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc, tuyên truyền, vận động cán bộ, CNVC-LĐ trong Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Giá trị thực hiện chi phí bảo vệ môi trường thường xuyên: 50.963 tr.d/51.117 trđ, đạt 99,7% KH TKV giao.

c) Công tác giải phóng mặt bằng:

- Tập trung làm việc với UBND TP Cẩm Phả và các phường xã để triển khai phương án bồi thường GPMB khu bãi thải Bàng Nâu Cao Sơn-giai đoạn III; khu KCII: (i) Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cẩm Phả đang lập phương án bồi thường hỗ trợ GPMB phần còn lại đang tranh chấp các hộ dân, (ii) Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh đang xem xét hồ sơ thuê đất.

2.4. Công tác quản lý Vật tư:

- Công ty thực hiện quản lý, mua sắm vật tư hàng hóa theo đúng các quy định hiện hành, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất của Công ty.

- Tồn kho vật tư năm 2021 là 3,6% tổng giá trị vật tư năm 2021 (giảm 0,16% so năm 2020 là 3,76%). Công ty đảm bảo tỷ lệ tồn kho vật tư theo quy định của TKV.

2.5. Công tác quản lý thiết bị:

- Công tác quản lý thiết bị đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của sản xuất. Thiết bị bố trí hợp phù hợp theo kế hoạch hàng kỳ. Một số thiết bị hết khấu hao, giá thành cao, năng suất thấp đã rà soát và được niêm cất chờ thanh lý. Chi phí sử dụng nhiên liệu bám sát kế hoạch và thực hiện tiết kiệm so với định mức. Một số thiết bị như máy xúc, máy khoan, máy bơm được điều chuyển linh hoạt giữa hai khai trường phù hợp với nhu cầu sản xuất.

- Mặc dù rất quan tâm và tạo mọi điều kiện để máy móc thiết bị phát huy năng suất, tuy nhiên một số thiết bị năng suất chưa đạt, đặc biệt năng suất ca, các thiết bị đạt và vượt sản lượng kế hoạch năm chủ yếu là do tăng thời gian huy động thiết bị.

- Công tác Trung tu và Sửa chữa lớn máy móc thiết bị: Thực hiện tốt công tác quản lý thiết bị, giám sát sửa chữa, bảo dưỡng, trung đại tu. Tiến độ sửa chữa còn một vài thiết bị thực hiện chưa đạt tiến độ, chất lượng sửa chữa cơ bản đáp ứng yêu cầu.

3. Công tác An toàn - An ninh:

3.1. Công tác An toàn:

Công ty đã rà soát, lập các kế hoạch, hộ chiếu, các qui chế, qui định và ban hành lại các văn bản về công tác an toàn đảm bảo đủ điều kiện cho Công ty hoạt động theo đúng pháp luật về AT-VSLĐ, thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về công tác an toàn, phát hiện và xử lý quyết liệt tập thể, cá nhân vi phạm.

Năm 2021, Công ty không xảy ra tai nạn lao động và sự cố thiết bị nghiêm trọng. Tuy nhiên vẫn còn xảy ra một số vụ tai nạn lao động và sự cố thiết bị trong quá trình sản xuất. Công ty đã xác định rõ nguyên nhân đối với các tập thể cá nhân, thực hiện xử lý nghiêm theo đúng quy định. Đồng thời đưa ra các biện pháp khắc phục và ban hành công văn để chấn chỉnh.

3.2. Công tác ANTT - Bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ:

Thực hiện theo đúng các quy định của Pháp luật, của TKV và của Công ty về đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong ranh giới mỏ Công ty quản lý, năm 2021 công ty không để xảy ra mất an ninh trật tự, vi phạm tài nguyên ranh giới mỏ nghiêm trọng

Công ty đã xây dựng và thực hiện tốt các về tăng cường kiểm soát, đảm bảo an ninh trật tự bằng các thiết bị giám sát như camera, gps, hộp đen, bảo vệ vật tư, tài sản trong các phân xưởng, công trường; xây dựng mô hình tự quản do đó không có những vi phạm về khai thác, vận chuyển than trái phép, tình hình ANTT được giữ vững và ổn định.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phối kết hợp với các đơn vị trong địa bàn, cơ quan Pháp luật và chính quyền địa phương làm tốt công tác ANTT.

4. Công tác lao động, tiền lương, thi đua:

4.1. Công tác quản lý lao động:

Công ty bố trí sắp xếp lao động hợp lý đảm bảo yêu cầu sản xuất; Số lao động đầu kỳ 1/1/2021 là 3670 người Lao động cuối kỳ 31/12/2021: 3478 người. Lao động giảm trong kỳ 230 người. Lao động tăng trong kỳ 38 người, Lao động bình quân 3.603 người giảm 393 người so KH (KH 3996 người).

4.2. Công tác quản lý tiền lương:

Xây dựng và ban hành quy chế quản lý lao động tiền lương theo Quyết số 655/QĐ-TCS-HĐQT ngày 11/8/2020 và Hướng dẫn số 766/HD-TCS-TCLĐ ngày 14/8/2020 về việc thực hiện quy chế quản lý lao động và tiền lương. Giao Kế hoạch quỹ lương năm 2021 tại quyết định số 766/QĐ-TCS-TCLĐ ngày 27/01/2021 cho các công trường, phân xưởng, phòng ban, trả lương giao khoán đến từng đơn vị từng chức danh nghề... để các đơn vị chủ động bố trí-lao động và cân đối nguồn tiền lương hợp lý. Ban hành các Quy định: Trả lương lũy tiến

cho công nhân lái xe, vận hành xúc; lương vượt năng suất cho máy khoan; khuyến khích tiền lương theo tiến độ sửa chữa; khuyến khích tiền lương thợ sửa chữa có tay nghề cao; trả lương theo kết quả đánh giá bằng công cụ KPIs đối với Cán bộ quản lý.

4.3. Công tác tái cơ cấu:

Công ty tiến hành xã hội hóa bộ phận phục vụ nấu ăn giữa ca và bồi dưỡng độc hại từ ngày 1/4/2021

Thực hiện theo CV số 1437/QĐ -TKV ngày 7/4/2021 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt nam về việc hướng dẫn cơ cấu tổ chức và định biên lao động quản lý giai đoạn 2021-2023. Công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án tổ chức và định biên lao động tại Quyết định số 5275/QĐ-TCS-HĐQT ngày 25/6/2021. Tổng số CBCNV- LĐ nghỉ chấm dứt theo phương án tái cơ cấu : 37 người.

4.4. Thực hiện chế độ chính sách:

Thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động: Công ty đã đóng đầy đủ, kịp thời chế độ bảo hiểm cho người lao động; Thực hiện tốt chế độ ăn ca, bồi dưỡng hiện vật đảm bảo đủ chất, đủ lượng và ATVSTP.

Thăm quan nghỉ mát. Tổ chức cho 441 cán bộ công nhân viên đi thăm quan du lịch và 276 CBCNV đi nghỉ mát hỗ trợ điều trị; Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người lao động theo đúng quy định;

4.5. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Ban hành kịp thời các chỉ thị, thông báo về việc triển khai thực hiện nghiêm các công tác phòng, chống dịch bệnh theo đúng nội dung các văn bản chỉ đạo của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 các cấp; Tổ chức tuyên truyền đến toàn thể CB-CNVLĐ cách phòng chống dịch covid-19.

Thực hiện nghiêm nội dung các văn bản chỉ đạo của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 các cấp như ban hành các chỉ thị, thông báo về công tác phòng, chống dịch bệnh; Triển khai kịp thời các biện pháp cấp bách trong phòng, chống dịch cho người lao động của Công ty; Rà soát, lập danh sách người lao động có yếu tố dịch tễ, những người đi về từ vùng có dịch, kịp thời báo cáo Ban chỉ đạo phòng, chống dịch cấp trên đồng thời thực hiện xử lý cách ly y tế theo đúng quy định của Bộ y tế.

Với các giải pháp linh hoạt, quyết liệt về phòng chống dịch đã giảm thiểu tối đa tác động của dịch bệnh đến sản xuất. Công ty hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch TKV, đảm bảo tiền lương, đời sống, sức khỏe cho người lao động.

4.6. Công tác thi đua:

Tổng kết danh hiệu thi đua năm 2021, toàn công ty có 3.297 người đạt Lao động tiên tiến, 237 CSTĐ, 382 tổ Lao động tiên tiến và 64 tổ LĐ xuất sắc. 15 Đơn vị đạt xuất sắc, 69 tổ xe máy, tổ sản xuất tiêu biểu xuất sắc, 26 cá nhân xuất sắc được Giám đốc Công ty khen thưởng.

Đã đề xuất các cấp xét tặng danh hiệu và khen thưởng giai đoạn 2017-2021: 37 cá nhân CSTĐ TKV năm 2021; 10 cá nhân là những điển hình tiêu biểu xuất sắc được đón nhận bằng khen của Tổng giám đốc tập đoàn TKV; 05 tập thể tổ và 17 cá nhân Bằng khen của UBQLV NN tại doanh nghiệp; 19 cá nhân CSTĐ của UBQLV NN tại doanh nghiệp; 08 cá nhân, 02 tập thể BK Thủ tướng chính phủ;

Tập thể công ty đề nghị Cờ thi đua của: Tập đoàn TKV, Của UB QLVN, của Chính Phủ và của UBND Tỉnh QN; 04 cá nhân Bằng Lao động sáng tạo.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2022

Tình hình ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp hơn năm 2021 có nguy cơ lan rộng. (ii) Khối lượng than sản xuất điều hành rất cao: 6,7 tr.tấn (5,8 triệu tấn NK + 0,9 triệu tấn than sạch từ ĐDLT), tiêu thụ hoàn toàn phụ thuộc vào nhu cầu chung của thị trường và điều hành của TKV trong điều kiện ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 (iii) Khai trường khu vực Khe Chảm II tiếp tục xuống sâu làm tăng chi phí sản xuất (iv) Dự án mở rộng nâng công suất mỏ Cao Sơn (giai đoạn II) đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, (v) Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu theo phương án TKV đã phê duyệt... Trước những khó khăn trên Đảng ủy, HDQT, ban Giám đốc và tập thể CBCNV Công ty quyết tâm thực hiện hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 với mục tiêu: **AN TOÀN - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ**" cụ thể:

I. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CHÍNH 2022:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH Chính thức	KH Công ty Điều hành	Ghi chú
1	Đất đá bốc xúc (đất CBSX)	1000 m3	61.000	64.100	
2	Than khai thác	1000 tấn	6.400	6.780	
+	Than nguyên khai	"	5.500	5.800	
+	Than sạch từ ĐDLT	"	900	980	
3	Than tiêu thụ	1000 tấn	6.296	6.647	
4	Doanh thu than	Tỷ đồng	8.822	9.398	
5	Tiền lương bình quân	1.000 đ/ng/th	10.658	11.595	
6	Lợi nhuận	Tr.d	68.444	70.000	
7	Dự kiến cổ tức	%	≥ 7	≥ 7	
8	Kế hoạch đầu tư	Tỷ đồng	421.314	421.314	

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác kỹ thuật, điều hành sản xuất:

- Tập trung quản lý công tác kỹ thuật, kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật như hệ số bóc, cung độ vận chuyển, phẩm cấp than, tỷ lệ thu hồi than, phấn đấu thực hiện tốt hơn. Cân đối và điều hòa sản lượng khai thác, chế biến than để phù hợp với yêu cầu tiêu thụ than.

- Nâng cao chất lượng khoan nổ mìn không để các máy xúc thiếu đất bản toại, tiếp tục cải tạo tầng khai thác, đường vận chuyển, bãi thải; tổ chức sản xuất khoa

học để phát huy năng suất thiết bị. Công tác kỹ thuật, điều hành phải gắn với kinh tế, tập trung triển khai quyết liệt thực hiện các giải pháp có hiệu quả cao.

- Nghiên cứu phương án xử lý bùn moong để đẩy nhanh tốc độ xử lý bùn moong trong điều kiện khai thác than lộ thiên ngày càng xuống sâu.

- Tiếp tục áp dụng khoa học công nghệ tin học vào công tác kỹ thuật, điều hành sản xuất. Hoàn thiện công tác giao ca nhật lệnh bằng phần mềm giao ca trực tuyến.

- Xây dựng phương án, tổ chức chế biến, đảo trộn than hợp lý theo phương án điều hành, giám tỷ lệ tổn thất tài nguyên đảm bảo tiến độ tiêu thụ và theo nhu cầu của TKV tăng doanh thu. Các phương án pha trộn tiêu thụ phải tính toán đến hiệu quả kinh tế.

- Phối hợp với các ban TKV và các công ty nhận than để chủ động điều hành công tác tiêu thụ than theo kế hoạch.

- Mặc dù thuê ngoài vào chậm dự kiến cuối quý I, nhưng Công ty tập trung chỉ đạo điều hành phân đấu 6 tháng đầu năm đạt trên 52% KH năm để giảm áp lực sản lượng trong 6 tháng cuối năm.

- Tiếp tục duy trì và quản lý tốt công tác chất tải để đảm bảo tỷ lệ âm trắc địa thấp hơn 2%.

- Phối hợp với công ty Tân Phú Xuân và công ty Tư vấn mở lập phương án chuyên hướng bằng tải trình TKV thông qua để triển khai các bước công việc đảm bảo tiến độ đô thải khu vực khai trường Khe Chàm II theo tiến độ.

2. Công tác An toàn - VSLD:

- Công tác An toàn là nhiệm vụ hàng đầu, tiếp tục rà soát bổ sung, ban hành các nội quy, quy trình đảm bảo đúng, đủ, để thực hiện; tích cực kiểm tra ngăn ngừa những vi phạm, phổ biến, tuyên truyền cho người lao động biết và thực hiện nghiêm quy trình an toàn trong sản xuất với phương châm phòng ngừa là chính. Thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy định và nội quy kỷ luật lao động trong sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý không để xảy ra TNLĐ nghiêm trọng.

- Xây dựng các phương án phòng chống bão, lũ, thiên tai và PCCN để chủ động đối phó với những tình huống khẩn cấp có thể xảy ra.

3. Công tác An ninh

- Đề xuất các giải pháp hạn chế tối đa các tiêu cực trong quá trình sản xuất, tăng cường các biện pháp quản lý phòng ngừa đặc biệt là quản lý than, nhiên liệu, vật tư. Sử dụng hiệu quả các thiết bị giám sát: camera, GPS, hộp đen. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Thực hiện tốt công tác tuần tra canh gác, bảo vệ an toàn tài sản, trật tự an ninh trong Công ty, trên khai trường sản xuất. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành các Quy định của pháp luật, của Công ty về PCCC cho CB - CNV.

4. Công tác Tổ chức - Lao động tiền lương:

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định cho phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, của Tập đoàn và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Bố trí cơ cấu lao động hợp lý, đảm bảo việc làm tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội nâng cao năng lực quản lý, trình độ tay nghề, tăng NSLĐ, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống. Phần đầu thu nhập bình quân không thấp hơn năm 2021, chăm lo tốt đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cho CNVC - NLĐ.

- Tiếp tục nghiên cứu rà soát hoàn thiện các Quy chế quản lý lao động, tiền lương; thi đua khen thưởng; Nội quy lao động; Thỏa ước lao động tập thể... để đảm bảo hơn nữa quyền lợi của người lao động.

- Tiếp tục thực hiện trả lương theo kết quả đánh giá bằng KPIs.

* Công tác tái cơ cấu: Tiếp tục triển khai công tác Tái cơ cấu đảm bảo tiến độ theo phương án đã trình TKV phê duyệt. Ổn định tổ chức, ổn định sản xuất khi tiết giảm lao động gián tiếp. Chủ động bố trí lao động phù hợp, triển khai tuyển lao động theo kế hoạch được TKV phê duyệt đảm bảo đủ lao động phục vụ cho sản xuất.

5. Công tác Đầu tư - Môi trường - GPMB:

- Triển khai công tác đầu tư năm 2022 theo đúng kế hoạch và các quy định hiện hành và đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã xây dựng đáp ứng yêu cầu sản xuất của Công ty;

- Tập trung, phối hợp với TKV, đơn vị bạn và các cấp quản lý để cấp phép dự án mở rộng nâng công suất Mỏ than Cao Sơn giai đoạn 2; Khẩn trương hoàn thiện các gói thầu thuê ngoài để các đơn vị thực hiện sản lượng từ tháng 4 năm 2022.

- Công tác môi trường: cần được quan tâm hơn triển khai theo dõi giám sát hoàn thiện các công trình môi trường, thu gom chất thải nguy hại đúng quy định. Tăng cường công tác quản lý, kiên quyết xử lý đối với các đơn vị vi phạm về công tác môi trường đặc biệt là người đứng đầu.

- Công tác giải phóng mặt bằng: Phối hợp với thành phố Cẩm phá, các phường đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng phần diện tích năm 2021 chưa thực hiện đồng thời bám sát tiến độ phần diện tích năm 2022 để công ty chủ động điều hoà đồ thải.

6. Công tác quản lý thiết bị:

- Tăng cường quản lý thiết bị, rút ngắn thời gian sửa chữa thiết bị tăng thời gian hoạt động thiết bị. Để nâng cao năng suất thiết bị. Tiếp tục điều chỉnh bổ sung hoàn thiện các quy định, định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu, quy chế tiên tiến, linh hoạt phù hợp thực tế sản xuất; hạch toán rõ ràng cụ thể cho từng thiết bị, cương quyết thanh lý các thiết bị hết khấu hao, chi phí lớn, giá thành cao

- Quản lý, đánh giá việc thực hiện của các thiết bị để có các biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hệ số huy động thiết bị, rà soát các thiết bị cũ hết khấu hao năng suất kém có kế hoạch thanh lý.

- Theo dõi chặt chẽ quá trình sửa chữa thiết bị, đảm bảo chất lượng, tiến độ sửa chữa theo đúng quy định. Phần đầu rút ngắn được tiến độ sửa chữa nhưng phải đảm bảo chất lượng.

7. Công tác quản lý Vật tư:

- Lập nhu cầu vật tư dài hạn, chính xác, điều hành đảm bảo tỷ lệ tồn kho theo quy định đồng thời đáp ứng tiến độ cho sản xuất và công tác sửa chữa thiết bị của Công ty. Đặc biệt lưu ý về thời gian cấp vật tư có thể kéo dài khi nguồn cung cấp gián đoạn do ảnh hưởng của dịch Covid. Chất lượng vật tư phải đảm bảo.

- Áp dụng khoa học công nghệ tin học vào công tác vật tư. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý vật tư đảm bảo đúng quy định, chủ động tìm kiếm thêm các nhà cung cấp để đảm bảo cạnh tranh.

8. Công tác Kế hoạch và Quản trị chi phí:

- Tiếp tục phương châm giao khoán gọn, khoán tối đa để tăng cường hơn nữa tính chủ động cho các đơn vị trong thực hiện sản lượng và chi phí để mang lại hiệu quả tốt nhất. Xây dựng phương án điều hành gắn với kiểm soát chi phí để thực hiện đảm bảo lợi nhuận kế hoạch, hiệu quả sản xuất theo kế hoạch TKV giao và Đại hội đồng cổ đông thông qua

- Giao khoán sản lượng, chi phí cho các đơn vị, đảm bảo tất cả các chi phí đều có người quản lý. Chủ động cập nhật, kiểm soát số liệu, hàng tháng nghiệm thu, quyết toán khoán đối với các đơn vị, chỉ ra ưu điểm, tồn tại để đưa ra biện pháp điều hành phù hợp. Tất cả các phòng đã được Công ty giao quản lý, quản trị các nguồn chi phí phải bám sát tình hình sử dụng chi phí đảm bảo mục tiêu Công ty điều hành.

9. Công tác phòng chống dịch Covid 19 và các công tác khác

- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch linh hoạt, phù hợp theo quy định của các cấp và TKV. Xây dựng phương án phòng chống dịch đảm bảo theo yêu cầu của các cấp và phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty theo từng thời điểm để chủ động ứng phó hiệu quả với tình hình dịch. Tiếp tục thực hiện chiến lược tổng thể thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch Covid-19 đảm bảo SXKD ổn định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, công tác thi đua đặc biệt là thi đua giành năng suất cao, tiết kiệm chi phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật gắn với hiệu quả sản xuất.

- Tăng cường duy trì các hoạt động văn hóa thể thao để nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần cho người lao động. Tiếp tục cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe, đảm bảo việc làm, tiền lương cho người lao động yên tâm sản xuất phần đầu hoàn thành toàn diện kế hoạch SXKD năm 2022.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (b/c)
- HĐQT Công ty (b/c)
- Đảng ủy, Công đoàn, TNiên;
- Giám đốc, các Phó giám đốc
- Các Cổ đông
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC



Phạm Quốc Việt

Cẩm Phả, ngày 21 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị
về quản trị công ty và giám sát ban điều hành năm 2021
Phương hướng nhiệm vụ của HĐQT năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Than Cao Sơn - TKV

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2021;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-TCS-DHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2021,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị công ty và giám sát ban điều hành năm 2021; Phương hướng nhiệm vụ năm 2022 như sau:

Năm 2021, Công ty CP Than Cao Sơn-TKV thực hiện nhiệm vụ của TKV giao trong điều kiện gặp rất nhiều khó khăn: (i) Dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi mặt đời sống xã hội và SXKD. (ii) Tình hình tiêu thụ than dầu năm toàn TKV nói chung, của Công ty nói riêng rất khó khăn, than chất lượng cao không tiêu thụ được, ngoài ra sản lượng tiêu thụ theo KH đầu năm rất cao (6.114.000 tấn), Công ty còn phải giao tiêu thụ than gửi kho từ năm 2020 (500.000 tấn) và khối lượng điều hành tăng (150.000 tấn); mặt khác, tình hình tiêu thụ than toàn Tập đoàn những tháng đầu năm cũng gặp khó khăn đã ảnh hưởng đến công tác điều hành sản xuất và tiêu thụ của Công ty. (iii) Công tác thực hiện quy hoạch đồ thái, GPMB gặp không ít khó khăn. (iv) Sau hợp nhất, Công ty tiếp tục thực hiện lộ trình tái cơ cấu theo phương án TKV đã phê duyệt vì vậy ảnh hưởng nhiều tới tư tưởng của người lao động.

Tuy nhiên, phát huy truyền thống kỷ luật và đồng tâm của đội ngũ Người thợ mỏ, phát huy những kết quả đạt được của năm 2020, đặc biệt là thành tựu của quá trình hoạt động sau 05 tháng Công ty hợp nhất (từ 05/8/2020 – 31/12/2020), trên cơ sở Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị Công ty đã lãnh đạo thực hiện hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu SXKD năm 2021, cụ thể như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Cơ cấu tổ chức của HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty hiện nay gồm 05 uỷ viên:

Trong đó có 02 thành viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý Công ty và 02 thành viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý Cơ quan TKV và 01 thành viên HĐQT chuyên trách làm nhiệm vụ thường trực. Các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, đã chỉ đạo bộ máy điều hành thông qua các Nghị quyết, quyết định của HĐQT để quản lý Công ty chặt chẽ, đúng pháp luật, minh bạch đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

- Các thành viên HĐQT đều được thông tin đầy đủ kịp thời, chính xác các hoạt động của Công ty.

- HĐQT duy trì nề nếp các cuộc họp thường kỳ, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định, các cuộc họp đều mời và có sự tham gia chứng kiến của Ban kiểm soát Công ty, các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT đều được Chủ tịch HĐQT báo cáo HĐQT xem xét quyết định. Trong năm, HĐQT tổ chức 31 phiên qua hình thức họp trực tiếp và họp gián tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 32 nghị quyết, 60 quyết định và 101 văn bản khác đi kèm chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đầu tư; sửa đổi, bổ sung và ban hành 12 quy chế quản lý. Hội Đồng quản trị đã khẩn trương triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22/4/2021, chỉ đạo chặt chẽ, đúng pháp luật, giám sát bộ máy điều hành quản lý công ty trên các lĩnh vực SXKD một cách minh bạch, công khai.

2.1. Công tác tổ chức, cán bộ

Hội đồng quản trị đã tiếp tục thực hiện công tác tổ chức - cán bộ, sắp xếp hoàn thiện bộ máy quản lý từ Công ty đến các đơn vị sản xuất theo mô hình mẫu của doanh nghiệp sản xuất Than (trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - TKV).

- Công tác tổ chức: Sáp nhập 02 công trường khai thác 3, 4; giải thể Phân xưởng vận tải 14. Đến cuối năm 2021, từ 25 đơn vị công trường phân xưởng, Công ty chỉ còn 23 đơn vị, 14 phòng theo đúng mô hình mẫu của TKV quy định, giảm 02 đầu mối.

- Công tác cán bộ: Năm 2021, đánh dấu một năm trưởng thành mới đối với Công ty CP than Cao Sơn-TKV sau chủ trương hợp nhất công ty của TKV. Công ty tiếp tục duy trì ổn định SX, cơ cấu tổ chức và bộ máy hoạt động hiệu quả. Công ty đã

thực hiện từng bước công tác tái cơ cấu công ty theo lộ trình 2021 – 2025, gắn với việc thực hiện các quy chế định biên lao động quản lý theo phương án được duyệt. Nhiều các bộ xấp xỉ tuổi nghỉ chế độ hưu trí đã được Công ty giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi, góp phần giảm tỷ lệ lao động gián tiếp. Công ty đã hoàn thiện và HĐQT phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo công ty giai đoạn 2021-2025. Từ 01/10/2021 Công ty đã thực hiện rất thành công việc chuyển giao lãnh đạo khi đồng chí Giám đốc Công ty được nghỉ hưu, hưởng chế độ BHXH. Công ty đã được lãnh đạo Tập đoàn tin tưởng giao cho Công ty thực hiện bổ nhiệm Giám đốc mới từ nguồn cán bộ-tại chỗ theo Quy hoạch cán bộ lãnh đạo Công ty giai đoạn 2020-2025 đã được TKV thông qua và HĐQT Công ty phê duyệt. Đây là thành quả chung ghi nhận sự đoàn kết, thống nhất cao của tập thể Đảng bộ, của các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty, của đội ngũ cán bộ lãnh đạo Công ty, đáp ứng niềm tin của Người lao động đường lối lãnh đạo của Đảng, xây dựng công ty ngày càng phát triển, là tiền đề để Công ty tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực đảm nhận các vị trí lãnh đạo của Công ty khi cần.

2.2. Công tác đầu tư

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty đã triển khai các hạng mục theo đúng Nghị quyết DHDGD và các quy định hiện hành. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua kế hoạch đầu tư với giá trị: 338 tỷ đồng. Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty chủ động rà soát toàn bộ các hạng mục công trình theo yêu cầu thực tế của sản xuất, những hạng mục nào chưa cần thiết hoặc không phù hợp thì điều chỉnh giảm và bổ sung các công trình cần thiết phục vụ sản xuất năm 2021. Thực hiện công tác đầu tư xây dựng năm 2021 là 233 tỷ đồng bằng 68,9% kế hoạch Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2.3. Công tác giám sát đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý Công ty

- HĐQT đã tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động SXKD của Công ty. HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo đúng chương trình trong kế hoạch hoạt động theo Nghị quyết số 01/NQ-TCS-HĐQT ngày 04/01/2021 của HĐQT đã đề ra. Trong năm 2021, HĐQT đã 01 cuộc giám sát chuyên đề lớn về “Công tác kế hoạch SXKD và Tái cơ cấu Công ty”. HĐQT đã có báo cáo kết quả giám sát chuyên đề số 5401/BC-TCS-HĐQT làm cơ sở chỉ đạo điều hành chung năm 2021.

- HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi để Giám đốc điều hành chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện tốt Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và TKV.

- Trong quá trình tổ chức hoạt động SXKD, Giám đốc và bộ máy quản lý Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty ban hành. Giám đốc và bộ máy điều hành đã linh hoạt triển khai kế hoạch SXKD theo các phương án phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

2.4. Phối hợp với các tổ chức chính trị trong Công ty

HDQT phối hợp với Đảng ủy Công ty lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của Công ty bằng việc triển khai Quy chế phối hợp lãnh đạo số 05-QCPH/ĐU-HDQT-GĐ ngày 06/8/2020, về việc “phối hợp lãnh đạo giữa Đảng ủy với Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty”. HDQT đã chỉ đạo Giám đốc Công ty tạo các điều kiện thuận lợi cho các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh hoạt động và tham gia quản lý theo đúng quy định của pháp luật, chức năng nhiệm vụ của các tổ chức.

3. Công tác bảo toàn và phát triển vốn

Mặc dù năm 2021, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong tổ chức sản xuất, song với sự nỗ lực cố gắng của toàn bộ hệ thống chính trị từ Đảng ủy, HDQT, Ban Giám đốc và các tổ chức quần chúng trong Công ty, công ty sản xuất kinh doanh có lãi, lợi nhuận trước thuế: 135,931 / 63,638 tỷ đồng, bằng 213,6% NQ ĐHĐCĐ đề ra.

- Vốn chủ sở hữu đầu kỳ: 734.949 triệu đồng;
- Vốn chủ sở hữu cuối kỳ: 744.507 triệu đồng;
- + Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 3,13 lần/4,68 lần KH;
- + Dư vay vốn ngắn hạn: 678.990 triệu đồng/700.000 triệu đồng KH;
- + Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 0,78 lần / 0,68 lần KH.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

1. Cơ cấu tổ chức

Từ 01/01/2021 đến 30/9/2021: Ban giám đốc điều hành của Công ty gồm có 07 thành viên: 01 Giám đốc, 05 Phó giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021: Ban Giám đốc điều hành công ty gồm 06 thành viên: 01 Giám đốc, 04 Phó giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

Từ 01/01/2021 đến 31/10/2021 Công ty có 14 phòng chuyên môn và 25 công trường, phân xưởng. Từ 01/11/2021 đến 31/12/2021 số công trường, phân xưởng giảm còn 24 (sáp nhập hai CTKT số 3 và số 4).

2. Công tác quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh

2.1. Đánh giá chung

Bộ máy quản lý điều hành hoạt của công ty đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, thực hiện tuyệt đối sự lãnh đạo của HDQT; đồng thời đã chỉ đạo, tổ chức điều hành sản xuất, phối hợp, quan hệ tốt với các đơn vị bạn để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Giám đốc và Bộ máy quản lý đã chủ động, tích cực, xử lý kịp thời, điều hành những vấn đề phát sinh trong quản lý, đã đề ra và tổ chức thực hiện các giải pháp để hoàn thành vượt các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã quyết nghị.

2.2. Kết quả cụ thể

* Các chỉ tiêu cụ thể được đánh giá theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH theo NQ 01/NQ-TCS-ĐHĐCĐ	Thực hiện 2021	Tỷ lệ % so sánh TH/KH
A	B	C	1	3	4=3/1
1	Bốc xúc đất đá	m ³	60.400.000	62.056.611	102,7
2	Than sản xuất tổng số	tấn	6.250.000	6.401.600	102,4
3	Than tiêu thụ	tấn	6.114.000	6.127.296	100,2
4	Doanh thu than	Tỷ đồng	8.005	8.442	105,4
5	Tiền lương	đ/ng/thg	9.853.000	12.166.000	123,5
6	Lợi nhuận	Tỷ đồng	63.638	135.182	212,4
7	Cổ tức	%	≥7	15	142,8
8	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	338	233	68,9

*** Công tác Tổ chức - Lao động:**

Công ty thực hiện công tác tổ chức, quản lý lao động, tiền lương và sử dụng lao động đúng theo quy chế do HĐQT Công ty ban hành, tuân thủ các quy định của TKV và Pháp luật hiện hành. Năm 2021 mặc dù Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình SXKD nhưng Công ty vẫn bố trí đầy đủ việc làm cho người lao động, đảm bảo thu nhập của CB - NLĐ ổn định, tiền lương bình quân 12,166 tr.đ/ng/tháng (đạt 123,5% KH).

- Tổ chức thực hiện công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ: Năm 2021 Công ty đã làm các thủ tục trình Ban thường vụ Đảng ủy, HĐQT, báo cáo Tập đoàn TKV và thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm theo quy định:

+ Thực hiện bổ nhiệm: 19 người, gồm: Giám đốc: 01; Quản đốc: 04; Phó quản đốc: 13; Phó phòng: 01.

+ Thực hiện điều động, luân chuyển: 27 người, gồm: Trưởng phòng: 02; Quản đốc: 03; Phó phòng: 05; Phó quản đốc: 17.

- Hoàn thiện các thủ tục theo quy định trình HĐQT bổ nhiệm, luân chuyển, nâng lương đối với các cán bộ HĐQT quản lý.

Tổng số công nhân lao động đến 31/12/2021: 3.478 người.

*** Công tác an toàn vệ sinh lao động:**

Bộ máy điều hành thường xuyên tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện quy trình quy phạm an toàn tại các đơn vị. Xây dựng và ban hành đầy đủ các nội quy, quy trình, quy phạm cho các ngành nghề; tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho cán bộ công nhân; không ngừng cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Công tác An toàn - BHLĐ được Công ty đặc biệt quan tâm và chú trọng. Công ty thường xuyên kiểm tra giám sát quá trình sản xuất để chỉ ra những nguy cơ tiềm ẩn có thể xảy ra tai nạn và sự cố thiết bị, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho người lao động và thực hiện tốt công tác huấn luyện theo quy định mới. Tuy

nhiên, năm 2021 công ty còn xảy ra 09 vụ tai nạn lao động và 14 vụ sự cố thiết bị. Nguyên nhân chủ yếu do người lao động làm việc chủ quan, thiếu cẩn thận, chưa chấp hành đầy đủ nội quy, quy trình; công tác kiểm tra, giám sát của cán bộ quản lý còn thiếu sâu sát, chưa có biện pháp chỉ đạo kịp thời để xử lý nguy cơ.

- Công tác PCCN: Công ty đã trang bị hệ thống hỗ trợ dập cháy cho các thiết bị vận tải, cơ điện. Đã làm tốt công tác huấn luyện cho các Công trường, phân xưởng và thường xuyên kiểm tra PCCN tại các đơn vị.

* Công tác An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:

Trong năm 2021 công tác an ninh trật tự trên khai trường mở, khu vực văn phòng Công ty và trên địa bàn ranh giới quản lý tài nguyên đảm bảo ổn định, không có vụ việc gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội.

* Công tác môi trường:

Thường xuyên duy trì và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật.

* Công tác Tài chính:

Tài chính của Công ty là lành mạnh, các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt hiệu quả, không có các khoản nợ xấu.

3. Thực hiện mối quan hệ công tác với các tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị khác

Trong quá trình tổ chức sản xuất, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với Công đoàn, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức chính trị khác trong Công ty. Sự phối kết hợp đó thể hiện bằng các Nghị quyết liên tịch giữa Giám đốc - Công đoàn - Đoàn thanh niên; Giám đốc - Công đoàn và các văn bản phối hợp của Đảng ủy với chuyên môn trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

4. Công tác phòng chống dịch Covid-19

Năm 2021, Công tác chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đảm bảo giữ vững nhịp độ sản xuất, bảo vệ sức khỏe người lao động. Công ty đã triển khai kịp thời và hiệu quả nội dung Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, về “Quy định tạm thời thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covi-19”.

5. Thù lao trả cho HĐQT, Ban kiểm soát

Thực hiện chi trả theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 và các quy định của Nhà nước.

Tổng số tiền thù lao trả cho HĐQT trong năm 2021:	271.920.000 đ.
Tổng số tiền thù lao trả cho Ban kiểm soát trong năm 2021:	265.200.000 đ.
Tổng số tiền thù lao trả cho IIDQT, BKS trong năm 2021:	537.120.000 đ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2022

Năm 2022, theo Kế hoạch Phối hợp kinh doanh với TKV, sản lượng than nguyên khai của Công ty là 6 triệu 400 nghìn tấn, tăng 150 nghìn tấn so với nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021. Đây là một năm có rất nhiều khó khăn, thách thức đối với Công ty trong lúc tình hình dịch bệnh covid-19 đang có nhiều diễn biến phức tạp, điều kiện khai thác ngày càng phải xuống sâu, đặc biệt là khu khai trường Khe Châm II, thời tiết diễn biến khó lường, giá cả vật tư đầu vào có nhiều biến động tăng trong đó có giá nhiên liệu tăng cao trong những tháng đầu năm. Tuy nhiên Công ty cũng có những thuận lợi cơ bản như mô hình tổ chức và cơ chế quản lý của Công ty sau hơn 01 năm hợp nhất hoạt động ổn định và đạt hiệu quả, lực lượng cán bộ quản lý được rèn luyện, nâng cao; người lao động trong Công ty có tay nghề, năng động và đoàn kết; máy móc thiết bị trong Công ty đáp ứng cho nhiệm vụ sản xuất.

Nhằm đảm bảo lợi nhuận, cố gắng cho cố đông, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, trên cơ sở điều hành phối hợp kinh doanh của TKV. Hội đồng quản trị thống nhất trình các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng hoạt động năm 2022 với Đại hội:

1. Các chỉ tiêu sản xuất chính

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH Chính thức	KH Công ty Điều hành	Ghi chú
1	Đất đá bốc xúc (đất CBSX)	1000m ³	61.000	64.100	
2	Than khai thác	1000 tấn	6.400	6.780	
+	<i>Than nguyên khai</i>	"	5.500	5.800	
+	<i>Than sạch từ ĐĐT</i>	"	900	980	
3	Than tiêu thụ	1000 tấn	6.296	6.647	
4	Doanh thu than	Tỷ đồng	8.822	9.398	
5	Tiền lương bình quân	1.000 đ/ng/th	10.658	11.595	
6	Lợi nhuận	T.đ	68.444	70.000	
7	Dự kiến cố tức	%	≥7	≥7	
8	Kế hoạch đầu tư	Tỷ đồng	464.992	464.992	

2. Một số nội dung và giải pháp cần tập trung chỉ đạo

Năm 2022 HĐQT tiếp tục triển khai Phương án tái cơ cấu sau hợp nhất Công ty giai đoạn 2020 -2025, trong đó có Phương án tái cơ cấu bố trí, sắp xếp lao động quản lý giai đoạn 2021-2023; yêu cầu nâng cao chất lượng các mặt công tác của công ty; trên cơ sở đó chỉ đạo bộ máy điều hành triển khai đánh giá thực trạng, chỉ ra những ưu

nhược điểm, phân tích nguyên nhân từ đó đề ra các giải pháp trong việc giáo dục nhận thức cho người lao động, trong tổ chức điều hành, trong quản lý của các mặt công tác như: Công tác quản trị các chỉ tiêu công nghệ; Công tác quản lý lao động nhằm đáp ứng cho hiệu quả vận hành thiết bị và cơ chế chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động để thúc đẩy người lao động vận hành thiết bị với năng suất cao. Nâng cao năng suất lao động trong vận hành máy móc thiết bị, đảm bảo công tác an toàn trong mọi mặt hoạt động sản xuất và phục vụ sản xuất của công ty.

Thực hiện công tác Đầu tư theo đúng các quy định của pháp luật, của TKV và của Công ty. Triển khai khởi công Dự án CTMRNCS mỏ Than Cao Sơn giai đoạn 2 vào đầu quý IV năm 2022.

Chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện đầy đủ các nội quy, quy trình, quy phạm cho các ngành nghề; tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho cán bộ công nhân; không ngừng cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, thực hiện nghiêm nội quy, quy định của Công ty, của Tập đoàn về công tác AT - VSLĐ, công tác môi trường, chất thải độc hại và nước thải...

Tiếp tục thực hiện những biện pháp, giải pháp cụ thể để tiết giảm chi phí trong từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, thực hiện tăng năng suất lao động đảm bảo tiết giảm chi phí như:

+ Quản lý tốt các khâu kỹ thuật cơ bản, tăng hiệu quả sàng tuyển và tỷ lệ thu hồi than, giảm tỷ lệ tổn thất tài nguyên.

+ Phát huy hết công suất của máy móc thiết bị, giảm tối đa giờ hoạt động vô ích, tăng năng suất thiết bị.

+ Có chính sách tuyển dụng, đãi ngộ những lao động thợ bậc cao nhằm đáp ứng cho công tác sửa chữa, nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng thiết bị.

+ Nâng cao trình độ cán bộ, người lao động trong Công ty, tổ chức lao động hợp lý khoa học.

3. Định hướng hoạt động của HDQT năm 2022

HDQT hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Công ty. HDQT hoạt động theo kế hoạch ban hành tại Nghị quyết số 03/NQ-TCS-HDQT ngày 24/01/2022.

Nâng cao chất lượng hoạt động của HDQT, tạo sự đoàn kết thống nhất của tập thể CB-NLĐ trong Công ty, tập trung sự lãnh đạo, đề ra các giải pháp, biện pháp kịp thời giúp Ban Giám đốc Công ty tạo sự ổn định và phát triển trong SXKD.

HDQT duy trì nề nếp các cuộc họp thường kỳ, xem xét quyết định kịp thời các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HDQT giúp cho Giám đốc Công ty quản lý, chỉ đạo điều hành SX năm 2022 đạt hiệu quả cao, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Giám đốc và bộ máy quản lý của Công ty đúng pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội

đồng cổ đông, nghị quyết - quyết định của Hội đồng quản trị. Chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua và đảm bảo quyền, lợi ích của các cổ đông Công ty.

Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức cán bộ, sắp xếp hoàn thiện bộ máy quản lý từ Công ty đến các đơn vị sản xuất theo hướng luân chuyển cán bộ một cách hợp lý, kiện toàn, bổ sung thành viên HĐQT, Ban Giám đốc điều hành. Hoàn thiện, xây dựng, sửa đổi (nếu cần) các quy chế quản lý của công ty chặt chẽ, nhưng vẫn linh hoạt, phù hợp với quy định mới của pháp luật.

Tiếp tục triển khai đề án tái cơ cấu đã được Tập đoàn TKV Việt Nam phê duyệt giai đoạn sau hợp nhất 2020- 2025.

HĐQT phối hợp với Đảng ủy Công ty lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của Công ty, tạo các điều kiện thuận lợi cho các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh,... hoạt động và tham gia quản lý theo đúng quy định của pháp luật, chức năng nhiệm vụ của các tổ chức.

Kính thưa quý vị cổ đông, trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, của HĐQT năm 2021, với rất nhiều nỗ lực, cố gắng, HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành Công ty đã chỉ đạo, điều hành, tổ chức sản xuất, đảm bảo đủ việc làm cho người lao động trong điều kiện thực tế sản xuất gặp nhiều khó khăn và đã mang lại một kết quả tốt đẹp: Sản xuất kinh doanh có lãi, bảo toàn vốn và gia tăng lợi ích của cổ đông, đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động đạt ở mức cao. HĐQT xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó, hợp tác của các cổ đông, sự nỗ lực của ban lãnh đạo và tập thể CB-NLĐ Công ty để tiếp tục vượt qua mọi thách thức và thúc đẩy đà phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị công ty và giám sát ban điều hành năm 2021, một số định hướng hoạt động thực hiện nhiệm vụ năm 2022. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022

Kính chúc quý vị Đại biểu, toàn thể cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!

Xin chân thành cảm ơn và chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- Đại hội ĐCĐ TN 2022;
- Các cổ đông
- Lưu VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Khấn

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN-TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /BC-TCS-BKS

Cám Phá, ngày 24 tháng 3 năm 2022.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

V/v Đánh giá hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban GD Công ty
Thẩm định Báo cáo Tài chính Công ty năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2338/QĐ - TKV ngày 31/12/2020 của HĐTV TKV V/v ban hành Quy chế quản lý Người đại diện của Tập đoàn tại các doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV (sau đây gọi tắt là Công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2021;

Căn cứ Báo cáo hoạt động của HĐQT, Báo cáo kết quả SXKD của Ban GD và Báo cáo tài chính Công ty năm 2021 đã được Công ty TNHH PKF - Việt Nam thực hiện kiểm toán.

Thực hiện quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát Công ty báo cáo, trình Đại hội kết quả giám sát của Ban năm 2021, cụ thể như sau:

PHẦN I TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.

1. Nhân sự của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát Công ty được Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu từ ngày 22/4/2021 bao gồm các thành viên:

- 1.1. Bà: Nguyễn Thị Lịch - Trưởng Ban.
- 1.2. Bà: Dương Thị Thu Phong - Thành viên.
- 1.3. Bà: Lê Thị Kim Dung - Thành viên.
- 1.4. Bà: Nguyễn Thị Bích Hải - Thành viên.
- 1.5. Ông: Nguyễn Huy Hoàng - Thành viên.

2. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát.

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát đã họp và thống nhất phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban theo Biên bản phân công nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Định kỳ hàng quý và năm Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo nội dung đã phân công.

Các thành viên Ban kiểm soát tự chịu trách nhiệm trước các lĩnh vực được giao. Chủ động kiểm soát các lĩnh vực được phân công hoặc phối hợp với các thành viên trong Ban, với hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty để thực thi nhiệm vụ.

Trong quá trình kiểm tra, giám sát, các thành viên Ban kiểm soát không được làm ảnh hưởng đến công việc SXKD bình thường của Công ty.

Chủ động kiến nghị với HĐQT và Ban giám đốc Công ty những vi phạm phát hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm về số liệu, tài liệu báo cáo.

3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Công ty:

Năm 2021 Ban kiểm soát đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình theo đúng Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban, cụ thể:

- Giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT thông qua việc thực hiện các văn bản quản lý của Nhà nước, Tập đoàn, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong Công ty thông qua việc thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty với Tập đoàn. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các văn bản quản lý khác của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty.
- Kiểm soát việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nội bộ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Giám sát việc thực thi pháp luật và công bố thông tin của Công ty theo quy định.
- Thẩm định Báo cáo Tài chính, Báo cáo Giám sát, Báo cáo công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban giám đốc Công ty, trình HĐQT Tập đoàn, Đại hội đồng cổ đông Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước.
- Giám sát việc phối hợp lãnh đạo Công ty thông qua Nghị quyết liên tịch giữa Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.
- Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực: Tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng, sử dụng và chế độ của người lao động.
- Giám sát Ban Giám đốc Công ty trong việc thực thi những kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kiểm soát nội bộ,...
- Đề xuất lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để HĐQT thực hiện lựa chọn, xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban Giám đốc và các cuộc họp khác của Công ty khi được mời với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban GD Công ty và các Cổ đông.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

- Quá trình thực hiện từng thành viên Ban kiểm soát đã phối hợp thực hiện công việc đảm bảo theo phân công nhiệm vụ và Điều lệ Công ty.

PHẦN II KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT Công ty.

Năm 2021, Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV thực hiện nhiệm vụ của TKV giao trong điều kiện gặp nhiều khó khăn: Dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tới mọi mặt đời sống xã hội và SXKD. Tình hình tiêu thụ than đầu năm toàn TKV nói chung, của Công ty nói riêng rất khó khăn, than chất lượng cao không tiêu thụ được, ngoài ra sản lượng tiêu thụ theo kế hoạch đầu năm cao (6.114.000 tấn), Công ty còn phải giao tiêu thụ than gửi kho từ năm 2020 (khối lượng 500.000 tấn) và khối lượng điều hành than nguyên khai sản xuất tăng (khối lượng 150.000 tấn); mặt khác, tình hình tiêu thụ than toàn Tập đoàn những tháng đầu năm cũng gặp khó khăn đã ảnh hưởng đến công tác điều hành sản xuất và tiêu thụ của Công ty. Công tác thực hiện quy hoạch đồ thái, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn. Sau hợp nhất, Công ty tiếp tục thực hiện lộ trình tái cơ cấu theo phương án TKV đã phê duyệt vì vậy cũng ảnh hưởng tới tư tưởng của người lao động.

- HĐQT Công ty đã thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Thực hiện chức năng quản lý Công ty thông qua việc ban hành Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Quy định và giám sát việc thực hiện.

- Năm 2021 HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ, các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát Công ty, ban hành nhiều Nghị quyết, quyết định liên quan đến các lĩnh vực quản lý điều hành SXKD của Công ty. Hội đồng quản trị đã khẩn trương triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22/4/2021, chỉ đạo chặt chẽ, đúng pháp luật, giám sát bộ máy điều hành quản lý Công ty trên các lĩnh vực SXKD một cách minh bạch, công khai.

- Việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quản lý đã giúp cho công tác quản trị điều hành của Công ty trong năm được linh hoạt hơn, hiệu quả hơn. Các văn bản quản lý HĐQT ban hành đúng thẩm quyền, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Công ty tiếp tục thực hiện công tác tổ chức, cán bộ, sắp xếp hoàn thiện bộ máy quản lý từ Công ty đến các đơn vị sản xuất dần theo mô hình mẫu của doanh nghiệp sản xuất Than (trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - TKV). Từ 01/10/2021 Công ty đã thực hiện thành công việc chuyển giao lãnh đạo khi đồng chí Giám đốc Công ty được nghỉ hưu. Thực hiện sáp nhập, giải thể một số

Công trường, phân xưởng đảm bảo theo đúng mô hình mẫu của TKV quy định và phù hợp với thực tế sản xuất của Công ty.

- HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Đầu tư xây dựng, Tài chính, quản lý nội bộ,... thuộc thẩm quyền đồng thời giám sát quá trình triển khai thực hiện.

- HĐQT công ty đã phối hợp với Đảng uỷ Công ty lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của Công ty thông qua Quy chế phối hợp. HĐQT đã chỉ đạo Giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh hoạt động và tham gia quản lý theo đúng quy định của pháp luật, theo chức năng nhiệm vụ của các tổ chức.

2. Về công tác tổ chức thực hiện của Ban Giám đốc Công ty:

Năm 2021 Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật DN và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Tổ chức triển khai nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT Công ty và Kế hoạch PHKD TKV giao.

- Bộ máy quản lý điều hành hoạt của Công ty đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, thực hiện tuyệt đối sự lãnh đạo của HĐQT; đồng thời đã chỉ đạo, tổ chức điều hành sản xuất, phối hợp, quan hệ tốt với các đơn vị bạn để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Ban Giám đốc điều hành đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy chế quản lý được quy định tại Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quy chế người đại diện của TKV ban hành. Điều hành Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chiến lược, định hướng, kế hoạch do TKV giao, đảm bảo tuân thủ hệ thống quản lý và kỷ luật điều hành của TKV.

- Ban giám đốc đã kịp thời đề xuất với HĐQT Công ty những giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động của Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền. Chủ động điều hành hoạt động SXKD theo quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty và các Quyết định của HĐQT.

- Trong năm đã chỉ đạo xây dựng phương án, kế hoạch khai thác và tổ chức thực hiện kịp thời, linh hoạt theo điều hành của TKV, phù hợp với điều kiện thực tế (Sản xuất tăng thêm 150.000 tấn than nguyên khai) đảm bảo hoàn thành theo kế hoạch điều hành của TKV.

- Thực hiện quyết liệt các mặt quản lý và tuân thủ kỷ luật điều hành sản xuất như: Xây dựng phương án đổ thải, các chỉ tiêu KTCN, tăng cường công tác chỉ đạo điều hành sản xuất; bố trí, điều chuyển, sắp xếp lại một số đơn vị, thiết bị, lao động hợp lý giữa 2 khai trường trong Công ty để phù hợp với thực tế sản xuất, quy hoạch lại kho than, điều hành khối lượng thuê ngoài phù hợp, tăng tối đa năng lực tự làm để đảm bảo việc làm, tiền lương cho người lao động trong Công ty.

- Triển khai kế hoạch SXKD bằng cơ chế chính sách và giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị: Phòng ban, công trường, phân xưởng. Ban hành Phương án SXKD, giao khoán tối đa, tăng sự tự chủ cho các đơn vị, thực hiện quyết toán khoán hàng kỳ theo đúng Quy chế khoán của Công ty.

- Tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng theo phân cấp, các quyết định đầu tư đúng thẩm quyền, kịp thời đưa các hạng mục đầu tư vào sử dụng khai thác vận hành tốt, đạt hiệu quả cao, góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty hàng năm. Các dự án, hạng mục chuyển tiếp đều thực hiện đáp ứng yêu cầu chuẩn bị cho năm tiếp theo. Thực hiện đầu tư, quyết toán và kiểm toán các công trình đầu tư được thực hiện theo quy định.

- Trong công tác giải phóng mặt bằng: Công ty đã và đang tập trung làm việc với chính quyền địa phương các cấp và theo chỉ đạo của TKV để triển khai phương án bồi thường GPMB khu bãi thải Bàng Nâu Cao Sơn - giai đoạn III; khu Khe Chàm II.

- Tổ chức thực hiện quản lý chặt chẽ khối lượng mỏ, công tác thuê ngoài, quản lý tài nguyên ranh giới mỏ, giữ gìn ANTT, an toàn và môi trường,... đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

- Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc,... được thực hiện theo Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn, Nhà nước đảm bảo dân chủ, công khai và minh bạch.

- Tiếp tục triển khai Phương án tái cơ cấu sau hợp nhất Công ty giai đoạn 2020 - 2025, trong đó có Phương án tái cơ cấu bố trí, sắp xếp lao động quản lý giai đoạn 2021-2023 của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty thống nhất đánh giá:

Năm 2021 hoạt động SXKD của Công ty phải đối mặt với không ít khó khăn do bị ảnh hưởng của dịch Covid - 19, diện khai thác mỏ xuống sâu, không gian khai thác chặt hẹp (tại Mỏ lộ thiên Khe Chàm II), diện đổ thải, công tác GPMB,... còn nhiều khó khăn, vướng mắc song Ban lãnh đạo điều hành Công ty đã có nhiều cố gắng, được sự chỉ đạo Đảng uỷ, HĐQT; sự phối hợp của Công đoàn, Đoàn TN và Hội Cựu CB; Công ty đã tổ chức triển khai phương án SXKD an toàn, có hiệu quả, hoàn thành toàn diện nhiệm vụ SXKD năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Cụ thể:

Than sản xuất: 6.401,6 nghìn tấn đạt 102,4% KH. Đất đá bóc xúc: 62.056,6 triệu m³, đạt 102,7% KH. Than tiêu thụ: 6.127,2 nghìn tấn đạt 100,2% KH. Doanh thu: 8.441.565 tr.đồng đạt 105,4% KH. Kết quả SXKD: Tổng lợi nhuận 135.927 tr.đ / 63.638 tr.đ KH, đạt 213,6% KH. Tiền lương bình quân: 12.167.000 đ/ ng/ th, đạt 123,4% KH.

Thực hiện tốt các biện pháp quản lý tài chính, vốn và phòng ngừa rủi ro; đảm bảo tài chính lành mạnh, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, đời sống, thu nhập của người lao động được đảm bảo, điều kiện sản xuất tốt hơn, điều kiện làm việc tiếp tục được cải thiện, công tác quản lý và điều hành đảm bảo, hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2021.

Ban kiểm soát kiến nghị:

Để thực hiện lãnh đạo quản lý, điều hành năm 2022 được tốt hơn, hiệu quả hơn. Ban Kiểm soát Công ty đề nghị:

- HĐQT và Ban giám đốc điều hành chỉ đạo tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định để đảm bảo phù hợp theo các văn bản mới của Tập đoàn và Nhà nước.

- Thực hiện công tác đầu tư xây dựng, môi trường, giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định của pháp luật, của TKV và của Công ty. Triển khai khởi công Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ Than Cao Sơn (giai đoạn 2) đảm bảo tiến độ.

- Tăng cường hơn nữa đối với công tác quản lý đất đai, tài nguyên, ranh giới mỏ, giữ gìn ANTT, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động trái phép (nếu có) trong ranh giới quản lý. Công ty cũng cần tăng cường công tác AT-VSLĐ, PCCN hơn nữa trong sản xuất, phòng ngừa và thủ tiêu những nguy cơ gây mất an toàn, cháy nổ, TNLĐ trong quá trình sản xuất.

- Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu theo phương án, sắp xếp các phòng ban, đơn vị, lao động phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty và định biên của TKV. Công tác quản lý lao động, tiền lương, thưởng tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch.

- Công ty cần tiếp tục nâng động sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, tăng cường các giải pháp để sản xuất kinh doanh đảm bảo có lãi; bảo toàn và phát triển vốn. Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và nguồn vốn tránh rủi ro về tài chính.

- Tiếp tục tăng cường các mặt công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện hệ thống quản trị kinh doanh của Công ty đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ và đúng các quy định hiện hành.

- Tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Ban giám đốc điều hành. Nâng cao chất lượng công tác tự kiểm soát, kiểm tra nội bộ.

- Khắc phục triệt để những vấn đề tồn tại mà các đoàn thanh, kiểm tra, kiểm toán và kiểm soát đã đề nghị, kiến nghị trong năm 2021.

PHẦN III THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2021

- Ban kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu, tài liệu và nội dung báo cáo của HĐQT và Ban GD Công ty đã báo cáo. Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF - Việt Nam thực hiện.

- Ban kiểm soát Công ty xét thấy phương pháp thực hiện Kiểm toán, các chuẩn mực kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập PKF - Việt Nam cũng như các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Tài chính Công ty áp dụng trong Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty đã đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ quy định.

- Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán phản ánh minh bạch, trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào thời điểm 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Công tác hạch toán đảm bảo không có sai sót trọng yếu, lập và gửi báo cáo tài chính đúng mẫu biểu quy định. Bộ máy kế toán được thực hiện tập trung, đảm bảo phù hợp với quy trình sản xuất và tổ chức quản lý của Công ty.

- Thực hiện chế độ sổ sách, chứng từ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 75/2015/TT-BTC, Thông tư 53/2016/TT-BTC. Phản ánh và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Thực hiện tốt các quy định về quản lý tài chính, các khoản doanh thu, chi phí được hạch toán đầy đủ đúng chế độ. Công tác thống kê được theo dõi ghi chép cập nhật đầy đủ theo quy định.

- Thực hiện công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, công nợ phải thu, phải trả,... theo hướng dẫn của Tập đoàn. Năm 2021 không có trường hợp nợ xấu mất khả năng thanh toán.

- Chủ động cân đối các nguồn tài chính phục vụ SXKD, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, với Tập đoàn.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với chủ sở hữu và các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

Ban kiểm soát Công ty thống nhất đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua một số chỉ tiêu chủ yếu tài chính chủ yếu như sau:

- Vốn chủ sở hữu: 744.503,6 tr.đ (Vốn góp của CSH: 428.467,7 tr.đ, quỹ đầu tư phát triển: 123.536,2 tr.đ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 192.499,6 tr.đ).

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 3,13 lần.

- Khả năng thanh toán hiện thời: 0,78 lần.

- Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA): 3,12%.

- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE): 14,48%.

Qua các số liệu trên cho thấy năm 2021 hoạt động SXKD của Công ty chủ yếu là vốn vay: Nợ phải trả chiếm 76% tổng nguồn vốn và gấp 3,13 lần vốn chủ. Khả năng thanh toán hiện thời thấp (0,78 lần < 1 lần). Về cơ cấu vốn: Công ty đã dành cho đầu tư dài hạn 48% và đầu tư ngắn hạn 52%. Chi phí lãi vay: 83.729 tr.đ. Năm 2021, Công ty SXKD có lãi, trích lập đủ các khoản dự phòng và đã mua bảo hiểm tài sản nên Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn. Hiệu quả sử dụng vốn là: 1 đồng tài sản đầu tư thu về 0,0312 đ lợi nhuận và 1 đồng vốn đầu tư thu về 0,1448 đ lợi nhuận.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty V/v Đánh giá hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính Công ty năm 2021.

Kính trình trước Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2022./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BGD;
- Các cổ đông Công ty;
- Thư ký Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Lịch

Số **3045** /TTr-TCS-HĐQT

Cám Phả, ngày 21 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Than Cao Sơn - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2021;

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán. HĐQT Công ty trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu chính như sau;

A - Tình hình tài chính

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
ĐVT: Đồng		
I-Tài sản ngắn hạn	1.611.345.862.297	2.167.039.086.859
1. Tiền & Các khoản tương đương tiền	826.166.496	626.182.834
2. Đầu tư tài chính		
3. Các khoản phải thu	890.520.312.942	1.457.288.200.189
4. Hàng tồn kho	523.199.918.617	506.302.807.108
5. Tài sản ngắn hạn khác	196.799.464.242	202.821.896.728
II - Tài sản dài hạn	1.465.205.373.749	1.634.448.318.060
1. Các khoản phải thu dài hạn	140.993.630.000	128.830.922.194
2. Tài sản cố định	990.897.300.414	1.210.598.118.302
Nguyên giá tài sản cố định	5.478.449.319.885	5.476.445.324.520
Giá trị hao mòn lũy kế	(4.487.552.019.471)	(4.265.847.206.218)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	33.737.937.103	6.257.340.361
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
4. Tài sản dài hạn khác	299.576.506.232	278.761.937.203
III- Nợ phải trả	2.332.047.547.026	3.066.537.982.482
1. Nợ ngắn hạn	2.075.410.459.498	2.674.468.705.327
2. Nợ dài hạn	256.637.087.528	392.069.277.155
IV- Vốn chủ sở hữu	744.503.689.020	734.949.422.437
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	428.467.730.000	428.467.730.000
Trong đó : Vốn góp của Nhà Nước	279.098.070.000	279.098.070.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		
3. Vốn khác của chủ sở hữu		
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Quỹ đầu tư phát triển	123.536.299.402	45.131.130.958
7. Quỹ dự phòng tài chính		
8. Lợi nhuận chưa phân phối	192.499.659.618	261.350.561.479
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	85.368.000.000	204.014.273.230
- LNST chưa phân phối kỳ này	107.131.659.618	57.336.288.249

B- Kết quả kinh doanh

1. Doanh thu, thu nhập khác: 8.715.153.274.231 đồng
2. Lợi nhuận trước thuế: 135.927.103.109 đồng
3. Lợi nhuận sau thuế: 107.131.659.618 đồng

C- Các chỉ tiêu khác

1. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu: 1,56%
2. Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE): 14,48%
3. Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA): 3,12%
4. Tổng quỹ lương: 526.052.000.000 đồng

Trong đó Lương của người quản lý: 3.212.460.000 đồng

5. Số lao động bình quân trong năm 3.603 người

(Có báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2021 kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Các ủy viên HĐQT, BKS;
- Các Đại biểu cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Khấn

Số: 03 /TTr-TCS-BKS

Cám Phả, ngày 24 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập
kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Cao Sơn-TKV được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021,

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021.
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với Công ty đại chúng quy mô lớn tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Đề xuất danh sách lựa chọn công ty kiểm toán:

2.1/ Công ty TNHH PKF - Việt Nam.

Trụ sở chính: Số 01- Nguyễn Huy Tường - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.

2.2/ Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, Tố Hữu, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

2.3/ Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC.

Trụ sở chính: Số 01 - Lê Phụng Hiểu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội.

- Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán như nêu trên.

- Kính đề nghị Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách đề xuất nêu trên, đảm bảo đúng theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Các cổ đông Công ty;
- Thư ký Công ty (Đăng trên Website);
- Lưu: VP, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Lịch

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua đầu tư dự án: **Cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ Than Cao Sơn (giai đoạn 2) và Định hướng kế hoạch 05 năm 2021-2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua đầu tư dự án: Cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ Than Cao Sơn (giai đoạn 2) và Định hướng kế hoạch 05 năm 2021-2025, nội dung như sau:

I. Thông qua đầu tư dự án Cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ Than Cao Sơn (giai đoạn 2). Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án theo các quy định hiện hành đảm bảo tuân thủ pháp luật và hiệu quả của dự án đầu tư.

Nội dung dự án như sau:

1. Tên dự án: Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn.
2. Người quyết định đầu tư: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV.
3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV.
4. Mục tiêu đầu tư: Khai thác tối đa tài nguyên bằng phương pháp lộ thiên, phục vụ nhu cầu tiêu thụ than trong nước, ổn định sản xuất của Công ty đồng thời tạo công ăn việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế của địa phương.
5. Tên tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và Công nghiệp – Vinacomin.
6. Tên tổ chức lập Thiết kế cơ sở: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và Công nghiệp - Vinacomin.
7. Địa điểm xây dựng: Thành phố Cầm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
8. Loại, nhóm dự án và cấp công trình: Loại công trình công nghiệp, dự án nhóm B, cấp II.
9. Số bước thiết kế: 02 bước.

10. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở)

10.1. Biên giới và trữ lượng khai trường

- Biên giới khai trường: Khai thác với đáy kết thúc ở mức cao - 325 m;
- Trữ lượng khai trường: Trữ lượng địa chất huy động là 51.848.239 tấn; khối lượng than nguyên khai là 65.994.181 tấn.

10.2. Công suất thiết kế và tuổi thọ dự án

- Công suất thiết kế: 4,5 triệu tấn/năm (theo than nguyên khai).
- Tuổi thọ dự án: 22 năm.

10.3. Mở vỉa và trình tự khai thác

- Mở vỉa: Công tác mở vỉa được lựa chọn là đi hào bám vách và khai thác từ vách sang trụ.

- Trình tự khai thác: Khai thác cánh Đông Bắc trước tiến tới kết thúc khai thác ở mức -325 m để tạo diện đổ thải trong. Sau khi khai thác xong khu vực Đông Bắc tiến hành phát triển mở về phía Tây cuối cùng khai thác phần cánh Nam.

10.4. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác

10.4.1. Hệ thống khai thác

Áp dụng hệ thống khai thác xuống sâu, dọc, hai bờ công tác, đất đá đổ bãi thải ngoài và bãi thải trong với 02 dây chuyền đồng bộ thiết bị.

- Dây chuyền đồng bộ thiết bị 1 (ĐBTB1) bao gồm: Máy khoan có đường kính $d_k = 300 \div 350$ mm; Máy xúc có dung tích gầu $E = 15 \div 17$ m³; Ô tô tự đổ có tải trọng 130 ÷ 150 tấn.

- Dây chuyền đồng bộ thiết bị 2 (ĐBTB2) bao gồm: Máy khoan có đường kính $d_k = 230 \div 300$ mm; Máy xúc có dung tích gầu $E = 10 \div 12$ m³; Ô tô tự đổ có tải trọng 90 ÷ 100 tấn.

Các thông số của hệ thống khai thác:

TT	Các thông số	Đơn vị	Giá trị	
			ĐBTB 1	ĐBTB 2
1	Chiều cao tầng bóc đất đá	m	15	15
2	Chiều rộng dải khâu	m	30,0	22,5
3	Góc dốc sườn tầng	độ	65 ÷ 70	65 ÷ 70
4	Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu	m	50	45
5	Chiều rộng mặt tầng nghỉ	m	13 ÷ 20	13 ÷ 20
6	Số lượng tầng trong 1 nhóm tầng	tầng	3 ÷ 4	3 ÷ 4
7	Góc dốc bờ công tác	độ	25 ÷ 28	25 ÷ 28

10.4.2. Công nghệ khai thác

- Công tác khoan: Sử dụng các máy khoan có đường kính từ 230 ÷ 350 mm.
- Công tác nổ mìn: Áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai qua lỗ qua hàng, sử dụng mạng kíp vi sai phi điện, khởi nổ bằng kíp điện hoặc kíp phi điện.

Các thông số của mạng lưới khoan nổ mìn như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị	
			ĐBTB 1	ĐBTB 2
1	Chiều cao tầng khai thác	m	15	15
2	Đường kính lỗ khoan	mm	300÷350	230÷300
3	Chiều sâu lỗ khoan	m	18,5	17,5
4	Chiều sâu khoan thêm	m	3,5	2,5
5	Đường kháng chân tầng	m	11,0	8,5
6	Khoảng cách giữa các lỗ mìn	m	10,5	8,0
7	Khoảng cách giữa các hàng lỗ mìn	m	9,0	7,0
8	Chiều dài nạp búa	m	9,3	8,0
9	Chiều dài nạp thuốc	m	9,2	9,5
10	Chỉ tiêu thuốc nổ	kg/m ³	0,56	0,5
11	Lượng thuốc nổ trong 1 lỗ khoan	kg	794	420
12	Suất phá đá	m ³ /mks	74	39

- Công tác xúc bốc: Sử dụng lại toàn bộ thiết bị xúc bốc hiện có, đầu tư bổ sung máy xúc thủy lực gầu ngược có dung tích gầu $E = 10 \div 12 \text{ m}^3$ và $E = 15 \div 17 \text{ m}^3$.

- Công tác vận tải đất đá: Sử dụng ô tô kết hợp với vận tải liên hợp ô tô băng tải, vận tải đất đá từ khai trường ra bãi thải và trạm nghiền đất đá do các ô tô tự đổ có tải trọng 50÷60 tấn, 90÷100 tấn và 130÷150 tấn.

- Công tác vận tải than: Sử dụng ô tô tự đổ có tải trọng 35÷40 tấn và 50÷60 tấn để vận chuyển than từ gương tầng về các xưởng sàng.

10.4.3. Dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác:

- Thiết bị phục vụ bóc đất đá:

+ Thiết bị khoan: Sử dụng máy khoan có đường kính lỗ khoan từ 230÷350 mm;

+ Thiết bị xúc bốc: Sử dụng máy xúc thủy lực có dung tích gầu $E = 6 \div 7 \text{ m}^3$, $E = 10 \div 12 \text{ m}^3$ và $E = 15 \div 17 \text{ m}^3$; Máy xúc tay gầu chạy điện có dung tích gầu xúc $E = 8 \div 10 \text{ m}^3$;

+ Thiết bị vận tải: Sử dụng ô tô tự đổ có tải trọng 55÷60 tấn, 90÷100 tấn và 130÷150 tấn.

- Thiết bị phục vụ khai thác than:

+ Thiết bị xúc than: Sử dụng máy xúc thủy lực có dung tích gầu $E = 3,5 \div 4 \text{ m}^3$ và $E = 6 \div 7 \text{ m}^3$;

+ Thiết bị vận tải: Sử dụng ô tô tự đổ có tải trọng 35÷40 tấn và 50÷60 tấn.

10.5. Vận tải trong mỏ

- Vận tải đất đá thải: Sử dụng hình thức vận tải hỗn hợp gồm vận tải liên hợp ô tô băng tải và vận tải bằng ô tô.

- Vận tải than: Than nguyên khai được các xe ô tô tự đổ có tải trọng 35 ÷ 40 tấn và các xe 50 ÷ 60 tấn.

- Vận tải người và nguyên vật liệu: Sử dụng các thiết bị hiện có.

10.6. Công tác thải đất đá

- Khối lượng đất đá thải: Tổng khối lượng đất đá thải là 794.857 nghìn m³.
- Vị trí và khối lượng đổ thải: Đất đá thải của Dự án được đổ thải tại bãi thải ngoài và bãi thải trong bao gồm:
 - + Bãi thải Bàng Nâu với khối lượng 59.700 nghìn m³;
 - + Bãi thải trong mỏ Khe Chàm II (Lộ thiên) với khối lượng 339.000 nghìn m³;
 - + Bãi thải Đông Khe Sim và Nam Khe Tam với khối lượng 3.500 nghìn m³;
 - + Bãi thải Khe Chàm III với khối lượng 7.500 nghìn m³;
 - + Bãi thải trong Khe Tam với khối lượng 27.000 nghìn m³;
 - + Bãi thải Trong Thắng Lợi với khối lượng 83.000 nghìn m³;
 - + Bãi thải Trong Gầm Cao Sơn với khối lượng 275.157 nghìn m³.
- Công nghệ đổ thải: Áp dụng công nghệ ô tô kết hợp với máy gạt (đối với hình thức vận tải ô tô) và máy rót tải kết hợp với máy gạt (đối với hình thức vận tải liên hợp ô tô bằng tải).

10.7. Thoát nước mỏ

Sử dụng phương pháp thoát nước tự chảy và phương pháp thoát nước cưỡng bức.

- Thoát nước tự chảy: Nước mặt từ các tầng trên mức +60 được thoát tự chảy thông qua hệ thống mương chân tầng dẫn về phía Bắc chảy ra suối Đá Mài.
- Thoát nước cưỡng bức: Nước ngầm và nước mặt tại các tầng dưới mức +60 được dẫn xuống moong và bơm cưỡng bức lên hồ thu theo hệ thống đường ống đặt trên mặt tầng về trạm xử lý nước thải khu vực mặt bằng sân công nghiệp, tại đây nước được xử lý trước khi chảy ra suối Đá Mài.

10.8. Công tác chế biến khoáng sản

Than nguyên khai của dự án được cấp cho nhà máy sàng tuyển than Khe Chàm, phần còn lại được sơ tuyển cấp cho nhà máy sàng tuyển than Cửa Ông và chế biến tại mỏ.

10.9. Sửa chữa cơ điện và kho tàng

Sử dụng lại toàn bộ công trình nhà xưởng và thiết bị, máy công cụ hiện có thực hiện sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị phục vụ cho sản xuất của Công ty.

10.10. Cung cấp điện và trang bị điện

10.10.1. Nguồn cung cấp điện

- Nguồn điện 35kV: Sử dụng nguồn điện hiện có cấp cho mỏ Cao Sơn được lấy từ 02 đường dây trên không 35kV - Lộ 374 - E5.1 xuất tuyến từ TBA-110/35/6 kV Mông Dương và Lộ 374-E5.33 xuất tuyến từ TBA-110/35 kV Khe Chàm.

- Trạm biến áp 35/6kV: Sử dụng các trạm biến áp 35/6 kV- 2x10.000 kVA, TBA 35/6 kV- 2 x 18.000 kVA và TBA 35/6 kV-2 x 20.000 kVA hiện có của mỏ cung cấp điện cho thiết bị khai thác, bơm thoát nước, hệ thống trạm nghiền, tuyến băng tải vận chuyển đất đá...

- Lưới điện 6 kV:

+ Sử dụng lại các tuyến đường dây 6kV cố định, di động trên khai trường và các đường cáp 6kV hiện có cấp cho các phụ tải và luân chuyển phù hợp với vị trí, nhu cầu sản xuất chung của mỏ;

+ Sử dụng các tuyến cáp điện 6 kV cấp điện từ các khởi động mềm đến các động cơ bơm thoát nước.

- Hệ thống lưới điện 0,4 kV và hệ thống điện chiếu sáng: Sử dụng lại toàn bộ các trạm biến áp 6/0,4 kV, hệ thống lưới điện 0,4 kV và hệ thống điện chiếu sáng của mỏ.

- Trạm phân phối (TPP) di động 6 kV: Sử dụng lại các TPP di động 6 kV để cấp điện cho các trạm bơm thoát nước.

10.10.2. Trang bị điện động lực

- Phía 35 kV: Đóng cắt, bảo vệ được thực hiện bằng các cầu dao máy cắt, được lắp đặt tại sân trạm biến áp 35/6 kV.

- Phía 6 kV: Đóng cắt, bảo vệ được thực hiện bằng các tủ hợp bộ 7,2 kV lắp đặt trong nhà trạm, các cầu dao cách ly 6 kV, tủ phân đoạn đường dây 6 kV ngoài trời. Cầu chì tự rơi 6 kV, được lắp đặt trên cột trạm biến áp treo.

- Phía 0,4 kV: Sử dụng các Aptômát, contactor, role nhiệt, rơ le rò... có công suất phù hợp với công suất của thiết bị để điều khiển đóng cắt và bảo vệ ngắn mạch, quá tải cho các thiết bị điện áp 0,4 kV.

10.11. Thông tin liên lạc và tự động hóa

Sử dụng lại hệ thống thông tin liên lạc và hệ thống tự động hóa hiện có của mỏ. Các thiết bị máy điện thoại, bộ đàm,... sẽ được luân chuyển phù hợp giữa các vị trí trong quá trình sản xuất.

10.12. Kiến trúc và xây dựng

Sử dụng lại toàn bộ các hệ thống hạ tầng xây dựng hiện có bao gồm nhà điều hành, xưởng sửa chữa bảo dưỡng ô tô, xưởng sửa chữa cơ điện, các phân xưởng Vận tải, phân xưởng Trạm mạng, Công trường khoan, Kho vật tư, Hệ thống sàng tuyển than, Trạm biến áp, các công trình phụ trợ,...

10.13. Cung cấp nước và thải nước

10.13.1. Cung cấp nước

- Cung cấp nước sinh hoạt: Được mua của Xí nghiệp nước Cẩm Phả.

- Cung cấp nước sản xuất: Nước phục vụ tưới đường, rửa xe và vệ sinh công nghiệp được lấy từ các trạm cấp nước bơm từ moong khai thác và nguồn nước sau xử lý của các trạm xử lý nước thải mỏ. Nước dùng cho xử lý bụi tại các xưởng sàng, đập bụi khu vực bãi thải sử dụng các trạm bơm dẫn nước đến các công trình và thiết bị xử lý bụi.

10.13.2. Thải nước:

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng lại các công trình xây dựng hiện có phục vụ sản xuất.

- Nước thải sản xuất: Sử dụng lại các công trình xây dựng hiện có phục vụ sản xuất. Nước vệ sinh công nghiệp các phân xưởng sửa chữa được qua các các bể lắng và bể bẫy dầu giữ lại dầu mỡ, nước trong được xả ra hệ thống thoát chung trên mặt bằng.

10.14. *Tổng mặt bằng*: Sử dụng lại toàn bộ các mặt bằng và các hạng mục công trình.

11. Tổng diện tích sử dụng đất: 1.710,19 ha.

Trong đó:

- Diện tích mặt bằng sản công nghiệp: 55,92 ha;
- Diện tích khai trường: 607,43 ha;
- Diện tích bãi thải: 1.026,84 ha;
- Diện tích cho các công trình khác: 20 ha.

12. Phương án giải phóng mặt bằng: Phương án đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện theo phương án phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

13. Tổng mức đầu tư của dự án: 1.829.517.805 nghìn đồng.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (tạm tính): 38.000.000 nghìn đồng;
- Chi phí thiết bị: 1.542.848.362 nghìn đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 7.240.015 nghìn đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 27.323.912 nghìn đồng;
- Chi phí khác: 83.785.835 nghìn đồng;
- Chi phí dự phòng: 130.319.681 nghìn đồng.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

14. Nguồn vốn đầu tư: Vay thương mại và các nguồn hợp pháp khác của Công ty.

15. Thời gian thực hiện dự án:

- Thời gian xây dựng cơ bản: 05 năm;
- Thời gian khai thác mỏ: 22 năm.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực quản lý.

17. Danh mục hồ sơ gửi kèm: Theo liệt kê tài liệu gửi kèm theo trong phụ lục.

II. Thông qua định hướng kế hoạch 05 năm 2021-2025 Công ty CP than Cao Sơn - TKV như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 5 năm					Tổng 5 năm
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Quản trị tài nguyên							
	a- Bóc đất đá lộ thiên	1000m ³	60 400	66 800	68 500	59 600	54 500	309 800

	Trong đó: Đất CBSX	“	60 400	66 800	68 500	59 600	54 500	309 800
	Đất XDCCB	“						
	* Hệ số bóc đất CBSX	m ³ /tấn	10,98	11,13	11,42	11,97	12,67	11,57
	b- Đào lò tổng số	M						
	Trong đó: Đào lò CBSX	“						
	Đào lò XDCCB	“						
	* Hệ số đào lò CBSX	m/1000t						
2	Sản phẩm chủ yếu							
2.1	Than nguyên khai	1000t	5 500	6 000	6 000	4 980	4 300	26 780
	- Lộ thiện	“	5 500	6 000	6 000	4 980	4 300	26 780
	- Hầm lò	“						
	- Than khai thác lò bằng	“						
2.2	Than sạch sang tại mỏ	1000t	1 814	2 331	2 338	2 052	1 520	10 055
	- Than Sạch từ nguyên khai	“	1 064	1 431	1 438	1 152	720	5 850
	- Than sạch từ đất đá lẫn than	“	750	900	900	900	800	4 250
2.3	Than tiêu thụ (giao cho Tập đoàn)	1000t	6 114	6 731	6 738	5 752	5 020	30 355
a	Than giao cho các Cty tuyển than	“	4 300	4 400	4 400	3 700	3 500	20 300
	- Than nguyên khai	“	4 300	4 400	4 400	3 700	3 500	20 300
	- Than sạch	“						
b	Than giao cho Công ty kho vận	“	1 814	2 331	2 338	2 052	1 520	10 055
	- Than nguyên khai	“						
	- Than sạch	“	1 814	2 331	2 338	2 052	1 520	10 055
3	Lao động - Tiền lương							
	Lao động định mức	Người	3 996	3 970	3 897	3 659	3 511	3 807
	Tiền lương bình quân	1000đ/ng- thg	10 517	11 253	11 698	11 610	11 677	11 351
4	Doanh thu tổng số	Tr.đồng	8 005 425	9 276 706	9 180 044	8 363 911	7 751 171	42 577 258
	Doanh thu sản xuất than	“	8 005 425	9 276 706	9 180 044	8 363 911	7 751 171	42 577 258
	Doanh thu sản xuất kinh doanh khác	“						
5	Lợi nhuận	Tr.đồng	63 638	72 407	71 780	63 533	57 272	328 630
	- Sản xuất than	“	63 638	72 407	71 780	63 533	57 272	328 630
	- Sản xuất khác	“						

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2022;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu VT; HĐQT.



Vũ Văn Khẩn

DANH MỤC TÀI LIỆU

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TCS-HDQT ngày /4/2022
của HDQT Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV)

STT	Tên văn bản, hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ trình số 2586 /TTr-TCS-ĐM ngày 06/4/2022 của Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV về việc phê duyệt Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn	01 bản	
2	Văn bản số 3703/TKV-ĐT ngày 09/8/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn;	01 bản	
3	Hồ sơ BCNCKT DTXD Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn gồm: - Phần 1: Thuyết minh chung; - Phần 2: Thiết kế cơ sở; + Tập 1: Thuyết minh; + Tập 2: Các bản vẽ thiết kế cơ sở.	01 bộ	

PHỤ LỤC 01: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án cải tạo mở rộng công suất mỏ than Cao Sơn

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TCS-ĐM ngày /4/2022 của HĐQT Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV)

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị, 1000 đồng		
		Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (tạm tính)	38.000.000		38.000.000
2	Chi phí thiết bị	1.402.589.420	140.258.942	1.542.848.362
3	Chi phí quản lý dự án	6.581.832	658.183	7.240.015
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	24.839.920	2.483.992	27.323.912
5	Chi phí khác	81.100.230	2.685.606	83.785.835
-	<i>Các chi phí khác</i>	<i>49.850.571</i>	<i>2.685.606</i>	<i>52.536.177</i>
-	<i>Lãi vay trong thời gian xây dựng</i>	<i>31.249.659</i>		<i>31.249.659</i>
6	Chi phí dự phòng	119.965.948	10.353.733	130.319.681
-	<i>Dự phòng cho các khối lượng phát sinh</i>	<i>15.052.198</i>	<i>582.778</i>	<i>15.634.976</i>
-	<i>Dự phòng theo yếu tố trượt giá</i>	<i>104.913.750</i>	<i>9.770.955</i>	<i>114.684.705</i>
	Tổng cộng	1.673.077.349	156.440.456	1.829.517.805

PHỤ LỤC 02: TỔNG HỢP CHI PHÍ THIẾT BỊ

Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TCS-DM ngày /4/2022 của HĐQT Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV)

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá, 1000 đồng	Giá trị, 1000 đồng		
					Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế
1	Thiết bị khai thác				1.399.098.813	139.909.881	1.539.008.694
-	Máy khoan thủy lực, d= 300÷350 mm	cái	2	44.779.770	89.559.540	8.955.954	98.515.494
-	Máy xúc thủy lực gầu ngược, E=10÷12 m ³	cái	2	48.870.000	97.740.000	9.774.000	107.514.000
-	Máy xúc thủy lực gầu ngược, E=15÷17 m ³	cái	2	68.163.709	136.327.418	13.632.742	149.960.160
-	Ô tô tự đổ có tải trọng 130÷150 tấn	cái	29	34.081.855	988.373.782	98.837.378	1.087.211.160
-	Xe gạt bánh xích công suất 330÷450 kW	cái	4	21.774.518	87.098.073	8.709.807	95.807.880
2	Thoát nước khai trường (năm thứ 4)				3.490.607	349.061	3.839.668
2.1	Thiết bị cơ				1.870.861	187.086	2.057.947
-	Chi phí mua sắm thiết bị				1.818.182	181.818	2.000.000
	Máy bơm nước Q= 1222 m ³ /h; H=185 m; P=1000 kW; n=1480 v/ph; U= 6kV.	cái	1	1.818.182	1.818.182	181.818	2.000.000
-	Chi phí lắp đặt thiết bị	ht	1	52.679	52.679	5.268	57.947
2.2	Thiết bị điện				1.619.747	161.975	1.781.721
-	Chi phí mua sắm thiết bị				1.462.000	146.200	1.608.200
+	Tủ phân phối trung áp loại tủ đầu vào, U _{dm} = 7,2 kV, I _{dm} =630 A, I _{sc} =25 kA vỏ tủ bằng thép sơn tĩnh điện màu ghi sáng loại tủ máy cắt khí SF6 có 01 dao cách ly	cái	1	368.400	368.400	36.840	405.240
+	Tủ khởi động mềm tủ trọn bộ U _{dm} = 7,2 kV dùng khởi động cho động cơ bơm nước P _{dm} =1000 kW bằng khởi động mềm	cái	1	1.093.600	1.093.600	109.360	1.202.960
-	Chi phí lắp đặt thiết bị	ht	1	157.747	157.747	15.775	173.521
	Tổng cộng				1.402.589.420	140.258.942	1.542.848.362

PHỤ LỤC 03: CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN, CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CHI PHÍ KHÁC

Dự án cải tạo mở rộng công suất mỏ than Cao Sơn

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TCS-DM ngày /4/2022 của HĐQT Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV)

STT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị, 1000 đồng		
			Trước thuế	Thuế GTGT	
I	Chi phí quản lý dự án		6.581.832	658.183	7.240.015
-	Chi phí quản lý dự án	1,173%*(TB)*0,8*0,5	6.581.832	658.183	7.240.015
II	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		24.839.920	2.483.992	27.323.912
1	Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Theo Hợp đồng số 3006/HĐ-TCS-KH ngày 02/11/2020	5.477.469	547.747	6.025.216
2	Chi phí Thiết kế bản vẽ thi công	Khái toán	4.567.273	456.727	5.024.000
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	Theo Hợp đồng số 3843/HĐ-KH-TCS ngày 30/11/2020	650.000	65.000	715.000
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	1.100.507	110.051	1.210.558
-	Lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn	0,520%*CP TV	23.973	2.397	26.370
-	Lập HSMT và đánh giá HSDT mua sắm thiết bị	0,076%* TB	1.076.535	107.653	1.184.188
5	Chi phí tư vấn giám sát	Theo Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019	40.037	4.004	44.041
-	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	1,147%*TB	40.037	4.004	44.041
6	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch và lập quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công tác chuẩn bị đầu tư dự án	Theo Hợp đồng số 6196/HĐ-KH-TCS ngày 09/12/2019	3.370.000	337.000	3.707.000
7	Chi phí thẩm định nhiệm vụ QH=20% CP lập nhiệm vụ quy hoạch	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	674.000	67.400	741.400

STT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị, 1000 đồng		
			Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế
8	Chi phí khảo sát địa hình tỉ lệ 1/500	Theo Quyết toán ngày 26/2/2020	5.628.655	562.865	6.191.520
9	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	48.741	4.874	53.615
10	Chi phí công bố đồ án quy hoạch	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	15.174	1.517	16.691
11	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	10.116	1.012	11.128
12	Chi phí làm mô hình quy hoạch	TT	50.000	5.000	55.000
13	Đo vẽ bản đồ hiện trạng GPMB tỷ lệ 1/1000 (phục vụ công tác đền bù GPMB)	TT	956.262	95.626	1.051.888
14	Biên tập bản đồ hiện trạng xin thuê đất tỷ lệ 1/2000	TT	320.514	32.051	352.566
15	Lập mốc đường chuyên cấp 2	TT	177.063	17.706	194.769
16	Cắm mốc ranh giới quy hoạch	TT	236.848	23.685	260.533
17	Chi phí lập Hồ sơ chấp thuận địa điểm xây dựng	TT	480.896	48.090	528.986
18	Chi phí lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Theo Hợp đồng số 4115/HD-TCS-KH ngày 8/12/2020	1.036.364	103.636	1.140.000
III	Các chi phí khác		81.100.230	2.685.606	83.785.835
1	Phí thẩm định dự án đầu tư (TT số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)	0,002%*TMDT	52.600		52.600
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt, quyết toán và kiểm toán	Theo thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020	2.493.049	146.860	2.639.909
-	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	0,086% * TMDT sau loại trừ*70%	1.024.451		1.024.451
-	Kiểm toán	0,123% * TMDT sau loại trừ*70%	1.468.599	146.860	1.615.458

STT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị, 1000 đồng	
			Trước thuế	Thuế GTGT Sau thuế
3	Chi phí cải tạo phục hồi môi trường	Tạm tính	25.387.459	27.926.205
4	Phí tham định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy (TT số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016)	0,009%*(TMDT)	173.240	173.240
5	Lệ phí trước bạ ô tô	2% * Ô tô	21.744.223	21.744.223
6	Lãi vay trong thời gian xây dựng		31.249.659	31.249.659
	Tổng cộng		112.521.981	118.349.762

Số: 3703/TKV-ĐT

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2021

V/v thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi
đầu tư xây dựng Dự án cải tạo mở rộng
năng công suất mỏ than Cao Sơn

Kính gửi: Người đại diện phân vốn của TKV tại
Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV

- Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 8/8/2018 của Chính phủ “V/v ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)”;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng”;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 của Chính phủ “Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng”;
- Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030”;
- Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương “Quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản”;
- Căn cứ Quyết định số 1656/QĐ-TKV ngày 01/10/2020 của Hội đồng thành viên TKV “Về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam”;
- Căn cứ Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐTV ngày 03/8/2021 của Hội đồng thành viên TKV.

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án cải tạo mở rộng năng công suất mỏ than Cao Sơn với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án cải tạo mở rộng năng công suất mỏ than Cao Sơn.
2. Người quyết định đầu tư: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV.
3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV.
4. Mục tiêu đầu tư: Khai thác tối đa tài nguyên bằng phương pháp lộ thiên, phục vụ nhu cầu tiêu thụ than trong nước, ổn định sản xuất của Công ty đồng thời tạo công ăn việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế của địa phương.
5. Tên tổ chức lập Dự án, tên Chủ nhiệm dự án:

- Tên tổ chức lập dự án: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và Công nghiệp - Vinacomin;

- Tên chủ nhiệm dự án: ThS. Trương Văn Tuấn.

6. Tên tổ chức lập Thiết kế cơ sở: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và Công nghiệp - Vinacomin.

7. Địa điểm xây dựng: Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

8. Loại, nhóm dự án và cấp công trình: Loại công trình công nghiệp, dự án nhóm B, cấp II.

9. Số bước thiết kế: 02 bước.

10. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở)

10.1. Biên giới và trữ lượng khai trường

- Biên giới khai trường: Khai thác với đáy kết thúc ở mức cao - 325 m;

- Trữ lượng khai trường: Trữ lượng địa chất huy động là 51.848.239 tấn; khối lượng than nguyên khai là 65.994.181 tấn.

10.2. Công suất thiết kế và tuổi thọ dự án

- Công suất thiết kế: 4,5 triệu tấn/năm (theo than nguyên khai).

- Tuổi thọ dự án: 22 năm.

10.3. Mở vỉa và trình tự khai thác

- Mở vỉa: Công tác mở vỉa được lựa chọn là đi hào bám vách và khai thác từ vách sang trụ.

- Trình tự khai thác: Khai thác cánh Đông Bắc trước tiên tới kết thúc khai thác ở mức -325 m để tạo diện đổ thải trong. Sau khi khai thác xong khu vực Đông Bắc tiến hành phát triển mỏ về phía Tây cuối cùng khai thác phần cánh Nam.

10.4. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác

10.4.1. Hệ thống khai thác

Áp dụng hệ thống khai thác xuống sâu, dọc, hai bờ công tác, đất đá đổ bãi thải ngoài và bãi thải trong với 02 dây chuyền đồng bộ thiết bị.

- Dây chuyền đồng bộ thiết bị 1 (ĐBTB1) bao gồm: Máy khoan có đường kính $d_k = 300 \div 350$ mm; Máy xúc có dung tích gầu $E = 15 \div 17$ m³; Ô tô tự đổ có tải trọng 130 ÷ 150 tấn.

- Dây chuyền đồng bộ thiết bị 2 (ĐBTB2) bao gồm: Máy khoan có đường kính $d_k = 230 \div 300$ mm; Máy xúc có dung tích gầu $E = 10 \div 12$ m³; Ô tô tự đổ có tải trọng 90 ÷ 100 tấn.

Các thông số của hệ thống khai thác:

TT	Các thông số	Đơn vị	Giá trị	
			ĐBTB 1	ĐBTB 2
1	Chiều cao tầng bóc đất đá	m	15	15
2	Chiều rộng dải khâu	m	30,0	22,5
3	Góc dốc sườn tầng	độ	65÷70	65÷70
4	Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu	m	50	45
5	Chiều rộng mặt tầng nghỉ	m	13÷20	13÷20
6	Số lượng tầng trong 1 nhóm tầng	tầng	3÷4	3÷4
7	Góc dốc bờ công tác	độ	25÷28	25÷28

10.4.2. Công nghệ khai thác

- Công tác khoan: Sử dụng các máy khoan có đường kính từ 230 ÷ 350 mm.

- Công tác nổ mìn: Áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai qua lỗ qua hàng, sử dụng mạng kíp vi sai phi điện, khởi nổ bằng kíp điện hoặc kíp phi điện.

Các thông số của mạng lưới khoan nổ mìn như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị	
			ĐBTB 1	ĐBTB 2
1	Chiều cao tầng khai thác	m	15	15
2	Đường kính lỗ khoan	mm	300÷350	230÷300
3	Chiều sâu lỗ khoan	m	18,5	17,5
4	Chiều sâu khoan thêm	m	3,5	2,5
5	Đường kháng chân tầng	m	11,0	8,5
6	Khoảng cách giữa các lỗ mìn	m	10,5	8,0
7	Khoảng cách giữa các hàng lỗ mìn	m	9,0	7,0
8	Chiều dài nạp búa	m	9,3	8,0
9	Chiều dài nạp thuốc	m	9,2	9,5
10	Chỉ tiêu thuốc nổ	kg/m ³	0,56	0,5
11	Lượng thuốc nổ trong 1 lỗ khoan	kg	794	420
12	Suất phá đá	m ³ /mks	74	39

- Công tác xúc bốc: Sử dụng lại toàn bộ thiết bị xúc bốc hiện có, đầu tư bổ sung máy xúc thủy lực gầu ngược có dung tích gầu E = 10÷12 m³ và E = 15÷17 m³.

- Công tác vận tải đất đá: Sử dụng ô tô kết hợp với vận tải liên hợp ô tô băng tải, vận tải đất đá từ khai trường ra bãi thải và trạm nghiền đất đá do các ô tô tự đổ có tải trọng 50÷60 tấn, 90÷100 tấn và 130÷150 tấn.

- Công tác vận tải than: Sử dụng ô tô tự đổ có tải trọng 35÷40 tấn và 50÷60 tấn để vận chuyển than từ gương tầng về các xưởng sàng.

10.4.3. Dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác:

- Thiết bị phục vụ bóc đất đá:

+ Thiết bị khoan: Sử dụng máy khoan có đường kính lỗ khoan từ 230÷350 mm;

+ Thiết bị xúc bốc: Sử dụng máy xúc thủy lực có dung tích gầu E = 6÷7 m³, E = 10÷12 m³ và E = 15÷17 m³; Máy xúc tay gầu chạy điện có dung tích gầu xúc E = 8÷10 m³;

+ Thiết bị vận tải: Sử dụng ô tô tự đổ có tải trọng 55÷60 tấn, 90÷100 tấn và 130÷150 tấn.

- Thiết bị phục vụ khai thác than:

+ Thiết bị xúc than: Sử dụng máy xúc thủy lực có dung tích gầu E = 3,5÷4 m³ và E = 6÷7 m³;

+ Thiết bị vận tải: Sử dụng ô tô tự đổ có tải trọng 35÷40 tấn và 50÷60 tấn.

10.5. Vận tải trong mỏ

- Vận tải đất đá thải: Sử dụng hình thức vận tải hỗn hợp gồm vận tải liên hợp ô tô băng tải và vận tải bằng ô tô.

- Vận tải than: Than nguyên khai được các xe ô tô tự đổ có tải trọng 35 ÷ 40 tấn và các xe 50 ÷ 60 tấn.

- Vận tải người và nguyên vật liệu: Sử dụng các thiết bị hiện có.

10.6. Công tác thải đất đá

- Khối lượng đất đá thải: Tổng khối lượng đất đá thải là 794.857 nghìn m³.

- Vị trí và khối lượng đổ thải: Đất đá thải của Dự án được đổ thải tại bãi thải ngoài và bãi thải trong bao gồm:

+ Bãi thải Bàng Nâu với khối lượng 59.700 nghìn m³;

+ Bãi thải trong mỏ Khe Chàm II (Lộ thiên) với khối lượng 339.000 nghìn m³;

+ Bãi thải Đông Khe Sim và Nam Khe Tam với khối lượng 3.500 nghìn m³;

+ Bãi thải Khe Chàm III với khối lượng 7.500 nghìn m³;

+ Bãi thải trong Khe Tam với khối lượng 27.000 nghìn m³;

+ Bãi thải Trong Thẳng Lợi với khối lượng 83.000 nghìn m³;

+ Bãi thải Trong Gầm Cao Sơn với khối lượng 275.157 nghìn m³.

- Công nghệ đổ thải: Áp dụng công nghệ ô tô kết hợp với máy gạt (đối với hình thức vận tải ô tô) và máy rót tải kết hợp với máy gạt (đối với hình thức vận tải liên hợp ô tô băng tải).

10.7. Thoát nước mỏ

Sử dụng phương pháp thoát nước tự chảy và phương pháp thoát nước cưỡng bức.

- Thoát nước tự chảy: Nước mặt từ các tầng trên mức +60 được thoát tự chảy thông qua hệ thống mương chân tầng dẫn về phía Bắc chảy ra suối Đá Mài.

- Thoát nước cưỡng bức: Nước ngầm và nước mặt tại các tầng dưới mức +60 được dẫn xuống moong và bơm cưỡng bức lên hồ thu theo hệ thống đường ống đặt trên mặt tầng về trạm xử lý nước thải khu vực mặt bằng sản công nghiệp, tại đây nước được xử lý trước khi chảy ra suối Đá Mài.

10.8. Công tác chế biến khoáng sản

Than nguyên khai của dự án được cấp cho nhà máy sàng tuyển than Khe Chàm, phần còn lại được sơ tuyển cấp cho nhà máy sàng tuyển than Cửa Ông và chế biến tại mỏ.

10.9. Sửa chữa cơ điện và kho tàng

Sử dụng lại toàn bộ công trình nhà xưởng và thiết bị, máy công cụ hiện có thực hiện sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị phục vụ cho sản xuất của Công ty.

10.10. Cung cấp điện và trang bị điện

10.10.1. Nguồn cung cấp điện

- Nguồn điện 35kV: Sử dụng nguồn điện hiện có cấp cho mỏ Cao Sơn được lấy từ 02 đường dây trên không 35kV - Lộ 374 - E5.1 xuất tuyến từ TBA-110/35/6 kV Móng Dương và Lộ 374-E5.33 xuất tuyến từ TBA-110/35 kV Khe Chàm.

- Trạm biến áp 35/6kV: Sử dụng các trạm biến áp 35/6 kV- 2x10.000 kVA, TBA 35/6 kV- 2 x 18.000 kVA và TBA 35/6 kV-2 x 20.000 kVA hiện có của mỏ cung cấp điện cho thiết bị khai thác, bơm thoát nước, hệ thống trạm nghiền, tuyến băng tải vận chuyển đất đá...

- Lưới điện 6 kV:

+ Sử dụng lại các tuyến đường dây 6kV cố định, di động trên khai trường và các đường cáp 6kV hiện có cấp cho các phụ tải và luân chuyển phù hợp với vị trí, nhu cầu sản xuất chung của mỏ;

+ Sử dụng các tuyến cáp điện 6 kV cấp điện từ các khởi động mềm đến các động cơ bơm thoát nước.

- Hệ thống lưới điện 0,4 kV và hệ thống điện chiếu sáng: Sử dụng lại toàn bộ các trạm biến áp 6/0,4 kV, hệ thống lưới điện 0,4 kV và hệ thống điện chiếu sáng của mỏ.

- Trạm phân phối (TPP) di động 6 kV: Sử dụng lại các TPP di động 6 kV để cấp điện cho các trạm bơm thoát nước.

10.10.2. Trang bị điện động lực

- Phía 35 kV: Đóng cắt, bảo vệ được thực hiện bằng các cầu dao máy cắt, được lắp đặt tại sân trạm biến áp 35/6 kV.

- Phía 6 kV: Đóng cắt, bảo vệ được thực hiện bằng các tủ hợp bộ 7,2 kV lắp đặt trong nhà trạm, các cầu dao cách ly 6 kV, tủ phân đoạn đường dây 6 kV ngoài trời. Cầu chì tự rơi 6 kV, được lắp đặt trên cột trạm biến áp treo.

- Phía 0,4 kV: Sử dụng các Aptômát, contactor, role nhiệt, rơ le rò... có công suất phù hợp với công suất của thiết bị để điều khiển đóng cắt và bảo vệ ngắn mạch, quá tải cho các thiết bị điện áp 0,4 kV.

10.11. Thông tin liên lạc và tự động hóa

Sử dụng lại hệ thống thông tin liên lạc và hệ thống tự động hóa hiện có của mỏ. Các thiết bị máy điện thoại, bộ đàm,... sẽ được luân chuyển phù hợp giữa các vị trí trong quá trình sản xuất.

10.12. Kiến trúc và xây dựng

Sử dụng lại toàn bộ các hệ thống hạ tầng xây dựng hiện có bao gồm nhà điều hành, xưởng sửa chữa bảo dưỡng ô tô, xưởng sửa chữa cơ điện, các phân xưởng Vận tải, phân xưởng Trạm mạng, Công trường khoan, Kho vật tư, Hệ thống sàng tuyển than, Trạm biến áp, các công trình phụ trợ,...

10.13. Cung cấp nước và thải nước

10.13.1. Cung cấp nước

- Cung cấp nước sinh hoạt: Được mua của Xí nghiệp nước Cẩm Phả.

- Cung cấp nước sản xuất: Nước phục vụ tưới đường, rửa xe và vệ sinh công nghiệp được lấy từ các trạm cấp nước bơm từ moong khai thác và nguồn nước sau xử lý của các trạm xử lý nước thải mỏ. Nước dùng cho xử lý bụi tại các xưởng sàng, đập bụi khu vực bãi thải sử dụng các trạm bơm dẫn nước đến các công trình và thiết bị xử lý bụi.

10.13.2. Thải nước:

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng lại các công trình xây dựng hiện có phục vụ sản xuất.

- Nước thải sản xuất: Sử dụng lại các công trình xây dựng hiện có phục vụ sản xuất. Nước vệ sinh công nghiệp các phân xưởng sửa chữa được qua các bể lắng và bể bẫy dầu giữ lại dầu mỡ, nước trong được xả ra hệ thống thoát chung trên mặt bằng.

10.14. Tổng mặt bằng: Sử dụng lại toàn bộ các mặt bằng và các hạng mục công trình.

11. Tổng diện tích sử dụng đất: 1.710,19 ha.

Trong đó:

- Diện tích mặt bằng sản công nghiệp: 55,92 ha;
- Diện tích khai trường: 607,43 ha;
- Diện tích bãi thải: 1.026,84 ha;
- Diện tích cho các công trình khác: 20 ha.

12. Phương án giải phóng mặt bằng

Phương án đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện theo phương án phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

13. Tổng mức đầu tư của dự án: 1.829.517.805 nghìn đồng.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (tạm tính): 38.000.000 nghìn đồng;
- Chi phí thiết bị: 1.542.848.362 nghìn đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 7.240.015 nghìn đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 27.323.912 nghìn đồng;
- Chi phí khác: 83.785.835 nghìn đồng;
- Chi phí dự phòng: 130.319.681 nghìn đồng.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

14. Nguồn vốn đầu tư: Vay thương mại và các nguồn hợp pháp khác của Công ty.

15. Thời gian thực hiện dự án: 05 năm.

16. Trách nhiệm của Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV:

- Chỉ đạo Công ty hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi theo các nội dung đã được TKV thông qua, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn và hoàn thiện các thủ tục liên quan trong bước chuẩn bị dự án.

- Tổ chức phê duyệt dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu tuân thủ quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng, đảm bảo tổng mức đầu tư dự án không vượt giá trị được TKV thông qua.

- Gửi về TKV (qua Ban Đầu tư) các văn bản: Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả thực hiện các gói thầu của dự án để theo dõi quản lý.

Căn cứ các nội dung trên, Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV (e-copy, báo cáo);
- Tổng Giám đốc (e-copy);
- Các Phó Tổng Giám đốc (e-copy);
- Công ty CP Than Cao Sơn - TKV;
- Các Ban: ĐT, KCM, CV, TN, KCL (e-copy);
AT, MT, KH, KTIC, KP (e-copy);
- Lưu VT, ĐT, NXT (5).

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TVHĐTV - TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thanh Hải

PHỤ LỤC 01: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn

(Ban hành kèm theo Văn bản số 3703 /TKY-DT ngày 03 tháng 8 năm 2021)

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị, 1000 đồng		
		Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (tạm tính)	38.000.000		38.000.000
2	Chi phí thiết bị	1.402.589.420	140.258.942	1.542.848.362
3	Chi phí quản lý dự án	6.581.832	658.183	7.240.015
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	24.839.920	2.483.992	27.323.912
5	Chi phí khác	81.100.230	2.685.606	83.785.835
-	Các chi phí khác	49.850.571	2.685.606	52.536.177
-	Lãi vay trong thời gian xây dựng	31.249.659		31.249.659
6	Chi phí dự phòng	119.965.948	10.353.733	130.319.681
-	Dự phòng cho các khối lượng phát sinh	15.052.198	582.778	15.634.976
-	Dự phòng theo yêu tố trượt giá	104.913.750	9.770.955	114.684.705
	Tổng cộng	1.673.077.349	156.440.456	1.829.517.805

AN
HIỆ
NG
AM

PHỤ LỤC 02: TỔNG HỢP CHI PHÍ THIẾT BỊ

Dự án cải tạo mở rộng năng công suất mỏ than Cao Sơn

(Ban hành kèm theo Văn bản số 3703/TKV-DT ngày 09 tháng 8 năm 2021)

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá, 1000 đồng	Giá trị, 1000 đồng	
					Trước thuế	Thuế GTGT
1	Thiết bị khai thác				1.399.098.813	1.539.008.694
-	Máy khoan thủy lực, d= 300÷350 mm	cái	2	44.779.770	89.559.540	98.515.494
-	Máy xúc thủy lực gầu ngược, E=10÷12 m ³	cái	2	48.870.000	97.740.000	107.514.000
-	Máy xúc thủy lực gầu ngược, E=15÷17 m ³	cái	2	68.163.709	136.327.418	149.960.160
-	Ô tô tự đổ có tải trọng 130÷150 tấn	cái	29	34.081.855	988.373.782	1.087.211.160
-	Xe gạt bánh xích công suất 330÷450 kW	cái	4	21.774.518	87.098.073	95.807.880
2	Thoát nước khai trường (năm thứ 4)				3.490.607	3.839.668
2.1	Thiết bị cơ				1.870.861	2.057.947
-	Chi phí mua sắm thiết bị				1.818.182	2.000.000
	Máy bơm nước Q= 1222 m ³ /h; H=185 m; P=1000 kW; n=1480 v/ph; U= 6kV.	cái	1	1.818.182	1.818.182	2.000.000
-	Chi phí lắp đặt thiết bị	ht	1	52.679	52.679	57.947
2.2	Thiết bị điện				1.619.747	1.781.721
-	Chi phí mua sắm thiết bị				1.462.000	1.608.200
+	Tủ phân phối trung áp loại tủ dầu vào, U _{dm} = 7,2 kV, I _{dm} =630 A, I _{sc} =25 kA vô tủ bằng thép sơn tĩnh	cái	1	368.400	368.400	405.240

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá, 1000 đồng	Giá trị, 1000 đồng		
					Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế
	điện màu ghi sáng loại tủ máy cắt khí SF6 có 01 dao cách ly						
+	Tủ khởi động mềm tủ trọn bộ $U_{dm} = 7,2$ kV dùng khởi động cho động cơ bơm nước $P_{dm} = 1000$ kW bằng khởi động mềm	cái	1	1.093.600	1.093.600	109.360	1.202.960
-	Chi phí lắp đặt thiết bị	ht	1	157.747	157.747	15.775	173.521
	Tổng cộng				1.402.589.420	140.258.942	1.542.848.362

PHỤ LỤC 03: CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN, CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CHI PHÍ KHÁC

Dự án cải tạo mở rộng năng công suất mỏ than Cao Sơn

(Bản hành kèm theo Văn bản số 3703/TKV-DT ngày 09 tháng 8 năm 2021)

STT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị, 1000 đồng		
			Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế
I	Chi phí quản lý dự án		6.581.832	658.183	7.240.015
-	Chi phí quản lý dự án	1,173%*(TB)*0,8*0,5	6.581.832	658.183	7.240.015
II	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		24.839.920	2.483.992	27.323.912
1	Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Theo Hợp đồng số 3006/HĐ-TCS-KH ngày 02/11/2020	5.477.469	547.747	6.025.216
2	Chi phí Thiết kế bản vẽ thi công	Khải toán	4.567.273	456.727	5.024.000
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	Theo Hợp đồng số 3843/HĐ-KH-TCS ngày 30/11/2020	650.000	65.000	715.000
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	1.100.507	110.051	1.210.558
-	Lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn	0,520%*CP TV	23.973	2.397	26.370
-	Lập HSMT và đánh giá HSDT mua sắm thiết bị	0,076%* TB	1.076.535	107.653	1.184.188
5	Chi phí tư vấn giám sát	Theo Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019	40.037	4.004	44.041
-	Chi phí giám sát lập đấu thầu bị	1,147%*TB	40.037	4.004	44.041
6	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch và lập quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công tác chuẩn bị đầu tư dự án	Theo Hợp đồng số 6196/HĐ-KH-TCS ngày 09/12/2019	3.370.000	337.000	3.707.000
7	Chi phí tham định nhiệm vụ QH=20%*CP lập nhiệm vụ quy hoạch	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	674.000	67.400	741.400
8	Chi phí khảo sát địa hình tỉ lệ 1/500	Theo Quyết toán ngày 26/2/2020	5.628.655	562.865	6.191.520
9	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	48.741	4.874	53.615

STT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị, 1000 đồng	
			Trước thuế	Sau thuế
10	Chi phí công bố đồ án quy hoạch	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	15.174	16.691
11	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	10.116	11.128
12	Chi phí làm mô hình quy hoạch	TT	50.000	55.000
13	Đo vẽ bản đồ hiện trạng GPMB tỷ lệ 1/1000 (phục vụ công tác đền bù GPMB)	TT	956.262	1.051.888
14	Biên tập bản đồ hiện trạng, xin thuế đất tỷ lệ 1/2000	TT	320.514	352.566
15	Lập mốc đường chuyên cấp 2	TT	177.063	194.769
16	Cắm mốc ranh giới quy hoạch	TT	236.848	260.533
17	Chi phí lập Hồ sơ chấp thuận địa điểm xây dựng	TT	480.896	528.986
18	Chi phí lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Theo Hợp đồng số 4115/HĐ-TCS-KH ngày 8/12/2020	1.036.364	1.140.000
III	Các chi phí khác		81.100.230	83.785.835
1	Phí thẩm định dự án đầu tư (IT số 209/2016/IT-BTC ngày 10/11/2016)	0,002%*TMDT	52.600	52.600
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt, quyết toán và kiểm toán	Theo thông tư số 10/2020/IT-BTC ngày 20/2/2020	2.493.049	2.639.909
-	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	0,086% * TMDT sau loại trừ*70%	1.024.451	1.024.451
-	Kiểm toán	0,123% * TMDT sau loại trừ*70%	1.468.599	1.615.458
3	Chi phí cải tạo phục hồi môi trường	Tạm tính	25.387.459	27.926.205
4	Phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy (TT số 258/2016/IT-BTC ngày 11/11/2016)	0,009%*(TMDT)	173.240	173.240
5	Lệ phí trước bạ ô tô	2% * Ô tô	21.744.223	21.744.223
6	Lãi vay trong thời gian xây dựng		31.249.659	31.249.659
	Tổng cộng		112.521.981	118.349.762

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 - Dự án Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn để thực hiện Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn tại các phường (Mông Dương, Cẩm Tây, Cẩm Đông, Cẩm Sơn), thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009; Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về “Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù”;

Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 24/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 (điều chỉnh)”;

Căn cứ Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND Tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/10.000 vùng than Cẩm Phả đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 28/10/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 - Dự án cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ 03 lần điều chỉnh cục bộ QHCT: Quyết định số 6409/QĐ-UBND ngày 27/11/2019, Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 29/6/2020, Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND Thành phố;

Căn cứ các Quyết định thuê đất: Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 25/6/2012, Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 08/11/2012, Quyết định số 2618/QĐ-UBND ngày 30/9/2013, Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 08/5/2015, Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 10/8/2016, Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 06/01/2017, Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 29/5/2019, Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 01/12/2021;

Căn cứ các ý kiến tham gia của các đơn vị: Văn bản số 2728/TB-VKCC của Công ty than Khe Chàm - TKV, Văn bản số 3181/ĐB-KTCN ngày 25/5/2021 của Tổng Công ty Đông Bắc (lần 1), Văn bản số 1690/TĐN-KCM ngày 27/5/2021 của Công ty cổ phần than Đèo Nai - Vinacomin, Văn bản số 5575/THL-ĐTM-BQL-TĐ ngày 27/5/2021 của Công ty than Hạ Long - TKV, Văn bản số 2316/TKV-ĐT ngày 31/5/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Văn bản số 2798/CT-QLCN ngày 23/8/2021 của Sở Công Thương, Thông báo số 512-TB/TU ngày 10/11/2021 của Thành ủy Cẩm Phả, Văn bản số 213/UBND ngày 29/11/2021 của UBND phường Cẩm Sơn, Văn bản số 46/ĐB-KTCN ngày 05/01/2022 của Tổng Công ty Đông Bắc (lần 2), Biên bản làm việc giữa TKV và Tổng Công ty Đông Bắc ngày 17/02/2022, Văn bản số 967/ĐB-KTCN ngày 18/02/2022 của Tổng Công ty Đông Bắc (lần 2), Văn bản số 768/SXD-QH ngày 08/3/2022 của Sở Xây dựng;

Xét đề xuất của Công ty Cổ phần than Cao Sơn - TKV tại Tờ trình số 1859/TTr-TCS-ĐM ngày 17/3/2022; Phòng Quản lý đô thị tại Báo cáo thẩm định số 171/BCTĐ-QLĐT ngày 25/3/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 - Dự án Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn để thực hiện Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn tại các phường (Mông Dương, Cẩm Tây, Cẩm Đông, Cẩm Sơn), thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới và diện tích nghiên cứu lập quy hoạch:

- Phạm vi: Thuộc các phường (Mông Dương, Cẩm Tây, Cẩm Đông, Cẩm Sơn), thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Ranh giới: ranh giới lập Quy hoạch được xác định bởi các điểm có tọa độ theo Bản đồ Ranh giới, phạm vi nghiên cứu, cụ thể như sau:

+ Phía Đông giáp khai trường mỏ than Cọc Sáu;

+ Phía Tây giáp khai trường mỏ Đông Đá Mài;

+ Phía Nam giáp khai trường mỏ Đèo Nai;

+ Phía Bắc giáp Tỉnh lộ 326 và cao tốc Hạ Long – Vân Đồn.

- Tổng diện tích nghiên cứu Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết là 9.583.379,0m² (958,3ha).

2. Tính chất và Mục tiêu:

- Tính chất: Là khu khai thác than, mặt bằng sân công nghiệp và bãi đổ đất đá thải mỏ của Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV.

- Mục tiêu:

+ Thực hiện Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 và Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 24/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 (điều chỉnh)”.

+ Kết thúc dự án cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn (hết năm 2022) để tiếp tục thực hiện dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn giai đoạn tiếp theo năm 2023-2030.

+ Duy trì sản xuất mỏ, đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên của Công ty, đồng thời nâng cao sản lượng mỏ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ Than trong nước.

3. Lý do và nội dung nghiên cứu điều chỉnh Quy hoạch:

3.1. Lý do điều chỉnh Quy hoạch:

- Tiếp tục thực hiện dự án theo Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030” sau khi Giấy phép khai thác số 2805/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 hết hạn (thời hạn đến ngày 31/12/2022).

- Do thay đổi quy mô, công suất thiết kế, thời hạn thực hiện dự án Công suất thiết kế theo Quy hoạch cũ (QĐ2940) có độ sâu khai thác thiết kế Max là (-190m); công suất khai thác than giai đoạn năm 2015 là 5,0 triệu tấn than nguyên khai/năm; thời hạn khai thác theo Giấy phép khai thác, đến hết năm 2022. Công suất thiết kế theo Quy hoạch điều chỉnh có độ sâu khai thác thiết kế Max là -325m (theo văn bản số 3703/TKV-ĐT ngày 09/8/2021 của Tập đoàn TKV); Công suất khai thác than là 4,5 triệu tấn than nguyên khai/năm (theo văn bản số 3703/TKV-ĐT ngày 09/8/2021 của Tập đoàn TKV và QĐ403/TTg của Thủ tướng chính phủ); thời hạn khai thác than đến năm 2030 (theo QĐ403/QĐ-TTg).

3.2. Nội dung nghiên cứu điều chỉnh:

- Điều chỉnh tên quy hoạch: tên Quy hoạch theo Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 28/10/2013 là Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nay điều chỉnh tên thành Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn tại các phường (Mông Dương, Cẩm Tây, Cẩm Đông, Cẩm Sơn), thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh để tiếp tục thực hiện dự án theo QĐ403.

- Điều chỉnh khép góc ranh giới với các Quy hoạch chi tiết giáp ranh:

+ Khu khai trường khai thác than của Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin đã được UBND Tỉnh phê duyệt QHCT tại Quyết định số 3033/QĐ-UBND ngày 04/11/2013; UBND Thành phố phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 30/7/2015, tại vị trí phía Đông dự án, tăng diện tích khoảng 16,72ha.

+ Khu vực mặt bằng SCN mỏ Khe Chàm III (phê duyệt tại QĐ 208/QĐ-

UBND ngày 23/1/2014), phía Đông Bắc dự án, diện tích giảm 0,13 ha.

+ Khu vực mặt bằng SCN mở Khe Chàm II-IV (phê duyệt tại QĐ 261/QĐ-UBND ngày 09/2/2012), phía Đông Bắc dự án, giảm diện tích khoảng 0,18 ha.

+ Mặt bằng sân công nghiệp tại cốt +32m thuộc dự án khai thác hầm lò mở Khe Chàm III tại phường Mông Dương đã được UBND Thành phố phê duyệt QHCT tại Quyết định số 6408/QĐ-UBND ngày 27/11/2019, phía Đông Bắc dự án, giảm diện tích khoảng 3,5ha.

+ Dự án hệ thống băng tải cấp than cho Nhà máy tuyển Khe Chàm công suất 4,5 triệu tấn/năm tại phường Cẩm Đông; Mông Dương đã được UBND Thành phố phê duyệt QHCT tại Quyết định số 6416/QĐ-UBND ngày 27/11/2019, phía Đông Bắc dự án, giảm diện tích khoảng 10,71ha.

+ Khu vực tiếp giáp với ranh giới quy hoạch đất quân sự (cập nhật theo Điều chỉnh QHC thành phố Cẩm Phả đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài năm 2050 phê duyệt tại QĐ 3899/QĐ-UBND ngày 09/10/2020), phía Nam dự án, giảm diện tích khoảng 2,055 ha.

- Điều chỉnh độ sâu khai thác lộ thiên từ -190m xuống đến -325m (Văn bản số 3703/TKV-ĐT ngày 09/8/2021; Văn bản số 3821/TKV-TN ngày 18/8/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

- Điều chỉnh quy mô công suất khai thác từ 5 triệu tấn than/năm thành 4,5 triệu tấn than/năm (theo mục I - I.3 vùng Cẩm Phả - I. Bể than Đông Bắc giai đoạn 2021-2030 Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016).

- Điều chỉnh cập nhật các QHCT điều chỉnh cục bộ mỏ than Cao Sơn đã phê duyệt (Quyết định số 6409/QĐ-UBND ngày 27/11/2019; Quyết định 3207/QĐ-UBND ngày 29/6/2020; Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND Thành phố).

- Giảm cao độ đổ thải xuống dưới +300m của bãi thải Bàng Nâu, kết thúc đổ thải tại các tầng đổ thải sát biên về phía đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, để trồng cây xanh hoàn nguyên và xây dựng các công trình BVMT, thoát nước.

- Công trình phát sinh chưa có trong QĐ 2940/QĐ-UBND ngày 28/10/2013 đã được UBND Tỉnh chỉ đạo tại Văn bản số 1042/UBND-MT ngày 24/02/2020 về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường trong hoạt động đổ thải tại bãi thải Bàng Nâu; UBND Thành phố Cẩm Phả Thông báo số 179/TB-UBND ngày 15/6/2020.

4. Dự báo quy mô công suất; phương pháp khai thác và Các chỉ tiêu dự kiến về sử dụng đất trong khu vực quy hoạch.

4.1. Dự báo quy mô, công suất khai thác và cao độ đổ thải:

- Quy mô cán bộ công nhân viên: Khoảng 3.700 người.

- Tổng quy mô công suất là 4,5 triệu tấn/năm (theo Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- Về hình thức khai thác, công suất khai thác, độ sâu khai thác, thời gian khai thác,...thực hiện theo Giấy phép khai thác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Các chỉ tiêu dự kiến về sử dụng đất trong khu vực quy hoạch

- Bảng cơ cấu sử dụng đất:

Stt	Danh mục	Chỉ tiêu QH được duyệt	Đề xuất điều chỉnh quy hoạch		
		Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú tăng (+); giảm (-)
1	Khu khai trường mỏ (moong khai thác, MBSCN, bãi thải trong,...)	5.187.856,0	5.930.371,0	61,9	+742,5
2	Khu bãi thải (Bãi thải Bàng Nâu)	4.394.724,0	3.653.008,0	38,1	-741,7
Tổng		9.582.580,0	9.583.379,0	100,00	+799,0

- Các hạng mục xây dựng chính và phương pháp thiết kế: Đảm bảo quy định hiện hành và an toàn, đảm bảo môi trường cho các dự án lân cận.

5. Các yêu cầu và nguyên tắc về không gian, kiến trúc, cảnh quan, kết nối hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng đất xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; các quy định của quy hoạch chung, quy hoạch phân khu có liên quan đến khu vực quy hoạch.

5.2. Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch

5.3. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch về tầng cao độ thái, cao độ không chế; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có), thiết kế đảm bảo theo Quyết định số 1849/QĐ-TKV ngày 21/7/2016; Thông báo số 150/TB-TKV ngày 04/8/2016 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

5.4. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công tác bảo vệ môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ phải tuân thủ theo quy định hiện hành. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đến mạng lưới đường nội bộ (Lưu ý phải đảm bảo khớp nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật các dự án lân cận và hiện trạng hạ tầng kỹ thuật trong khu vực. Cụ thể các nội dung sau:

- Xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất, khu đất; Quy hoạch chiều cao: Phải đảm bảo khớp nối với các khu vực liên quan đáp ứng nhu cầu xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và dây chuyền khai thác; chỉ rõ cao độ tại các điểm giao cắt đường và tại các điểm đặc biệt; xác định vị trí đào đắp với các thông số về khối lượng; Cần lưu ý cao độ các tầng đồ thái, các tuyến đường hiện trạng đã xây dựng và khu lân cận.

- Xác định mạng lưới giao thông (kể cả đường đi bộ nếu có), mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hoá quy hoạch chung về vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe trên cơ sở đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo khả năng liên hệ nhanh chóng, an toàn giữa tất cả các khu chức năng trong dự án và cập nhật

mạng lưới giao thông các quy hoạch liên kế đã được UBND Tỉnh phê duyệt; cập nhật hiện trạng các tuyến đường đã đầu tư xây dựng để xác định chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng cho hợp lý. Cụ thể:

+ Hệ thống giao thông trong dự án phải đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo khả năng liên hệ nhanh chóng, an toàn.

+ Hệ thống các công trình phục vụ giao thông trong dự án phải đáp ứng nhu cầu phát triển của dự án và đảm bảo thuận tiện cho các đối tượng tham gia giao thông trong khu vực nghiên cứu dự án.

+ Mạng lưới đường dự án phải quy hoạch thành hệ thống liên hoàn nhằm đảm bảo khả năng liên hệ nhanh chóng và an toàn giữa tất cả các khu chức năng trong dự án và thuận lợi sản xuất.

+ Đường dự án phải phân loại theo chức năng giao thông và tốc độ tính toán phù hợp với các chỉ tiêu quy định.

+ Phải cập nhật mạng lưới giao thông các quy hoạch liên kế đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt và hiện trạng các tuyến đường đã được đầu tư xây dựng để xác định chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng cho hợp lý.

5.5. Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết trên cơ sở đảm bảo cho sản xuất, sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy.

- Bố trí các máy phun sương tại khu vực bãi thải, các vị trí sàng than và đặt các máy phun sương (hoặc thiết kế hệ thống phun sương) trên tuyến giao thông chính để giảm thiểu ô nhiễm trong không khí, lọc sạch chất thải và loại bỏ bụi phát tán trong không khí, ngăn chặn bụi đến khu phân xưởng cũng như xuống đến các khu môi trường xung quanh.

5.6. Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; Vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và chiếu sáng đô thị cụ thể như sau:

- Phụ tải điện, bao gồm: Phụ tải điện sinh hoạt, phụ tải điện sản xuất, phụ tải điện của từng công trình kiến trúc, phụ tải điện khu cây xanh, phụ tải điện chiếu sáng công cộng. Phụ tải điện được tính toán trên cơ sở các chỉ tiêu cấp điện, chỉ tiêu cấp điện tính toán không được nhỏ hơn các chỉ tiêu tiêu chuẩn.

- Lưới điện: Quy hoạch lưới điện trung áp, lưới điện hạ áp, lưới điện sản xuất, lưới điện chiếu sáng đường, lưới chiếu sáng vườn hoa, chiếu sáng mặt ngoài các công trình kiến trúc...

5.7. Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc;

5.8. Xác định lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; Vị trí, quy mô các công trình xử lý nước bẩn, chất thải cụ thể như sau:

- Quy hoạch chi tiết xây dựng hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng cần đảm bảo các yêu cầu sau đây:

+ Xác định tiêu chuẩn và khối lượng nước thải, chất thải rắn;

+ Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và công trình xử lý nước thải;

+ Xác định quy mô công trình xử lý và công nghệ xử lý nước thải;

+ Phạm vi thu gom, quy mô trạm trung chuyển và phương án xử lý chất thải rắn;

- + Xác định vị trí các nhà vệ sinh công cộng;
- Quy hoạch công trình xử lý nước thải trong khu đất nghiên cứu.
- Hệ thống thoát nước mưa: Thiết kế mạng lưới đường cống và các tuyến mương hở với đầy đủ thông số kỹ thuật (kích thước, độ dốc, hướng thoát, cao độ điểm đầu, điểm cuối, của các đoạn cống và miệng xả); làm rõ các thông số kỹ thuật và vị trí của các trạm bơm đầu mối hoặc cục bộ; hệ thống bể lắng, hồ lắng (Lưu ý khớp nối các hệ thống thoát nước đã xây dựng tại khu vực và xử lý hệ thống thoát nước mặt tại vị trí bãi thải).

5.9. Đánh giá tác động môi trường.

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;
- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;
- Đề ra giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch;
- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

5.10. Dự kiến những hạng mục ưu tiên phát triển.

6. Một số yêu cầu nội dung nghiên cứu (Nếu có):

- Về kiến trúc cảnh quan - thiết kế dự án: Đảm bảo hài hòa về kiến trúc cảnh quan cho khu vực.
- Về bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật: Thiết kế đồng bộ, khớp nối với hiện trạng đã xây dựng và quy hoạch được duyệt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo an toàn (Đặc biệt khu khai thác và đổ thải).
- Cần cập nhật các dự án, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt và thực hiện kết nối hạ tầng kỹ thuật phù hợp với đồ án quy hoạch. Đặc biệt cập nhật ranh giới chông lán (tên điểm, tọa độ, diện tích) Quy hoạch chi tiết các dự án đã được phê duyệt.

7. Hồ sơ sản phẩm và Dự toán kinh phí, nguồn vốn:

7.1. Hồ sơ sản phẩm: Thành phần, hồ sơ đồ án quy hoạch theo quy định Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về "Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù";

7.2. Dự toán kinh phí, nguồn vốn:

- Dự toán kinh phí: Theo quy định hiện hành.
- Nguồn vốn: Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV tự bỏ kinh phí 100% để nghiên cứu khảo sát và lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV (do TKV ủy quyền).
- Cơ quan thẩm định: Phòng Quản lý đô thị thành phố Cẩm Phả.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả.
- Tiến độ triển khai đồ án quy hoạch: 06 tháng kể từ ngày nhiệm vụ được phê duyệt.

- Trách nhiệm của Đơn vị nghiên cứu lập quy hoạch: Tổ chức nghiên cứu, hoàn thiện Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch đúng với nhiệm vụ thiết kế quy hoạch được phê duyệt, đảm bảo các nội dung chủ yếu của đồ án quy hoạch. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành. Lấy ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án quy hoạch.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng HĐND & UBND Thành phố; Trưởng các phòng: Tài chính và Kế hoạch, Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các phường (Mông Dương, Cẩm Tây, Cẩm Đông, Cẩm Sơn); Đội trưởng Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường; Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- TT TU, TT HĐND TP (b/c);
- Các Sở: XD, TN&MT (b/c);
- Như điều 3;
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Cường

Số: **3043** /TTr-TCS-HĐQT

Cẩm Phá, ngày **21** tháng **4** năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV

Căn cứ:

- Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Điều 15 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần than Cao Sơn TKV;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV năm 2022 thông qua các hợp đồng giao dịch sau:

1. Chấp thuận hợp đồng giữa Công ty và Người liên quan là tổ chức (doanh nghiệp):

Hợp đồng số 05/HĐ-TTCO và số 07/HD-TTCO ngày 02/01/2022, V/v mua bán than mỏ năm 2022 với Công ty Tuyển Than Của Ông - TKV; địa chỉ: Tổ 48, khu 4B2, Phường Cửa Ông, TP Cẩm Phá, Quảng Ninh.

2. Chấp thuận hợp đồng giữa Công ty và Người liên quan là tổ chức (doanh nghiệp) và là cổ đông của Công ty:

Hợp đồng khai thác sàng tuyển chế biến than năm 2022 số 229/2022/HĐKD ngày 29/12/2021 với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Địa chỉ: Số 226, Đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

3. Chấp thuận hợp đồng giữa Công ty với doanh nghiệp có giá trị IID lớn hơn 35% Tổng tài sản Công ty tại BCTC ngày 31/12/2021:

Hợp đồng mua bán than năm 2022 số 04/2022/HĐ/KVCP-TCS ngày 31/12/2021 với Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phá; Địa chỉ: Đường Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Ông, TP Cẩm Phá, tỉnh Quảng Ninh.

(có các hợp đồng chi tiết kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2022;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu VT; HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Khấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THAN NĂM 2022

SỐ: 04/2022/HĐ/KVCP-TCS

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH13 do Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương Mại số: 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Quyết định số: 462/QĐ-TKV ngày 10 tháng 3 năm 2014 của Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc Ban hành quy trình giao nhận than giữa các công ty kho vận với các đơn vị sản xuất trong Tập đoàn trên địa bàn Quảng Ninh;
- Căn cứ Quyết định số: 246/QĐ-TKV ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc Ban hành quy định ký hợp đồng mua bán sản phẩm, phát hành hóa đơn, thanh toán công nợ trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số: 2944/QĐ-TKV ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc Ban hành quy định quản lý cân thương mại và giao nhận than về khối lượng trong nội bộ TKV;
- Căn cứ Công văn số: 2113/TKV-KTTC ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Tập đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc Tính toán số liệu tiền than tuần cho các đơn vị sản xuất;
- Căn cứ Quyết định số: 1743/QĐ-TKV ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc Ban hành quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh than;
- Căn cứ Quyết định số: 1762/QĐ-TKV ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam v/v Ban hành các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn và các công ty TKV;
- Căn cứ nhu cầu sử dụng than của Kho Vận Và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin và khả năng cung cấp than của Công ty Cổ Phần Than Cao Sơn - TKV.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2021, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ : Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại : 02033.862.337 Fax: 020333.863945
Tài khoản số : 1106 4242 8888 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh và tài khoản số 1008686868 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả.
Mã số thuế : 57 020 53837
Người đại diện : Ông PHẠM QUỐC VIỆT Chức vụ: Giám đốc

BÊN MUA: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ : Tổ 93, khu 9B, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Điện thoại : 02033 865122 Fax: 02033 731097

Tài khoản số : 112000010656 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả, Quảng Ninh.
Mã số thuế : 5700100256-001
Người đại diện : Ông TRINH QUỐC TRUNG Chức vụ: Phó Giám đốc
(Theo giấy ủy quyền số 7403/UQ-KVCP ngày 31/7/2021 do Ông Bùi Văn Tuấn - Giám đốc Công ty ký)

Hai Bên cùng thoả thuận ký kết Hợp Đồng Mua Bán Than Năm 2022 ("Hợp đồng") với các nội dung và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

1.1. **Hàng hóa:** Bên Bán đồng ý bán và Bên Mua đồng ý mua than thành phẩm theo Quyết định ban hành kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ("TKV") để tiêu thụ than trong nước và xuất khẩu.

1.2. **Số lượng than: 1.896.000 tấn**

- Chi tiết chủng loại than mua bán thực hiện theo kế hoạch phối hợp kinh doanh số: 1742/QĐ-TKV ngày 27 tháng 12 năm 2021 của TKV giao cho các đơn vị trong năm 2022 và kế hoạch điều hành hàng tháng của TKV.

- Đối với than giao xuất khẩu, Bên Bán sẽ giao theo kế hoạch tiêu thụ hàng tháng của TKV và theo thông báo của Bên Mua.

1.3. **Chất lượng than:**

a. Các chủng loại than thành phẩm phải đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8910:2020, Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) đã được TKV ban hành, các văn bản hướng dẫn của TKV tại từng thời điểm và/hoặc theo yêu cầu trong các hợp đồng mua bán than giữa TKV và khách hàng, hợp đồng mua bán than giữa các Công ty được TKV uỷ quyền và khách hàng.

b. Bên Bán chủ động kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng nguồn than dự kiến giao cho Bên Mua theo thông báo kế hoạch nhận than và gửi kết quả cho Bên Mua (bằng E.mail) trước 01 ngày làm việc để Bên Mua lập kế hoạch làm việc với các Bên liên quan.

c. **Lấy mẫu than:** Các Bên giao nhận cùng tham gia lấy mẫu tại kho của Bên Bán hoặc trên xe ô tô tại địa điểm giao nhận. Bên Bán chuẩn bị các vị trí lấy mẫu và lắp đặt các cầu để cộng nhân đứng lấy mẫu đảm bảo an toàn. Việc lấy mẫu, phân tích mẫu thực hiện theo các quy trình tiêu chuẩn TCVN hiện hành.

d. Bên Bán đảm bảo rằng: Than thành phẩm giao theo Hợp Đồng là than sạch, không có lẫn tạp chất và chất lượng đồng đều. Giá trị trung bình về chỉ tiêu độ tro Ak(%) đối với than sạch giao nhận trong ngày không vượt quá giới hạn trên và giới hạn dưới của Tiêu chuẩn quy định đối với chủng loại than đó. Bên Bán có trách nhiệm điều chỉnh để độ tro gia quyền toàn lô than đạt giá trị trung bình theo Tiêu chuẩn quy định.

e. **Độ ẩm để xác định khối lượng thanh toán:**

(i) Đối với than cám: Là độ ẩm trung bình theo TCVN 8910:2020 và các tiêu chuẩn cơ sở hiện hành. Các lô hàng có độ ẩm khác với độ ẩm trung bình (lớn hơn

hoặc nhỏ hơn độ ẩm trung bình theo TCVN 8910:2020 và các TCCS hiện hành của TKV) đều được quy về độ ẩm trung bình để xác định khối lượng thanh toán.

(ii) Đối với than cục: Là độ ẩm trung bình theo TCVN 8910:2020 và các tiêu chuẩn cơ sở hiện hành. Nếu độ ẩm than giao nhận lớn hơn độ ẩm trung bình theo TCVN 8910:2020 và các tiêu chuẩn cơ sở thì quy đổi về độ ẩm trung bình để xác định khối lượng thanh toán, trường hợp độ ẩm than cục nhỏ hơn độ ẩm trung bình thì không tính cộng ẩm.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

2.1. Địa điểm giao nhận:

- Than được giao tại kho khai trường của Bên Bán:
- + Kho than mức +33; + 40 TBSC.
- + Kho mặt bằng +135 (Khu Khe Chàm II).
- + Các kho khác được chấp thuận của TKV.

2.2. Phương thức giao nhận:

- a. Hai Bên thực hiện quy trình giao nhận than theo đúng quy định của TKV.
- b. Tiến độ giao than: Thực hiện theo kế hoạch đăng ký nhận than của Bên Mua và kế hoạch điều hành tiêu thụ than hàng tháng, quý, năm của TKV.
- c. Than được xác định qua cân điện tử của Bên Bán. Bên Bán bằng chi phí của mình chịu trách nhiệm lắp đặt, vận hành, kiểm tra và bảo dưỡng thiết bị cân đảm bảo cơ sở pháp lý, các thông số kỹ thuật của cân và các quy định của TKV về quản lý Cân thương mại trong quá trình giao nhận.
- d. Trường hợp số lượng than nhận qua cân của Bên Bán và cân của Bên Mua có sai lệch vượt quá sai số cho phép theo quy định hiện hành thì hai Bên sẽ cử người phối hợp cùng với Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomim ("Quacontrol") để kiểm tra ngay lại cân của hai Bên, số lượng than giao nhận sẽ được lấy theo kết quả của cân đảm bảo độ chính xác đo Quacontrol quyết định.
- e. Thời gian giao nhận: Theo quy định của TKV.

2.3. Thành phần giám định giao nhận than: Bên Bán, Bên Mua, Quacontrol.

- Trong quá trình giao nhận than các Bên bố trí đủ người có trách nhiệm thường xuyên có mặt tại hiện trường cùng với các Bên liên quan để lập các biên bản xác nhận số lượng, chất lượng than giao nhận làm cơ sở thanh toán.

2.4. Chứng từ giao nhận:

- a. Biên bản giao, nhận than (cho từng chuyến xe ô tô);
- b. Biên bản tổng hợp xác nhận khối lượng qua cân;
- c. Biên bản lấy mẫu cho từng lô than;
- d. Kết quả giám định khối lượng cho từng lô than;
- e. Chứng thư giám định cho từng lô than (chứng thư phải có đầy đủ các chỉ tiêu theo TCVN và/hoặc TCCS hiện hành).

ĐIỀU 3: GIÁ MUA, BÁN; CHỨNG TỪ MUA BÁN; THANH TOÁN.

3.1. Giá mua, bán:

- a. Thực hiện theo Quyết định của TKV về việc ban hành giá mua/bán than trong nội bộ TKV.
- b. Trong trường hợp nếu TKV thay đổi giá mua/bán than và/hoặc có thay đổi về các chỉ tiêu số lượng, chất lượng than giao thì hai Bên coi đó là phụ lục điều chỉnh của Hợp Đồng này.

3.2. Chứng từ mua/bán:

- a. Chứng thư giám định của Quacontrol cấp và/hoặc chứng thư giám định của đơn vị giám định độc lập do TKV yêu cầu cho từng lô hàng;
- b. Hóa đơn GTGT của từng lô hàng: Không quá 24 giờ kể từ khi nhận được Chứng thư giám định khối lượng và chất lượng quy định tại điểm (a) của mục 3.2 Bên Bán phát hành hóa đơn GTGT cho Bên Mua;
- c. Biên bản đối chiếu tổng hợp khối lượng, chất lượng than: Từ ngày 01 đến ngày 04 hàng tháng, Bên Bán và Bên Mua đối chiếu và lập biên bản đối với sản lượng than đã mua/bán của tháng trước liền kề;
- d. Biên bản đối chiếu tổng hợp giá trị than mua/bán : Từ ngày 05 đến ngày 07 hàng tháng, Bên Bán và Bên Mua đối chiếu tổng hợp giá trị than mua/bán đồng thời viết hóa đơn GTGT bổ sung lần 2 (nếu có) đối với giá trị than đã mua/bán của tháng trước liền kề;

3.4. Thanh toán:

- a. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.
- b. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản qua ngân hàng hoặc bù trừ công nợ với các đơn vị trong TKV.
- c. Thời hạn thanh toán: Theo các quy định hướng dẫn thanh toán tiền mua, bán than trong nội bộ TKV hiện hành.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1. Trách nhiệm của Bên Bán:

- a. Bên Bán chuẩn bị nguồn than và thông báo cho Bên Mua trước 01 (một) ngày về số lượng, chủng loại than để Bên Mua bố trí phương tiện đến nhận than.
- b. Bên Bán có trách nhiệm phải san gạt than bằng thành xe trước khi vào cân có tải nhằm tránh rơi vãi than dọc đường gây ô nhiễm môi trường. Bố trí năng lực thiết bị phù hợp để bốc than lên phương tiện của Bên Mua để việc lấy hàng của Bên Mua không bị gián đoạn hoặc phải chờ đợi.
- c. Thực hiện theo đúng các nội dung liên quan giữa hai bên trong quy trình trách nhiệm thực hiện giao than xuất khẩu, quy định giao than trong nước, qui định về kế hoạch phối hợp kinh doanh và các văn bản hướng dẫn khác (nếu có) của TKV ban hành cho năm 2022.
- d. Than giao phải đảm bảo đúng chất lượng như đã được ghi trong thông báo giao than của TKV và của Bên Mua. Trường hợp lô hàng giao không đảm bảo chất lượng thì Bên Bán có trách nhiệm điều chỉnh để đảm bảo chất lượng than trong thời gian được Bên Mua đồng ý.
- e. Đối với chủng loại than cám 6a.1 giao cho Trung tâm Nhiệt điện Mông Dương, Bên Bán có trách nhiệm chuẩn bị nguồn than đảm bảo số lượng, chất

lượng, giao than theo đúng tiến độ kế hoạch hàng tháng của TKV, độ ẩm than giao nhận không vượt quá 10%.

4.2. Trách nhiệm của Bên Mua:

- a. Căn cứ theo kế hoạch điều hành tiêu thụ than hàng tháng của TKV, Bên Mua sẽ thông báo cho Bên Bán dự kiến kế hoạch nhận than 10 ngày 1 lần.
- b. Thực hiện đúng những nội dung trong quy trình trách nhiệm thực hiện giao than xuất khẩu và quy trình tiêu thụ than trong nước của TKV đã quy định đối với Bên Mua.
- c. Đối chiếu công nợ và gửi hồ sơ cho TKV kịp thời để TKV căn cứ chuyển tiền hoặc bù trừ công nợ cho Bên Bán.

ĐIỀU 5: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

- 5.1. Việc một Bên không thực hiện, thực hiện không đúng một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ Hợp Đồng của mình sẽ không bị xem là vi phạm các nghĩa vụ đó, nếu việc không thực hiện hay thực hiện không đúng đó là do những sự kiện xảy ra khách quan nằm ngoài khả năng kiểm soát của Bên bị ảnh hưởng và không thể khắc phục được mặc dù Bên bị ảnh hưởng đã áp dụng các biện pháp cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp như: động đất, lũ lụt, thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, lốc xoáy, sóng thần, bão, bệnh dịch, chiến tranh, bạo loạn, phiến loạn, cấm vận, khởi nghĩa, phá hoại ngầm, sự can thiệp, sự thay đổi chính sách của Nhà Nước ("Sự kiện bất khả kháng").
- 5.2. Khi xảy ra các Sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải có trách nhiệm thông báo cho Bên còn lại bằng văn bản có xác nhận của chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ khi Bên bị ảnh hưởng có đủ điều kiện và khả năng để gửi văn bản bằng bất kỳ hình thức nào, sau khi xảy ra Sự kiện Bất Khả Kháng. Nếu không có văn bản thông báo có đầy đủ xác nhận của chính quyền sở tại, Bên còn lại có quyền từ chối áp dụng điều khoản này của Hợp Đồng.
- 5.3. Khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng, các Bên sẽ tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa thiệt hại do Sự kiện bất khả kháng gây ra. Nếu Sự kiện bất khả kháng làm cho Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ Hợp Đồng trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng thì một trong các Bên sẽ có quyền chấm dứt trước hạn Hợp Đồng này.

ĐIỀU 6: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 6.1. Trừ trường hợp quy định tại Điều 5.3, Hợp Đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - a. Hết thời hạn Hợp Đồng.
 - b. Một trong các Bên vi phạm nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng, đã nhận được thông báo bằng văn bản của Bên còn lại nhưng Bên vi phạm vẫn không chấm dứt và/hoặc khắc phục vi phạm.
 - c. Một trong các Bên giải thể hoặc ngưng hoạt động vì bất cứ lý do gì.
 - d. Một trong các Bên vi phạm pháp luật nghiêm trọng, có khả năng gây bất lợi cho Bên còn lại.

e. Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng trước hạn.

6.2. Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng:

- a. Bên Mua có trách nhiệm gửi hồ sơ thanh toán lên TKV cho Bên Bán đối với các sản lượng hàng hóa đã hoàn tất thủ tục giao nhận và có đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ theo Hợp Đồng.
- b. Hợp Đồng chỉ được thanh lý khi và chỉ khi hai Bên đã thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng và không có bất kỳ khiếu nại nào có liên quan.

ĐIỀU 7: THƯỞNG / PHẠT

Thực hiện theo kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 và các qui định khác của TKV.

ĐIỀU 8: CAM KẾT CHUNG

- a. Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, thông báo cho nhau để cùng giải quyết, không Bên nào tự ý sửa đổi, huỷ bỏ Hợp Đồng mà không có sự đồng ý của Bên còn lại. Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp Đồng phải được hai Bên đồng ý và lập thành Phụ lục Hợp Đồng có xác nhận của hai Bên.
- b. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra tranh chấp, hai Bên tiến hành thương lượng, hòa giải. Nếu tranh chấp không thể thương lượng, một trong hai Bên có quyền khởi kiện vụ việc lên Tòa Án Nhân Dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật.
- c. Hợp đồng này sẽ được tự động thanh lý mà không cần lập thành văn bản sau 30 ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong mọi nghĩa vụ theo thỏa thuận.
- d. Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 và được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 03 (ba) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

Giám đốc



PHẠM QUỐC VIỆT

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

Phó Giám đốc



TRỊNH QUỐC TRUNG

Số 05 /HĐ-TTCO

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 01 năm 2022

HỢP ĐỒNG

V/v: Mua bán than mỏ năm 2022
(Vận chuyển bằng đường sắt)

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH11 ngày 24 tháng 11 năm 2015, Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ quyết định số: 1762 /QĐ-TKV ngày 27/12/2021 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam Về việc ban hành các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn các công ty TKV;

Căn cứ quyết định số: 2213/QĐ-TKV ngày 14/9/2010 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam v/v: Ban hành quy trình Giám định khối lượng, giám định chất lượng than;

Căn cứ quyết định số: 2944/QĐ-TKV ngày 12/12/2016 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt nam v/v Quy định về quản lý cân thương mại và giao nhận than về khối lượng trong nội bộ Tập đoàn -TKV;

Căn cứ quyết định số: 246/QĐ- TKV ngày 13/02/2015 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành Quy định ký hợp đồng mua bán sản phẩm, phát hành hóa đơn, thanh toán công nợ trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

Chúng tôi gồm có:

Bên bán: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN -TKV
Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm phá, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 0203.3862 337 FAX:0203.3863.945
Tài khoản số: 1106 4242 8888, Mỏ tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế: 5702053837
Người đại diện: Ông Phạm Quốc Việt Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Bên mua: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM- CÔNG TY TUYỀN THAN CỬA ÔNG-TKV
Địa chỉ: Tổ 48, Khu 4B2, P.Cửa Ông, TP Cẩm phá, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 0203 3865 054 FAX: 0203 3865 656
Tài khoản số: 119 0000 10610 Mỏ tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
Mã số thuế: 5700100256-033
Người đại diện: Phạm Hồng Thanh Chức vụ: P.Giám đốc làm đại diện

Theo giấy ủy quyền ngày 13/12/2021 của Giám đốc Công ty Tuyền than-Cửa Ông - TKV

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán than mỏ với các điều khoản sau:

Điều 1. Khối lượng; chất lượng than

1. Khối lượng.

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV bán cho Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV than nguyên khai mỏ 2.865.000 Tấn

2. Chất lượng than:

- Chất lượng than nguyên khai: Giao nhận chất lượng theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam năm 2022. Bên bán không được giao than nguyên khai có tỷ lệ đá +15mm; cỡ hạt; độ tro than cám 0-15mm vượt quá phẩm cấp than nguyên khai theo Quyết định ban hành giá bán than của TKV năm 2022.

- Bên bán có trách nhiệm xử lý tối đa tạp chất lẫn trong than như: dăm gỗ, sắt thép, đất sét và các loại tạp chất khác.

- Để ổn định công nghệ sàng tuyển và giảm tỉ lệ than bùn theo kế hoạch TKV giao, bên bán giao than nguyên khai có độ bụi cỡ hạt -1mm <34%. Nếu tỷ lệ cỡ hạt -1mm trong than nguyên khai từ 34% ÷ 40%, bên bán có trách nhiệm thông báo kịp thời cho bên mua, để bên mua có phương án điều chỉnh công nghệ sàng tuyển, không để ách tắc sản xuất. Nếu bên bán liên tục giao than có tỷ lệ cỡ hạt -1mm từ 34%÷40% và không có giải pháp để xử lý tỷ lệ bụi <34% thì bên mua từ chối nhận than.

- Yêu cầu than nguyên khai giao cho bên mua, bên bán phải tổ chức chế biến pha trộn từ đầu nguồn, đảm bảo than giao phải đồng đều và ổn định về chất lượng. Bên mua từ chối nhận các đoàn than hoặc các toa xe than có tỷ lệ cỡ hạt -1mm trong than nguyên khai >40%, các đoàn than có các toa xe than tốt xấu lẫn lộn không đồng đều chất lượng (làm ảnh hưởng xấu đến công nghệ sản xuất trong các nhà máy tuyển) mặc dù chất lượng cả đoàn tàu đạt yêu cầu theo bình quân gia quyền.

Điều 2. Vận chuyển, giao nhận than

1-Thời gian; địa điểm giao nhận than:

a. **Vận chuyển than:** Bên mua vận chuyển than từ máng ga các mỏ về các nhà máy Tuyển của bên mua bằng đường sắt.

b. **Thời gian giao nhận:** than giao nhận liên tục 3 ca (24 giờ) trong ngày, trường hợp có sự cố hai bên gặp nhau giải quyết kịp thời thông qua Phòng Điều khiển Sản xuất của các bên.

c. Địa điểm giao nhận:

- Giao nhận chất lượng than tại máng ga của Đơn vị giao than.

- Giao nhận số lượng than tại trạm cân tàu hoả động của Công ty Tuyển than Cửa Ông -TKV tại Phường Cửa Ông, Cẩm phá, Quảng ninh.

2. **Tiến độ giao nhận:** Giao nhận căn cứ kế hoạch hàng tháng, quý, năm theo điều hành của Tập đoàn Công nghiệp Than -Khoáng sản Việt Nam và căn cứ vào chỉ tiêu tiêu thụ than.

3. Thành phần và các chứng từ giao nhận:

a. Đại diện của bên mua (Gồm có: Công nhân KCS và vận hành cân);

b. Đại diện của bên bán;

c. Đại diện của Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin;

- Đại diện của Bên mua và Bên bán chấp nhận khối lượng; chất lượng thì lập chứng từ mua bán than theo từng loại than và từng chuyến tàu. Chứng từ lập thành 6 liên, bên mua giữ 4 liên, bên bán giữ 2 liên. Chứng từ gồm có:

+Phiếu giao nhận than mỏ;

+Giấy chứng nhận số lượng (Phiếu giao than tàu kéo);

+Giấy chứng nhận chất lượng, khối lượng do C.ty Cổ phần Giám định - Vinacomin cấp

+Các giấy tờ khác nếu cần thiết.

- Chứng từ đối chiếu thanh toán phải đầy đủ hợp lệ và không tẩy xóa.

- Hai bên cử đại diện (do Giám đốc đơn vị uỷ quyền) thực hiện hợp đồng mua bán than ký kết vào các chứng từ giao nhận than hàng ngày và hoàn toàn chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng than đã giao nhận, tổ chức đối chiếu số lượng, chất lượng làm cơ sở thanh toán theo quy định.

- Chứng từ giao nhận số lượng, chất lượng hàng ngày: bên bán gửi cho bên mua chứng từ ngày hôm trước ngay ngày hôm sau liền kề để làm cơ sở báo cáo TKV theo quy định.

- Công ty Cổ phần Giám định là thành phần tham gia giám định khối lượng và chất lượng than mỏ (căn cứ quyết định số 2213/QĐ-TKV ngày 14/9/2010 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam). Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin sẽ cấp đầy đủ chứng thư giám định về khối lượng và chất lượng than giao nhận cho các bên. Chứng thư giám định là cơ sở để thanh toán hàng tháng giữa các bên theo quy định của TKV. Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin có trách nhiệm giải quyết mọi sai lệch về kết quả giám định và những vướng mắc trong quá trình thực hiện giám định, chịu trách nhiệm trước Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về các kết quả thể hiện trong chứng thư giám định.

4. Phương thức giao nhận:

a. Giao nhận chất lượng:

- Hai bên tổ chức lấy mẫu và giao nhận chất lượng than tại các điểm lấy mẫu của máng ga Bên bán (Đơn vị giao than).

- Chất lượng than ban đầu được xác định tại máng ga mỏ tỷ lệ than cục +15mm, tỷ lệ kẹp xít +15, đất đá +15mm trong than nguyên khai, độ tro than cám 0-15 trong than nguyên khai, theo chứng thư cấp của Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin, các bên tự đối chiếu, nếu có sai lệch thì kiến nghị Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin, sau đó 3 bên căn cứ vào mẫu niêm phong phân tích lại và lấy kết quả đó làm cơ sở thanh toán.

b. Giao nhận số lượng:

- Giao nhận mô hình ban đầu tại các máng ga mỏ: Bên mua ký phiếu giao nhận than ban đầu khi đoàn tàu than đã được kéo ra khỏi ranh giới sân ga của Đơn vị giao than (Bên bán). Phiếu do bên bán (Công ty giao than phát hành) và có ghi rõ nội

dung: Mô hình chất tải than trên các toa xe đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, còn nguyên vẹn, không có hiện tượng cào bới mất cấp than.

- Khối lượng than được hai bên giao nhận xác định bằng khối lượng than thực tế qua hệ thống cân tàu hoả động của Công ty Tuyển than Cửa Ông -TKV.

- Khối lượng than nguyên khai được xác nhận qua cân toa xe tại Cửa Ông, các bên có nhiệm vụ cùng tham gia giám định khối lượng ký xác nhận khối lượng từng đoàn than qua cân tại các phiếu cân do trạm cân in ra. Kết thúc ca sản xuất ký xác nhận phiếu tổng hợp và xác nhận tổng số lượng than giao nhận trong ca.

- Tất cả các đoàn tàu không tải (Đầu máy+ toa xe) trước khi nhận than đều phải qua cân tàu hoả động để cân khối lượng không tải và được hai bên giao nhận thống nhất mới được chất tải lên toa xe.

- Đối với các đoàn tàu chở than mở khi chất tải xuống toa xe mà kiểm tra không đảm bảo chất lượng hoặc các bên chưa thống nhất về chất lượng thì không được kéo, bộ phận giao nhận phải báo cáo điều hành sản xuất xin ý kiến giải quyết của giám đốc hai bên.

- Để đảm bảo cân tàu hoả động hoạt động ổn định và chính xác, tốc độ chạy tàu duy trì và khống chế ở mức tối đa: 20km/h.

- Bên mua có trách nhiệm quản lý, vận hành cân đúng quy trình và đảm bảo cân hoạt động chính xác, liên tục. Khi có chương trình sửa chữa, kiểm định hoặc trạm cân bị lỗi kỹ thuật phải mời cơ quan kiểm định và thành phần các bên tham gia giám sát (Đại diện Công ty Tuyển than Cửa Ông- TKV, Đại diện các đơn vị giao than, Công ty Cổ phần Giám định- Vinacomin) về để giải quyết, thì trong thời gian này áp dụng giao than bằng mô hình toa xe, đồng thời bên mua phải thông báo trước cho bên bán bằng văn bản, để hai bên phối hợp thực hiện.

- Sau khi cân đã được kiểm định, hai bên không được tự ý tác động vào giường cân, vào phần cứng; phần mềm của máy vi tính, hoặc các vị trí có thể tác động làm ảnh hưởng đến độ chính xác của cân. Hai bên thống nhất niêm phong ở các vị trí có thể tác động vào làm sai lệch độ chính xác của cân (vị trí cân niêm phong được hai bên thống nhất, giấy niêm phong phải được đóng dấu của hai bên).

- Trường hợp trạm cân bị lỗi kỹ thuật: Có thể xác định được ngay trạm cân bị lỗi kỹ thuật hoặc tình trạng trạm cân bình thường không phát hiện được các lỗi kỹ thuật cụ thể nhưng kết quả của phép cân không bình thường, nằm ngoài giới hạn khảo sát thì trường hợp này trạm cân được coi là bị lỗi kỹ thuật và khi đó khối lượng than giao nhận chuyển sang phương pháp giao nhận bằng mô hình:

Khối lượng = Thể tích (x) tỷ trọng than nguyên khai.

Trong trường hợp giao bằng mô hình phải được thống nhất bằng biên bản giữa hai bên và Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin. Trọng khối than nguyên khai được áp dụng theo mùa như sau:

+ Mùa mưa từ 01/4 - 30/9

+ Mùa khô từ 01/10 - 31/3

- Độ ẩm (W_p) làm cơ sở tính bù trừ khối lượng: theo độ ẩm trung bình của chủng loại than trong TCVN và TCCS hiện hành được TKV công bố.

Điều 3. Đơn giá và thanh toán

3.1. Đơn giá: Thực hiện theo các Quyết định ban hành giá của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt nam.

Khi TKV có quyết định điều chỉnh đơn giá mua/bán than hai bên căn cứ cùng nhau thực hiện.

3.2. Thanh toán:

- Khối lượng và chất lượng thanh toán:

+ Chất lượng than sạch trong nguyên khai tính bình quân theo chuyển làm căn cứ để giám sát việc giao nhận chất lượng, tính bình quân 15 ngày 01 lần đối chiếu làm cơ sở thanh toán.

+ Hàng ngày căn cứ số lượng chất lượng than giao nhận, hai bên lập biên bản đối chiếu tiền than, bên bán xuất hóa đơn cho bên mua theo đúng quy định của TKV.

+ Kết thúc tháng, hai bên cùng nhau đối chiếu thống nhất số lượng, chất lượng than mua bán, lập biên bản đối chiếu xác nhận số lượng và giá trị theo quy định của TKV.

- Đồng tiền thanh toán: Việt nam đồng

- Phương thức thanh toán: Thanh toán trực tiếp hoặc bù trừ công nợ trong TKV. Bên Bán lập hóa đơn giao cho bên mua và Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam thanh toán cho bên Bán than theo hình thức trực tiếp hoặc bù trừ công nợ (Thực hiện theo các quy định hiện hành của TKV ban hành)

- Thời hạn thanh toán: Theo quy định Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam.

Điều 4. Trách nhiệm vật chất trong quá trình giao nhận than

1. Trách nhiệm vật chất trong công tác vận chuyển than:

- Bên bán (Đơn vị giao than) chịu trách nhiệm bảo vệ toàn bộ khối lượng than trên đoàn tàu nằm trong khu vực sân ga do bên bán quản lý.

- Bên mua (Đơn vị nhận than) chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo vệ khối lượng than và an toàn cho con người trên đoàn tàu khi đoàn tàu ra hết địa phận ga (Kết thúc ranh giới) của bên bán và trên suốt quãng đường vận chuyển đến vị trí cuối cùng là trạm cân toa xe tại Cửa Ông .

- Trường hợp than bị đánh cắp trên đường vận chuyển: Khi phát hiện ra trường hợp này, đoàn tàu than vẫn được đưa vào cân bình thường theo đúng quy trình cân toa xe, sau đó bên giao và bên nhận than lập biên bản mất than trong quá trình vận chuyển với nội dung cơ bản sau:

+ Xác nhận số toa xe bị mất than (Ghi rõ số toa xe; số lượng toa xe).

+ Xác nhận khối lượng than bị mất. Căn cứ vào kết quả cân để xác định và cách xác định như sau:

Khối lượng than bị mất = (Khối lượng trung bình của các toa xe có than nguyên vẹn - Khối lượng trung bình của các toa xe có than bị mất) x Số lượng toa xe mất than

- Căn cứ vào biên bản được lập, bên mua có trách nhiệm đền bù khối lượng than bị mất theo đơn giá mua bán than Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam quy định tại từng thời điểm.

2. Hai bên phối hợp:

- Căn cứ kế hoạch tháng TKV giao cho từng đơn vị mỏ, bên bán chủ động đăng ký với bên mua về số lượng giao thực tế trong tháng.

- Hai bên phối hợp trao đổi thông tin tác nghiệp hàng ngày, tuần, tháng về các thay đổi thời gian (như ca/ngày nghỉ sửa chữa, nghỉ luân phiên...), các vướng mắc trong công tác giao than,... (các thông báo trao đổi qua phòng Điều khiển sản xuất hai bên)

- Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong khu vực ga.

- Bên mua chịu trách nhiệm đưa đoàn tàu vào nhận than mỏ đảm bảo an toàn khi chất tải, toa xe đã được đóng chắc chắn, đảm bảo số lượng than trên đường vận chuyển.

- Bên bán chỉ tổ chức rót than khi các toa xe của bên mua đã được đóng chắc chắn, đảm bảo an toàn khi rót than và vận chuyển.

- Bên bán có trách nhiệm chất tải than $30m^3/1$ toa xe để tận dụng sức kéo và đảm bảo khối lượng khi giao bằng mô hình. Nếu bên bán không rót đủ tải theo sơ đồ qui định phải bồi thường cho bên mua chi phí vận tải ứng với số tấn thiếu tải theo đơn giá vận chuyển đường sắt TKV ban hành hoặc theo thảo thuận giữa hai bên.

- Bên bán chịu trách nhiệm đảm bảo đủ ánh sáng, vệ sinh, an toàn và bảo vệ tài sản trong khu vực sân ga cách hai đầu máng + 50 m. Than rơi vãi, bị mất cấp trên toa xe trong khu vực ga, bên mua trù vào than đã chất lên thùng xe. Quá trình chất tải và đoàn tàu hoạt động trong khu vực ga nếu bị mất cấp tải sản hoặc sự cố làm hư hỏng đầu tàu, toa xe, đường sắt, nhà ga, thông tin tín hiệu hoặc tài sản của mỏ thì do lỗi của bên nào bên đó phải bồi thường vật chất cho bên thiệt hại.

- Bên bán tạo điều kiện tối đa về ánh sáng, chống bụi và các điều kiện hỗ trợ khác tại mặt bằng máng ga, phục vụ cho việc lấy mẫu xác định chất lượng - số lượng đảm bảo khách quan trung thực.

- Khi rót than tại máng ga, nếu bên mua phát hiện có đá +100 mm, dăm gỗ, đất sét và tỷ lệ đá +15 > 15% bên bán có phương án xử lý kịp thời trước khi bên mua kéo than về Nhà máy tuyển.

3. Quy định tăng giảm giá theo chất lượng than nguyên khai:

Thực hiện theo các quyết định của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam về giá bán than tại từng thời điểm.

4. Thủ tục giải quyết tranh chấp:

- Những phát sinh ngoài các thoả thuận trên trong quá trình sản xuất xảy ra thì đại diện 2 bên tại máng ga kịp thời giải quyết để không gây ách tắc cho sản xuất và thông báo về cơ quan mỗi bên. Các trường hợp tai nạn, sự cố hoặc mất cấp tải sản thì 2 bên cử cán bộ điều tra, lập biên bản xác định nguyên nhân quy kết trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phối hợp xử lý nhanh để sản xuất.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Nếu gặp khó khăn vướng mắc, hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết và thống nhất bằng văn bản. Trường hợp vướng mắc mà không thương lượng được, thì có thể đưa vụ việc ra tòa án kinh tế Quảng Ninh giải quyết tranh chấp theo quy định của Pháp luật.

- Các điều kiện không quy định trong Hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam ban hành các văn bản quyết định mới thì hai bên sẽ thực hiện theo văn bản mới của Tập đoàn và được coi là phụ lục không tách rời kèm theo bản hợp đồng này.

- Hợp đồng lập thành 08 bản mỗi bên 04 bản và có hiệu lực từ 01/01/2022 đến 31/12/2022.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
P. GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN CAO SƠN
- TKV
Phạm Quốc Việt

ĐẠI DIỆN BÊN MUA
P. GIÁM ĐỐC
CHÍNH
TẬP ĐOÀN
CN THAN - K.S VIỆT NAM
CÔNG TY TUYẾN THAN
CỎ ĐÔNG - TKV
Phạm Hồng Thanh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TUYÊN THAN CỬA ÔNG - TKV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 07 /HD-TTCO

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 04 năm 2022

HỢP ĐỒNG

Mua bán than mỏ năm 2022

(Vận chuyển bằng băng tải cấp than cho PX Tuyên than 4 - C.ty Tuyên than Cửa Ông)

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH11 ngày 24 tháng 11 năm 2015, Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ quyết định số: 1762 /QĐ-TKV ngày 27/12/2021 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam Về việc ban hành các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn các công ty TKV;

Căn cứ quyết định số: 2213/QĐ-TKV ngày 14/9/2010 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam v/v: Ban hành quy trình Giám định khối lượng, giám định chất lượng than;

Căn cứ quyết định số: 2944/QĐ-TKV ngày 12/12/2016 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt nam v/v Quy định về quản lý cân thương mại và giao nhận than về khối lượng trong nội bộ Tập đoàn -TKV;

Căn cứ quyết định số: 246/QĐ- TKV ngày 13/02/2015 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành Quy định ký hợp đồng mua bán sản phẩm, phát hành hóa đơn, thanh toán công nợ trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

Chúng tôi gồm có:

Bên bán: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SON -TKV
Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 0203.3862 337 FAX: 0203 3863 945
Tài khoản số: 1106 4242 8888, Mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế: 5702053837
Người đại diện: Ông Phạm Quốc Việt Chức vụ Giám đốc
Bên mua: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM- CÔNG TY TUYÊN THAN CỬA ÔNG-TKV
Địa chỉ: Tổ 48, Khu 4B2, P.Cửa Ông, TP Cẩm phả, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 0203 3865 054 FAX: 0203 3865 656
Tài khoản số: 119 0000 10610 Mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
Mã số thuế: 5700100256-033
Người đại diện: Phạm Hồng Thanh Chức vụ: P.Giám đốc làm đại diện
Theo giấy ủy quyền ngày 13/12/2021 của Giám đốc Công ty Tuyên than Cửa Ông - TKV

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán than mỏ với các điều khoản sau:

Điều 1. Khối lượng; chất lượng than

1. Khối lượng.

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn -TKV bán cho Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV than nguyên khai mỏ: 1.265.000 Tấn vận chuyển cấp cho Nhà máy Tuyển than 4.

2. Chất lượng than:

- Chất lượng than nguyên khai: Giao nhận chất lượng theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam năm 2022. Bên bán không được giao than nguyên khai có tỷ lệ đá +15mm; cỡ hạt; độ tro than cám 0-15mm vượt quá phẩm cấp than nguyên khai theo Quyết định ban hành giá bán than của TKV năm 2022.

- Bên bán có trách nhiệm xử lý tối đa tạp chất lẫn trong than như: dăm gỗ, sắt thép, đất sét và các loại tạp chất khác.

Điều 2. Vận chuyển, giao nhận than

1- Vận chuyển; thời gian; địa điểm giao nhận than:

a. **Vận chuyển than:** Bên mua thuê Công ty Môi trường vận chuyển than bằng băng tải về Nhà máy Tuyển than 4.

b. **Thời gian giao nhận:** Hai bên giao nhận liên tục 3 ca (24 giờ) trong ngày. Trường hợp có sự cố hai bên gặp nhau giải quyết kịp thời thông qua Phòng Điều khiển Sản xuất của các bên.

b. Địa điểm giao nhận:

- Giao nhận chất lượng: Tại điểm lấy mẫu hai bên thống nhất.

- Giao nhận số lượng: Giao nhận bằng cân băng tải của bên bán.

2. **Tiến độ giao nhận:** Giao nhận căn cứ kế hoạch điều hành của Tập đoàn Công nghiệp Than -Khoáng sản Việt Nam.

3. Thành phần và các chứng từ giao nhận:

a. Đại diện của bên mua;

b. Đại diện của bên bán;

c. Đại diện bên vận chuyển (Nếu có);

d. Đại diện của Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin;

- Đại diện của Bên mua; Bên bán và Bên vận chuyển chấp nhận khối lượng; chất lượng thì lập chứng từ mua bán than theo từng loại than. Chứng từ lập thành 6 liên, bên mua giữ 4 liên, bên bán giữ 2 liên. Chứng từ gồm có:

+Phiếu giao nhận than mỏ;

+Giấy chứng nhận số lượng (Phiếu giao than cho từng lô than qua băng tải);

+Giấy chứng nhận chất lượng, khối lượng do Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin cấp

+Các giấy tờ khác nếu cần thiết.

- Chứng từ đối chiếu thanh toán phải đầy đủ hợp lệ và không tẩy xóa.

- Hai bên cử đại diện (do Giám đốc đơn vị uỷ quyền, cho phép) để thực hiện hợp đồng mua bán than ký kết vào các chứng từ giao nhận than hàng ngày và hoàn toàn chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng than đã giao nhận, tổ chức đối chiếu số lượng, chất lượng làm cơ sở thanh toán theo quy định.

- Chứng từ giao nhận số lượng, chất lượng hàng ngày: bên bán gửi cho bên mua chứng từ ngày hôm trước ngay ngày hôm sau liên kế để làm cơ sở báo cáo TKV theo quy định.

- Công ty Cổ phần Giám định là thành phần tham gia giám định khối lượng và chất lượng than mỏ (căn cứ quyết định số 2213/QĐ-TKV ngày 14/9/2010 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam). Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin chịu trách nhiệm cấp đầy đủ chứng thư giám định về khối lượng và chất lượng than giao nhận cho các bên. Chứng thư giám định là cơ sở để thanh toán hàng tháng giữa các bên theo quy định của TKV. Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin có trách nhiệm giải quyết mọi sai lệch về kết quả giám định và những vướng mắc trong quá trình thực hiện giám định, chịu trách nhiệm trước Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về các kết quả thể hiện trong chứng thư giám định.

4. Phương thức giao nhận:

a. Giao nhận chất lượng:

- Các bên tổ chức lấy mẫu và giao nhận chất lượng than tại các điểm lấy mẫu.

- Chất lượng than nguyên khai giao, nhận ban đầu được xác định tại điểm giao than tỷ lệ than cục +15mm, tỷ lệ kẹp xit +15, đất đá +15mm trong than nguyên khai, độ tro than cám 0+15 trong than nguyên khai, lấy theo chứng thư cấp của Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin, các bên tự đối chiếu, nếu có sai lệch thì kiến nghị Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin, sau đó 3 bên căn cứ vào mẫu niêm phong phân tích lại và lấy kết quả đó làm cơ sở thanh toán.

b. Giao nhận số lượng:

- Khối lượng than được hai bên giao nhận xác định bằng khối lượng than thực tế qua hệ thống cân bằng tải tại điểm giao nhận được hai bên thống nhất

- Bên bán có trách nhiệm quản lý, vận hành cân đúng quy trình và đảm bảo cân hoạt động chính xác, liên tục (nếu là cân của bên bán) hoặc thuê cân để thực hiện giao nhận số lượng đảm bảo cân đã được kiểm định và cấp chứng chỉ kiểm định đảm bảo yêu cầu. Khi có chương trình sửa chữa, kiểm định hoặc trạm cân bị lỗi kỹ thuật phải mời cơ quan kiểm định và thành phần các bên tham gia giám sát (Đại diện Công ty Tuyển than Cửa Ông- TKV, Đại diện đơn vị giao than, Công ty Cổ phần Giám định- Vinacomin) để giải quyết. , trong thời gian này áp dụng giao than bằng cân đối chứng của bên mua, hoặc cân của đơn vị vận chuyên.

- Sau khi cân đã được kiểm định, hai bên không được tự ý tác động vào cân, vào phần cứng; phần mềm của máy vi tính, hoặc có dấu hiệu khác không đảm bảo độ chính xác của cân, cân phải được hai bên thống nhất niêm phong ở các vị trí có thể tác động vào làm sai lệch độ chính xác của cân (vị trí cân niêm phong được hai bên thống nhất, giấy niêm phong phải được đóng dấu của hai bên).

- Than nguyên khai giao nhận tại điểm giao nhận của đơn vị giao than (trạm cân bên bán), các bên có nhiệm vụ cùng tham gia giám định khối lượng ký xác nhận khối lượng từng lô than qua cân tại các phiếu cân do trạm cân in ra. Kết thúc ca sản xuất ký xác nhận phiếu tổng hợp và xác nhận tổng số lượng than giao nhận trong ca.

- Trường hợp trạm cân bị lỗi kỹ thuật, hoặc trong thời gian kiểm định cân: Có thể xác định được ngay trạm cân bị lỗi kỹ thuật hoặc tình trạng trạm cân bình thường không phát hiện được các lỗi kỹ thuật cụ thể nhưng kết quả của phép cân không bình thường, nằm ngoài giới hạn khảo sát thì trường hợp này trạm cân được coi là bị lỗi kỹ thuật và khi đó khối lượng than giao nhận được thực hiện bằng cân đối chứng của bên mua, hoặc cân của đơn vị vận chuyển.

Trong trường hợp cân của bên mua, bên bán và đơn vị vận chuyển đều bị lỗi, hai bên cùng Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin lập biên bản và cùng nhau thống nhất phương án giao nhận.

- Độ ẩm (W_{tp}) làm cơ sở tính bù trừ khối lượng: theo độ ẩm trung bình của chủng loại than trong TCVN và TCCS hiện hành được TKV công bố.

Điều 3. Đơn giá và thanh toán

3.1. Đơn giá: Thực hiện theo các Quyết định ban hành giá của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt nam.

Khi TKV có quyết định điều chỉnh đơn giá mua/bán than hai bên cùng căn cứ thực hiện.

3.2. Thanh toán:

- Khối lượng và chất lượng thanh toán:

+ Chất lượng than nguyên khai tính bình quân theo lô than làm căn cứ để giám sát việc giao nhận chất lượng, tính bình quân 15 ngày 01 lần đối chiếu làm cơ sở thanh toán.

+ Hàng kỳ căn cứ số lượng chất lượng than giao nhận, hai bên lập biên bản đối chiếu bên bán xuất hóa đơn cho bên mua theo đúng quy định của TKV.

+ Kết thúc tháng, hai bên cùng nhau đối chiếu thống nhất số lượng, chất lượng than mua bán, lập biên bản đối chiếu xác nhận số lượng và giá trị theo quy định của TKV.

- Đồng tiền thanh toán: Việt nam đồng

- Phương thức thanh toán: Thanh toán trực tiếp hoặc bù trừ công nợ trong TKV. Bên bán lập hóa đơn giao cho bên mua và Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam thanh toán cho bên Bán than theo hình thức trực tiếp hoặc bù trừ công nợ (*Thực hiện theo các quy định hiện hành của TKV ban hành*)

- Thời hạn thanh toán: Theo quy định Tập đoàn CN than - Khoáng sản Việt Nam.

Điều 4. Trách nhiệm vật chất trong quá trình giao nhận than

1. Trách nhiệm vật chất trong công tác vận chuyển than:

- Bên bán chịu trách nhiệm vận chuyển than đến máng cấp liệu của bên mua.

- Bên bán chịu trách nhiệm bảo vệ toàn bộ khối lượng than trên phương tiện nằm trong khu vực giao than do bên bán quản lý, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo vệ khối lượng than và an toàn cho con người trên suốt quãng đường vận chuyển đến vị trí giao nhận

- Bên mua phối hợp với bên vận chuyển chịu trách nhiệm bảo vệ toàn bộ khối lượng than qua cân trên phương tiện sau khi giao nhận đến địa điểm đổ tải của Nhà máy Tuyển than 4.

- Trường hợp sau khi cân đối chứng: nếu có hao hụt hai bên lập biên bản xác nhận khối lượng than bị hao hụt và thống nhất thực hiện theo quyết định số 2185/QĐ-TKV ngày 08/10/2014 của TKV ban hành.

2. Hai bên phối hợp:

- Căn cứ kế hoạch tháng TKV giao cho từng đơn vị mỏ, bên bán chủ động đăng ký với bên mua về số lượng giao thực tế trong tháng.

- Hai bên phối hợp trao đổi thông tin tác nghiệp hàng ngày, tuần, tháng về các thay đổi thời gian (như ca/ngày nghỉ sửa chữa, nghỉ luân phiên...), các vướng mắc trong công tác giao than,... (các thông báo trao đổi qua phòng Điều khiển sản xuất hai bên)

- Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong khu vực giao nhận.

- Bên bán chịu trách nhiệm đảm bảo đủ ánh sáng, vệ sinh, an toàn và bảo vệ tài sản trong khu vực giao than.

- Bên mua tạo điều kiện tối đa về ánh sáng, chống bụi, chống mưa gió tại khu vực lấy mẫu và các điều kiện hỗ trợ khác tại mặt bằng địa điểm giao than, phục vụ cho việc lấy mẫu xác định chất lượng đảm bảo khách quan trung thực.

3. Quy định tăng giảm giá theo chất lượng than nguyên khai:

Thực hiện theo các quyết định của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam về giá bán than tại từng thời điểm.

4. Thủ tục giải quyết tranh chấp:

Những phát sinh ngoài các thoả thuận trên trong quá trình sản xuất xảy ra thì đại diện 2 bên tại địa điểm giao than kịp thời giải quyết để không gây ách tắc cho sản xuất và thông báo về cơ quan mỗi bên. Các trường hợp tai nạn, sự cố hoặc mất cắp tài sản thì 2 bên cử cán bộ điều tra, lập biên bản xác định nguyên nhân quy kết trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phối hợp xử lý nhanh để sản xuất.


Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Nếu gặp khó khăn vướng mắc, hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết và thống nhất bằng văn bản. Trường hợp vướng mắc mà không thương lượng được, thì có thể đưa vụ việc ra tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết tranh chấp theo quy định của Pháp luật. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp bên vi phạm chịu 100%.

- Các điều kiện không quy định trong Hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam ban hành các văn bản quyết định mới thì hai bên sẽ thực hiện theo văn bản mới của Tập đoàn và được coi là phụ lục không tách rời kèm theo bản hợp đồng này.

- Hợp đồng lập thành 08 bản mỗi bên 04 bản và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN *Phạm Quốc Việt*
P. GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN CAO SƠN
- TKV
Phạm Quốc Việt

ĐẠI DIỆN BÊN MUA *Phạm Hồng Thanh*
P. GIÁM ĐỐC

CHÍNH HÀNH
TẬP ĐOÀN
CH THAN - K5 VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH THAN
CÔNG - TKV
Phạm Hồng Thanh

CÔNG TY CP THAN CAO SON VÀ
Số: 215
ĐẾN Ngày: 14/12/2022
Chuyên:
Lưu hồ sơ số: KHAI THÁC, SÁNG TUYỂN, CHẾ BIẾN THAN NĂM 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

KHAI THÁC, SÁNG TUYỂN, CHẾ BIẾN THAN NĂM 2022

Số: 229/2022/HĐKD

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Luật thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 của Chính phủ về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);

Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-TKV ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn các công ty TKV (Tổ hợp công ty mẹ - Công ty con Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam);

Căn cứ Thỏa thuận chung ngày 29/12/2021 về thực hiện Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022;

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại TP Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh, Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) là Công ty TNHH 1 TV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện chức năng chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản than,... với mục tiêu phát triển công nghiệp than và các ngành, nghề khác một cách bền vững; đáp ứng nhu cầu than của nền kinh tế; hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước giao. Trong Hợp Đồng này TKV là **Bên A**.

Địa chỉ: Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại số: (84)024.5180141-(84)024.8510780, Fax (84)024.510724

Tài khoản số: 102010000011613 mở tại Ngân hàng công thương Hoàn Kiếm Hà Nội.

Mã số thuế doanh nghiệp: 5700100256

Đại diện là Ông: Đặng Thanh Hải. Chức vụ: Tổng giám đốc.

2. Công ty CP Than Cao Sơn - TKV là một công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam, chuyên ngành khai thác mỏ, tự nguyện nhận khai thác than giao cho Bên A trên cơ sở hợp đồng khai thác, sáng tuyển, chế biến than; trong Hợp Đồng này Công ty Cổ phần than Cao Sơn - TKV được gọi là **Bên B**.

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm phá, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 02033.862337, Fax: 02033.863945

Mã số thuế doanh nghiệp: 5702053837

Tài khoản: 100 868 6868 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phá, Quảng Ninh.

Đại diện là Ông: Phạm Quốc Việt. Chức vụ: Giám đốc.

II. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung

1.1. Bên B đồng ý nhận khai thác, sàng tuyển, chế biến than năm 2022 và giao cho Bên A với khối lượng, chất lượng, giá cả được quy định trong hợp đồng này và các văn bản hướng dẫn, quy định của TKV trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

Trong trường hợp thị trường có biến động làm ảnh hưởng đến Kế hoạch phối hợp kinh doanh thì bên A sẽ cùng với bên B xem xét, điều chỉnh lại kế hoạch để phù hợp với nhu cầu của khách hàng theo kế hoạch điều hành sản xuất - tiêu thụ than hàng tháng của TKV giao. Căn cứ báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 9 tháng và dự báo thực hiện cả năm của đơn vị và các văn bản chỉ đạo điều hành của TKV, hai bên thống nhất điều chỉnh một số chỉ tiêu KH PHKD, khoản chi phí theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV ban hành và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh bổ sung (nếu có).

1.2. Bên B có trách nhiệm hoàn thành tiến độ cải tạo, mở rộng và xây dựng mới các mỏ than, các công trình theo kế hoạch đầu tư phát triển và bảo vệ môi trường đảm bảo theo quy định của TKV và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giá mua bán than

2.1. Hai bên thỏa thuận và thống nhất rằng: Đối với sản phẩm giao nộp (mua bán) theo tiến độ, khối lượng và chất lượng trong Điều 1, Bên A thanh toán (trả) cho Bên B chi phí thực hiện các công đoạn sản xuất trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, bao gồm cả lợi nhuận định mức kế hoạch.

2.2. Điều chỉnh giá:

- Căn cứ tình hình thực hiện, hai bên thống nhất điều chỉnh giá mua bán theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV ban hành, được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn các công ty TKV và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh bổ sung (nếu có).

- Trường hợp Bên B được Bên A chi khuyến khích sản lượng, chất lượng than, Bên A thực hiện điều chỉnh giá mua than tương ứng số tiền khuyến khích sản lượng, chất lượng than Bên B được hưởng.

- Việc điều chỉnh giá được hai bên thống nhất bằng Phụ lục Hợp đồng đính kèm Hợp đồng này.

2.3. Bên B có trách nhiệm thực hiện chi phí thăm dò thuộc Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới các GPKT và thăm dò Khai thác, công tác trắc địa; chi phí môi trường; chi phí cấp cứu mỏ; đào tạo y tế được đã được tính toán giao khoán trong kế hoạch PHKD và các văn bản hướng dẫn của TKV.

Điều 3. Phương thức nghiệm thu sản phẩm và thanh toán

3.1. Sản phẩm được công nhận là đã giao nộp cho Bên A khi đã bốc dỡ lên phương tiện của khách hàng, phương tiện của Bên A tại cảng, nhà ga của Bên B do Bên A chỉ định; hoặc giao tại kho, bãi của Bên A và được Bên A (hoặc đơn vị được Bên A uỷ quyền) chấp nhận.

3.2. Sản phẩm giao nộp (mua bán) cho TKV (thông qua các công ty kho vận, NMT) phải có phiếu chứng nhận số lượng và chất lượng của Công ty giám định.

3.3. 6 tháng, 9 tháng và cả năm Bên A tổ chức kiểm tra, xác nhận tổng sản phẩm mà Bên B đã giao nộp và các chỉ tiêu khác như đã thống nhất trong các Phụ lục hợp đồng này.

3.4. Bên A thanh toán tiền than cho Bên B từ 7 đến 10 ngày một lần đối với than giao nhận cho Tập đoàn (thông qua các công ty kho vận, NMT) hoặc quy định điều chỉnh bổ sung (nếu có).

3.5. Kết thúc năm, căn cứ vào khối lượng sản phẩm giao nộp theo quy định và các chỉ tiêu theo hợp đồng đã ký, hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên

4.1. Bên A

4.1.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.1.1.1. Giao cho Bên B quản lý, sử dụng phần vốn của chủ sở hữu tại công ty để kinh doanh.

4.1.1.2. Về thị trường:

- Thống nhất quản lý thị trường tiêu thụ than của TKV ở trong và ngoài nước.

- Ủy quyền cho các công ty Kho vận và cảng, công ty Tuyển than của TKV nhận sản phẩm của Bên B giao theo tiến độ, khối lượng, chất lượng ghi trong Phụ lục hợp đồng để tiêu thụ và thanh toán tiền than cho Bên B theo thỏa thuận trong Điều 3.

4.1.1.3. Thống nhất quản lý, hỗ trợ về công nghệ, quản lý và điều hành của TKV, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công tác sau đây:

a. Tổ chức nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ mới trong khai thác, chế biến than.

b. Nghiên cứu hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại. Hướng dẫn, ban hành các quy chế, quy trình, quy định, định mức KTKT và đơn giá áp dụng trong phạm vi toàn Tập đoàn.

c. Giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Bên B trong việc thẩm định các phương án sản xuất, chế biến than; trong các lĩnh vực đầu tư XD/CB; an toàn lao động, quản lý lao động, tiền lương; công tác tổ chức cán bộ; công tác kế toán, tài chính và các công tác khác theo đúng Điều lệ TKV, quy chế, quy định hiện hành.

4.1.1.4. Hướng dẫn các công ty tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh thực hiện các cam kết trong các hợp đồng về giám định và cấp chứng thư khối lượng và chất lượng than do Bên B giao, cung ứng vật tư, hàng hoá, dịch vụ, xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ và chăm lo sức khỏe người lao động trong toàn Tập đoàn.

4.1.1.5. Các quyết định, văn bản hướng dẫn về điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh, giá bán sản phẩm, cơ chế khuyến khích sản xuất-tiêu thụ, các văn bản hướng dẫn, quy định nội bộ có liên quan của Tổng giám đốc

TKV và/hoặc người được Tổng giám đốc uỷ quyền đều được coi là phụ lục của Hợp đồng này.

4.1.2. Các quyền lợi:

4.1.2.1. Sử dụng các công cụ quản lý, điều tiết toàn ngành về tài nguyên, vốn, lao động, công nghệ, thị trường nhằm đảm bảo tăng trưởng, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh chung toàn Tập đoàn.

4.1.1.2. Tăng cường tích lũy vốn, đầu tư phát triển sản xuất, ...

4.1.1.3. Tổng giám đốc TKV tự mình và/hoặc uỷ quyền cho các Phó Tổng giám đốc, các viên chức thuộc bộ máy quản lý điều hành của TKV kiểm tra tiến độ thực hiện hợp đồng.

4.2. Bên B

4.2.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.2.1.1. Bên B cam kết sử dụng mọi nguồn lực và các giải pháp quản lý trong phạm vi quyền hạn của mình được Pháp luật quy định để bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ đã được Bộ Tài nguyên - Môi trường cấp phép và được bên A giao, không để thất thoát than hoặc để khai thác, vận chuyển, tiêu thụ than trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ, kho, bến cảng được giao quản lý.

4.2.1.2. Tuân thủ quy phạm kỹ thuật, quy trình công nghệ, cải thiện điều kiện kỹ thuật, điều kiện làm việc cho người lao động; là chủ thể chịu trách nhiệm chính đảm bảo an toàn lao động, an toàn về máy móc thiết bị, an toàn về vốn, bảo vệ môi trường.

4.2.1.3. Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi đầu tư máy móc, thiết bị, chuẩn bị đủ nguồn nhân lực (không để thiếu thợ lò), ... để hoàn thành các chỉ tiêu đã cam kết tại Điều 1 và đảm bảo sự phát triển bền vững của đơn vị. Chủ động đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất than trong khai thác và tăng giá trị than thu được sau chế biến so với năm trước.

4.2.1.4. Quản trị chặt chẽ khối lượng mỏ và chỉ tiêu công nghệ, chi phí theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV đã ban hành; chịu trách nhiệm về công tác khoán quản chi phí, giao và nghiệm thu chi phí khoán và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình; chịu trách nhiệm trước Tập đoàn, Pháp luật về số liệu do đơn vị thực hiện, báo cáo. Trường hợp, Bên B báo cáo không đúng số liệu thực tế thực hiện thì sẽ phải tự chịu trách nhiệm theo quy định của TKV, của Nhà nước và tự chịu các chi phí phát sinh tăng, giảm nếu có theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2.1.5. Đảm bảo các chế độ về ăn ca, ăn định lượng, bồi dưỡng độc hại, thu nhập của người lao động và lợi nhuận không giảm so với kế hoạch.

4.2.1.6. Thực hiện đầy đủ các quy định về điều hành sản xuất, tiêu thụ (bao gồm cả cơ chế khuyến khích sản xuất-tiêu thụ than nếu có), chế độ báo cáo thống kê, các quy chế, quy định khác của TKV và Nhà nước đã ban hành. Duy trì tất cả các báo cáo và hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, và giữ an toàn tất cả các bản vẽ, tài liệu liên quan đến thực hiện Hợp Đồng này.

4.2.1.7. Cho phép tiếp cận và cung cấp các thông tin hợp lý cho Đại diện của Bên A cũng như tất cả các đại diện được uỷ quyền hợp lệ của các cơ quan

Nhà nước Trung Ương hay Địa phương, trong quá trình mà những cán bộ này tiến hành giám sát một cách hợp lý sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4.2.1.8. Nộp thuế vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

4.2.2. Các quyền lợi:

4.2.2.1. Toàn quyền sử dụng tổng chi phí mà bên A thanh toán để chi trả theo yêu cầu sản xuất và theo chế độ quy định.

4.2.2.2. Chủ động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh trên cơ sở thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Điều 5. Thủ tục giải quyết các vướng mắc và trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng

5.1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên (có biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

5.2. Trường hợp cần sửa đổi hợp đồng: khi cần thay đổi quy cách, chất lượng sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng, ...

5.3. Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã thống nhất trong hợp đồng sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng và bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường cho bên kia những thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra. Trong đó:

a. Trường hợp Bên B để xảy ra tình trạng khai thác than trái phép trong ranh giới mỏ và/hoặc để thất thoát than trong quá trình khai thác, vận chuyển, tiêu thụ than thì: Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị sản phẩm bị thất thoát và các chi phí liên quan khác.

b. Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho mỗi lần vi phạm (thực hiện theo quy định tại Điều 301- Luật thương mại năm 2005).

Điều 6. Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng có giá trị hiệu lực từ ngày 01/01/2022 và thực hiện trong năm 2022. Hợp đồng được lập thành 6 bản mỗi bên 03 bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC CTY CP THAN CAO SON



Phạm Quốc Việt

ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC TKV



Đặng Thanh Hải

PHỤ LỤC SỐ 01
TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHKD NĂM 2022
 (Kèm theo Hợp đồng số: 229 /2022/HĐKD ngày 29/12/2021)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty than Cao Sơn	
			Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	Quản trị tài nguyên			
	a - Bóc đất đá lộ thiên	1000m ³	61 000	
	Trong đó: Đất CBSX	"	61 000	
	Đất XD CB	"		
	* Hệ số bóc đất đá CBSX	m ³ /tấn	11,09	
	b - Đào lò tổng số	m		
	Trong đó: Đào lò CBSX	"		
	Đào lò XD CB	"		
	* Hệ số đào lò CBSX	m/1000t		
	c - Tỷ lệ tổn thất tài nguyên khai thác			
	- Khai thác lộ thiên	%		
	- Khai thác hầm lò	"		
	b - Tỷ lệ thu hồi than sạch từ nguyên khai	%	90,55	
2	Sản phẩm chủ yếu			
2.1	Than nguyên khai	1000t	5 500	
	- Lộ thiên	"	5 500	
	- Hầm lò	"		
2.2	Than sạch sàng tại mỏ	1000t	1 896	
	- Than sạch từ nguyên khai	"	996	
	- Than sạch từ đất đá lẫn than	"	900	
2.3	Than tiêu thụ (giao cho Tập đoàn)	1000t	6 296	
a	Than giao cho các Công ty tuyển than	"	4 400	
	- Than sạch	"		
	- Than nguyên khai	"	4 130	
	- Giao nguyên khai Cty CB (giao tay ba)	"	270	
b	Than giao cho các Công ty kho vận, cảng	"	1 896	
	- Than sạch	"	1 896	
3	Doanh thu tổng số	tr.đồng	8 821 961	
3.1	Doanh thu sản xuất than	"	8 821 961	
3.2	Doanh thu sản xuất kinh doanh khác	"		
4	Lợi nhuận	tr.đồng	68 444	
	- Sản xuất than	"	68 444	
	- Sản xuất khác	"		
5	Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn CSH	%	15,97	
6	Giá thành, giá bán			
	- Giá bán bình quân than quy sạch	đ/tấn	1553 162	
	- Giá thành bình quân than quy sạch	"	1541 112	
7	Lao động - Tiền lương			
7.1	Lao động định mức	người	3 948	
	Trong đó: Sản xuất than		3 948	
7.2	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-thg	10 658	

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Công ty than Cao Sơn	
			Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
	Trong đó: Sản xuất than	"	10 658	
7.3	Đơn giá tiền lương			
	+ Sản xuất than [không b.gồm lương người q.lý]	đ/1000đ DT SXT	57,0	
8	Khấu hao tài sản			
	- Công ty trích khấu hao theo chế độ quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013			

[Handwritten signature]

PHỤ LỤC SỐ 02:
KẾ HOẠCH GIAO THAN THEO CHỦNG LOẠI THAN,
THAN NGUYÊN KHAI CHO TẬP ĐOÀN NĂM 2022

DVT: 1000t

TT	Chủng loại than	Công ty Cao Sơn
	Tổng số (1+2):	6 296
1	Than sạch giao cho các Cty kho vận	1 896
	- Cục 2a.4	
	- Cục 2b.2	
	- Cục 4a.2	3
	- Cục 4a.3	
	- Cục 4b.3	
	- Cục 5a.1	9
	- Cục 5b.1	
	- Cục 5b.2	
	- Cục xô 1a	18
	- Cục xô 1b	44
	- Cục xô 1c	
	- Cục 7c	5
	- Cục 8a	5
	- Cám 1	20
	- Cám 2	
	- Cám 3b	110
	- Cám 3c	127
	- Cám 4a	385
	- Cám 4b	
	- Cám 5a	
	- Cám 5b	
	- Cám 6a	
	- Cám 6b	480
	- Cám 7a	120
	- Cám 7b	470
	- Cám 7c	
	- Cám 8a	100
	- Cám 8b	
	- Cám 8c	
	- Bùn tuyển 3a	
	- Bùn tuyển 3b	
	- Bùn tuyển 4c	
2	Than giao các Cty TT	4 400
2.1	Than sạch	
2.2	Than nguyên khai NMT	2 865
	Đất đá (15%)	401
	- Than cục +15mm	77
	- Than cám 0-15 mm	2 258
	- Kẹp xít	129

TT	Chủng loại than	Công ty Cao Sơn
2.3	Than nguyên khai NMT (Khe Châm)	1 265
	Đất đá (15%)	177
	- Than cục +15mm	34
	- Than cám 0-15 mm	997
	- Kẹp xít	57
2.4	Than NK giao Cty chế biến	270
	Đất đá (15%)	38
	- Than cục +15mm	7
	- Than cám 0-15 mm	213
	- Kẹp xít	12

[Handwritten signature]

Số: **3044** /TTr-TCS-HDQT

Cẩm Phả, ngày 21 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị, bầu bổ sung 01 thành viên nhiệm kỳ 2020 - 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn – TKV được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2021,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung thay đổi nhân sự HĐQT, BKS Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV nhiệm kỳ 2020 - 2025:

Miễn nhiệm:

+ Thông qua quyết định số 8366/QĐ-TCS-HĐQT ngày 29/9/2021 của HĐQT Công ty, V/v miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT Công ty CP Than Cao Sơn-TKV đối với ông Phạm Thành Đông kể từ ngày 01/10/2021, lý do: Ông Phạm Thành Đông được nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí theo Luật BHXH và không còn là đại diện của cổ đông là tổ chức (TKV).

+ Thông qua tại Đại hội miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT Công ty CP Than Cao Sơn-TKV đối với ông Trần Tuấn Anh kể từ ngày 27/04/2022, lý do: Ông Trần Tuấn Anh đã có đơn xin từ nhiệm.

+ Miễn nhiệm 01 thành viên BKS Công ty CP Than Cao Sơn-TKV đối với bà Nguyễn Thị Bích Hải kể từ ngày 27/04/2022, lý do: Bà Nguyễn Thị Bích Hải đã có đơn xin từ nhiệm.

Bổ nhiệm:

+ Thông qua quyết định số 8368/QĐ-TCS-HĐQT ngày 29/9/2021 của HĐQT Công ty, V/v bổ nhiệm ông Phạm Quốc Việt giữ chức vụ ủy viên HĐQT Công ty CP Than Cao Sơn-TKV.

+ Bầu và bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 27/04/2022 cho đến hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Bầu và bổ nhiệm 01 thành viên BKS Công ty đối với ông (bà) kể từ ngày 27/04/2022 cho đến hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2022;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu VT; HĐQT.



Vũ Văn Khấn

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

Số: **1602** /TKV-TCNS
V/v thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị
và Ban kiểm soát

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: Người đại diện quản lý phần vốn của TKV
tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) nhận được Công văn số 1296/TCS-HĐQT ngày 24/02/2022 của Người đại diện quản lý phần vốn của TKV tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV về việc thay đổi nhân sự tham gia Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 ;

Sau khi xem xét, TKV đồng ý để Người đại diện quản lý phần vốn của TKV tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV triển khai các thủ tục trong Hội đồng quản trị/ Đại hội đồng cổ đông của Công ty để kiện toàn nhân sự Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát Công ty (vị trí không là Người đại diện của TKV), cụ thể :

1. Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Trần Tuấn Anh; miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Công ty đối với bà Nguyễn Thị Bích Hải.

2. Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát Công ty thay thế các cán bộ nêu trên.

TKV thông báo để Người đại diện quản lý phần vốn của TKV tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban QLV, KSNB (E-copy);
- Công ty Than Cao Sơn (E-copy);
- Lưu VT, TCNS (N).



Đặng Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Than Cao Sơn – TKV
- Hội đồng quản trị Công ty CP Than Cao Sơn – TKV

Tên tôi là: Trần Tuấn Anh

Địa chỉ: Căn hộ 2023, chung cư Royalcity, 72A Nguyễn Trãi, Thượng Đình,
Thanh Xuân, Hà Nội.

CCCD số: 001072019821

Ngày cấp: 8/5/2021

Nơi cấp: Cục cảnh

sát quản lý hành chính

Hiện nay tôi đang là ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Than Cao Sơn – TKV.

Vì lý do cá nhân, tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ này tại Công ty CP Than Cao Sơn – TKV được, do đó tôi làm đơn này xin từ nhiệm khỏi vị trí ủy viên hội đồng quản trị kể từ nhiệm kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Rất mong được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty CP Than Cao Sơn – TKV chấp thuận đơn từ nhiệm của tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, hội đồng quản trị đã tin tưởng và đồng hành trong suốt thời gian qua.

Trân trọng./.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Người làm đơn

Trần Tuấn Anh

Cám phả, ngày 27 tháng 05 năm 2021

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
TỪ NHIỆM CHỨC VỤ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV,
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV.

Tôi là Nguyễn Thị Bích Hải, sinh ngày 08/10/1966, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, xin được trình bày với Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty một việc như sau:

Từ khi được Đại hội tín nhiệm, bầu làm thành viên ban Kiểm soát Công ty đến nay, tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát. Tuy nhiên, theo Quy chế của Công ty, tôi đủ điều kiện được nghỉ chế độ kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2021. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty giải quyết cho tôi được thôi giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV nhiệm kỳ 2020 -2025 kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2021.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty xem xét, giải quyết.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Nguyễn Thị Bích Hải

Số: 3046/TT-TCS-HDQT

Cám Phá, ngày 22 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Than Cao Sơn - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2021;

Căn cứ Quy chế Tài chính của Công ty đã được HDQT thông qua theo Quyết định số 2599/QĐ-TCS-HDQT ngày 06/04/2022;

Căn cứ công văn số 1609 /TKV-KS ngày 15/4/2022 về việc tổ chức ĐHCĐCD thường niên năm 2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2021 của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV và Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân chia lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2021 như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	192.500	
	Trong đó: - LN năm trước chuyển sang	Tr.đồng	85.368	
	- LN năm nay	Tr.đồng	107.132	
2	Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm nay	Tr.đồng	29.932	
3	Phương án trả cổ tức năm 2021			
-	Tỷ lệ trả cổ tức	%	15	
-	Số tiền trả cổ tức	Tr.đồng	64.270	
4	Lợi nhuận còn lại (4=1-2-3)	Tr.đồng	98.298	
-	Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST năm 2021)	Tr.đồng	32.140	
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, trong đó:	Tr.đồng	65.756	
	<i>Trích quỹ khen thưởng (70%)</i>	Tr.đồng	46.029	
	<i>Trích quỹ phúc lợi (30%)</i>	Tr.đồng	19.727	
-	Trích quỹ thưởng Người quản lý Doanh nghiệp	Tr.đồng	402	

Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty là 192.500 tỷ đồng. Tuy nhiên năm 2022 tình hình SXKD vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên lợi nhuận năm 2022 khó có thể đạt kế hoạch đề ra. Vì vậy, công ty dự kiến để lại lợi nhuận chưa phân phối năm 2021: 29.932 tỷ đồng. Lợi nhuận phân phối năm 2021 là 162.568 tỷ đồng được phân phối theo quy định của Nhà nước

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.



Nơi nhận:

- Các ủy viên HĐQT, BKS;
- Các Đại biểu cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Khản



Số: **3047**/ TT-TCS-HĐQT

Cẩm Phá, ngày **21** tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về báo cáo trả tiền thù lao thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2021
Đề xuất tiền thù lao thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

1. Báo cáo trả tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2021:

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-TCS-ĐIIDCD ngày 22/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Than Cao Sơn - TKV năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội báo cáo trả tiền thù lao thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2021 như sau:

- Tổng mức chi trả thù lao 05 thành viên HĐQT:
+ Chủ tịch HĐQT: 61.680.000 đ
+ 04 thành viên HĐQT: 210.240.000 đ
Cộng: 271.920.000 đ

- Tổng mức chi thù lao các thành viên BKS:
+ Trưởng ban kiểm soát: 54.960.000 đ
+ 04 thành viên BKS: 210.240.000 đ
Cộng: 265.200.000 đ

Tổng cộng số tiền chi trả thù lao cho HĐQT và BKS: 537.120.000 đ
(*Bằng chữ: Năm trăm ba mươi bảy triệu một trăm hai mươi ngàn đồng*)

2. Mức chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022:

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn TKV về việc hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV, dự kiến mức thù lao cho thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2022 như sau:

TT	Chức danh	Mức thù lao hàng tháng (VNĐ)	Cơ sở tính [Lương giao khoán (theo QĐ1387/QĐ-TKV) x 20%]
1	Chủ tịch HĐQT	5.140.000	25.700.000 x 20% = 5.140.000
2	Ủy viên HĐQT	4.380.000	21.900.000 x 20% = 4.380.000
3	Trưởng BKS	4.580.000	22.900.000 x 20% = 4.580.000
4	Ủy viên BKS	4.380.000	21.900.000 x 20% = 4.380.000

Nguồn tiền thù lao của HĐQT, BKS được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội ĐCD thường niên năm 2022;
- Các cổ đông;
- Lưu VP, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Khẩn

Số: **3168**/TTr-TCS-HĐQT

Cẩm Phá, ngày **26** tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về danh sách đề cử 01 ứng cử viên để bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, 01 ứng cử viên để bầu bổ sung 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 - 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn – TKV được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-TCS-HĐQT ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung đề cử nhân sự HĐQT, BKS Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV nhiệm kỳ 2020 - 2025 như sau:

1- Đề cử ứng cử viên để bầu và bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 27/04/2022 cho đến hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025 đối với ông Mai Huy Giáp (có bản cung cấp thông tin chi tiết kèm theo).

2- Đề cử ứng cử viên để bầu và bổ nhiệm 01 thành viên BKS Công ty kể từ ngày 27/04/2022 cho đến hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025 đối với bà Đào Thị My (có bản cung cấp thông tin chi tiết kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2022;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Khấn